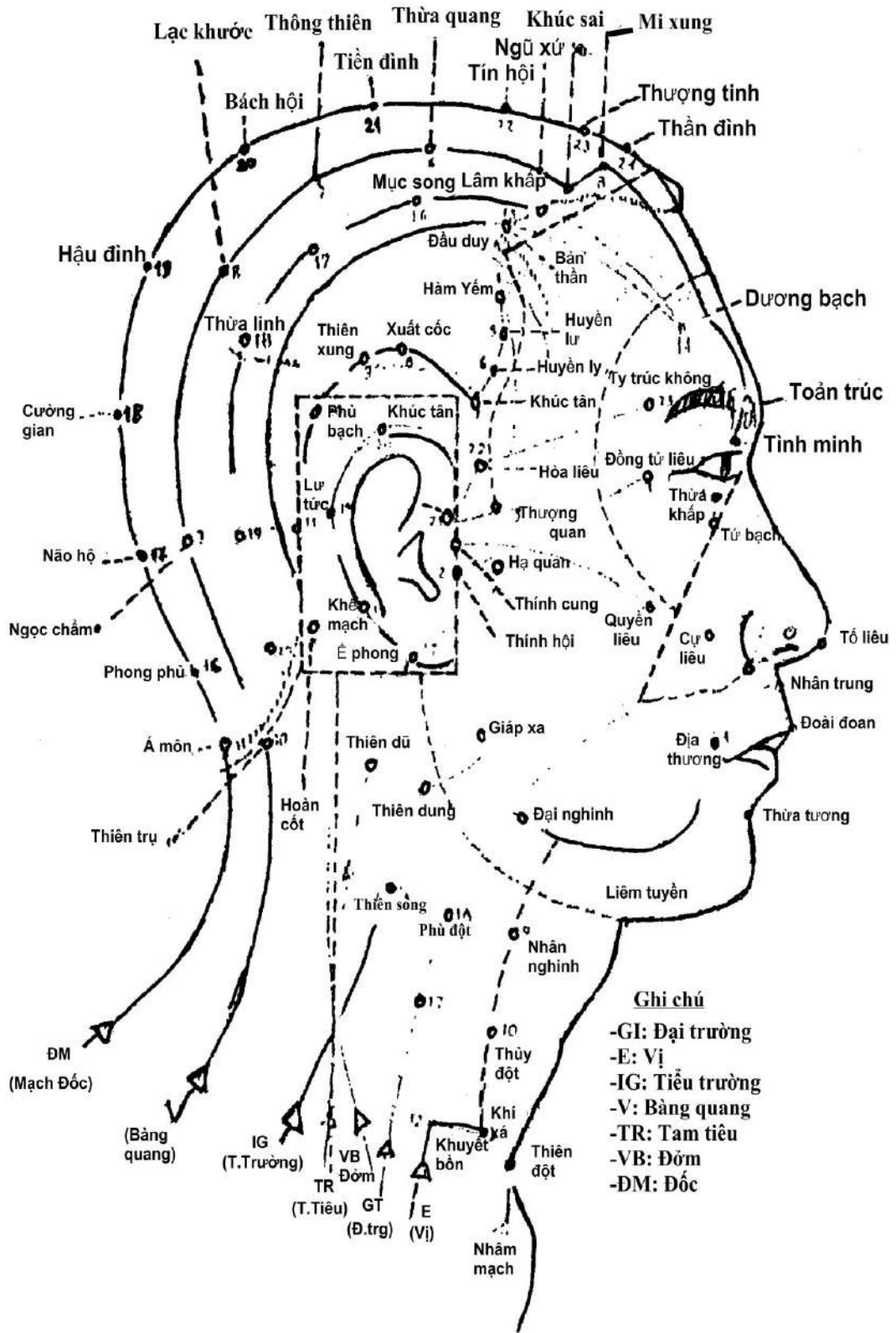


HUYỆT VÙNG ĐẦU MẶT



MUC LUC

LINH QUI BÁT PHÁP	
BỆNH KINH MẠCH	
TUẦN BIẾN TUẦN TRÙNG	1
TẨM PHÉP TRỊ CƠ BẢN	2
CẤP CỨU	11. 193. 194. 204
VÙNG BỤNG	24. 199. 202. 218. 222
CẢM SỞ	38. 193
HÔ HẤP - HẬU HỌNG	45. 196. 214. 222
ĐẦU - MẶT - THÂN KINH	56. 206
GÂN - CƠ - KHỚP - XƯƠNG	78. 209. 211. 212. 219
BỆNH NAM - NỮ	95
TÂM - HUYẾT	113. 195. 198
NGOÀI DA	121. 203. 215
BẢNG NGUYÊN - LẠC - KHÍCH - MỘ	134
NGŨ TẠNG	138
THƯƠNG HÃN BỆNH	141
ÔN BỆNH	145
TẠNG - PHỦ BỆNH	148
BÁT CƯỜNG	154
TỬ CHẨN	155
TRẺ EM	172
BẠI ĐAU (Y.D.L.K.)	228
GIẢI VƯƠNG CHÂM	236
MẠCH VÀ BỆNH	240
TÝ NGỌ LƯU TRÚ	< BÌA 3 >

1924⁺ Kỷ Mão
1925 Ất Dậu
1926 Canh Dần
1927 Ất Mùi
1928⁺ Canh Tý
1929 Bính Ngọ
1930 Tân Hợi
1931 Bính Thìn
1932⁺ Tân Dậu
1933 Đinh Mão
1934 Nhâm Thân
1935 Đinh Sửu
1936⁺ Nhâm Ngọ
1937 Mậu Tý
1938 Quý Tỵ
1939 Mậu Tuất
1940⁺ Quý Mão
1941 Kỷ Dậu
1942 Giáp Dần
1943 Kỷ Mùi
1944⁺ Giáp Tý
1945 Canh Ngọ
1946 Ất Hợi

1947 Canh Thìn
1948⁺ Ất Dậu
1949 Tân Mão
1950 Bính Thân
1951 Tân Sửu
1952⁺ Bính Ngọ
1953 Nhâm Tý
1954 Đinh Tỵ
1955 Nhâm Tuất
1956⁺ Đinh Mão
1957 Quý Dậu
1958 Mậu Dần
1959 Quý Mùi
1960⁺ Mậu Tý
1961 Giáp Ngọ
1962 Kỷ Hợi
1963 Giáp Thìn
1964⁺ Kỷ Dậu
1965 Ất Mão
1966 Canh Thân
1967 Ất Sửu
1968⁺ Canh Ngọ
1969 Bính Tý
1970 Tân Tỵ
1971 Bính Tuất

1972⁺ Tân Mão
 1973 Đinh Dậu
 1974 Nhâm Dần
 1975 Đinh Mùi
 1976⁺ Nhâm Tý
 1977 Mậu Ngọ
 1978 Quý Hợi
 1979 Mậu Thìn
 1980⁺ Quý Dậu
 1981 Kỷ Mão
 1982 Giáp Thân
 1983 Kỷ Sửu
 1984⁺ Giáp Ngọ
 1985 Canh Tý
 1986 Ất Ty.

1987 - Canh Tuất
 1988⁺ Ất Mão
 1989 Tân Dậu
 1990 Bính Dần
 1991 Tân Mùi
 1992⁺ Bính Tý
 1993 Nhâm Ngọ
 1994 Đinh Hợi
 1995 Nhâm Thìn
 1996 Bính Dậu
 1997 Quý Mão
 1998 Mậu Thân
 1999 Quý Sửu
 2000 Mậu Ngọ.

31	1	31	213	7	212
60	2	59	244	8	243
91	3	90	274	9	273
121	4	120	305	10	304
152	5	151	335	11	334
182	6	181	366	12	365

① KHẨM - CĂN	④ ĐOÀI - CĂN	⑦ TỒN - KHÔN
② LY - CĂN	⑤ CĂN - LY	⑧ CHẤN - CHẤN
③ CĂN - ĐOÀI	⑥ KHÔN - KHẨM	⑨ KHÔN - TỒN

I

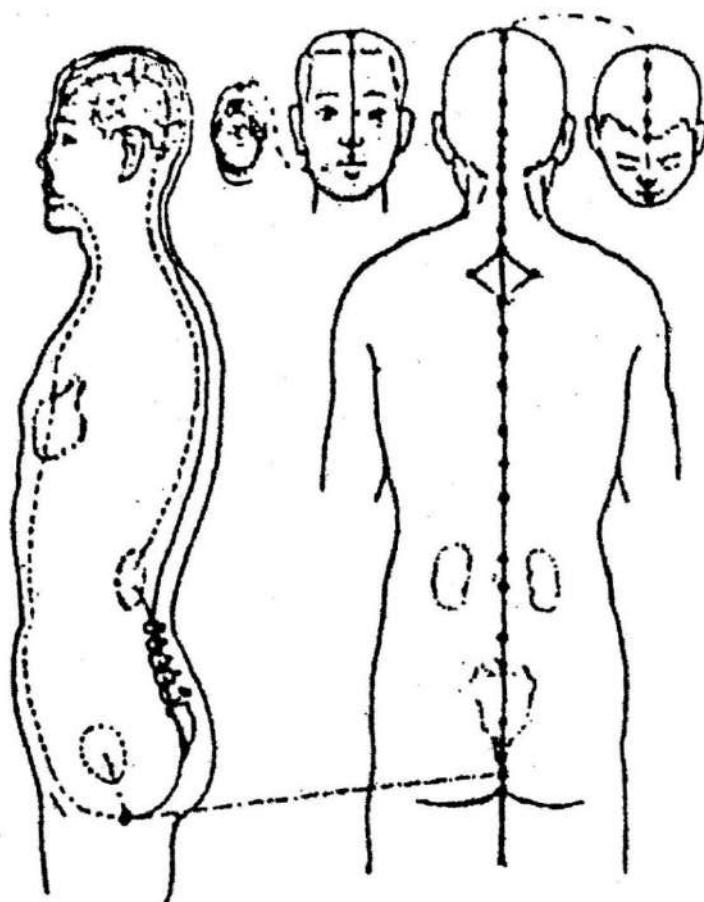
1864 - 1923

III

1924 - 1983

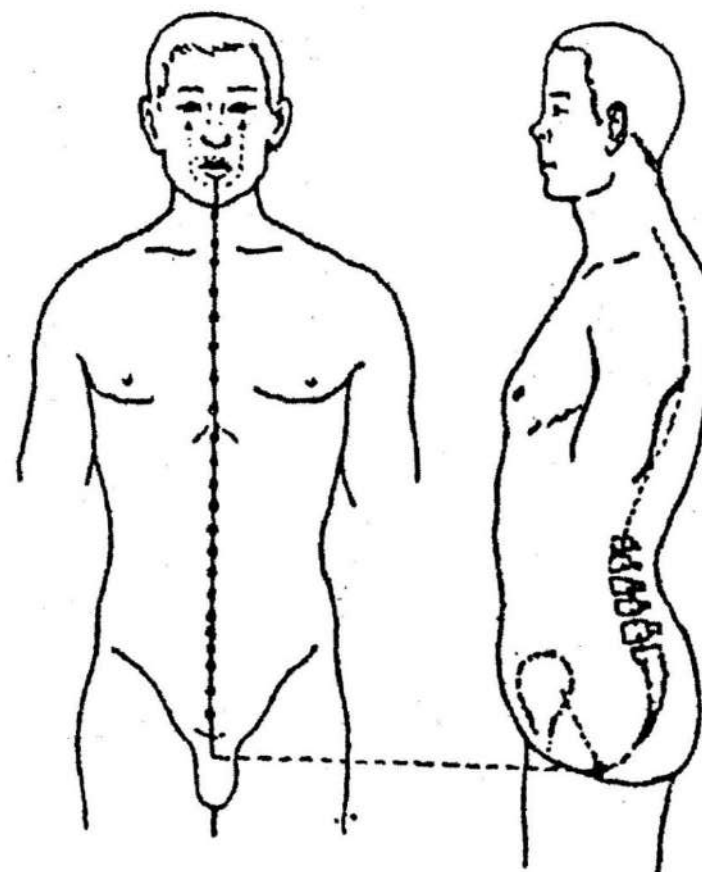
II

1984 - 2043



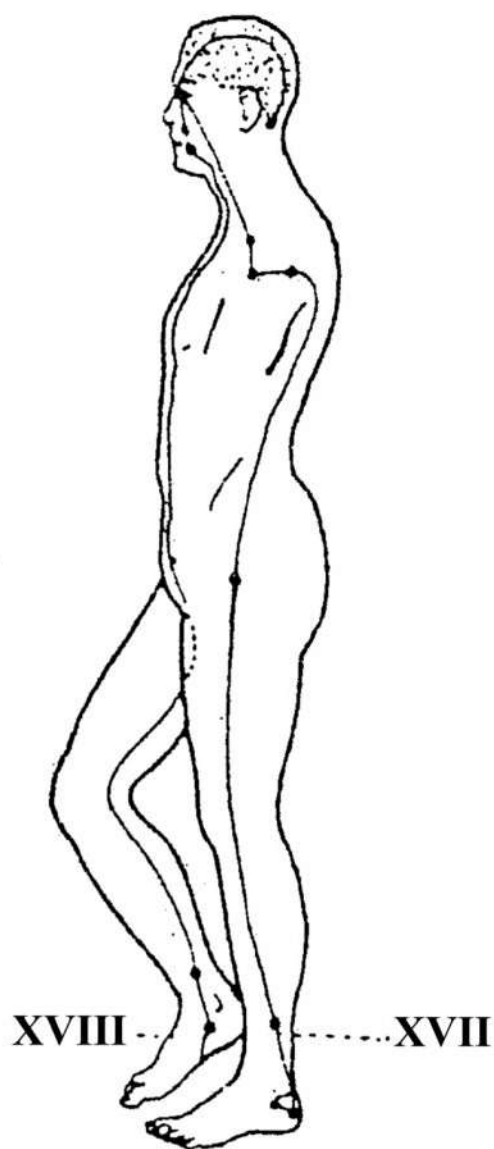
XIII.MẠCH ĐỐC

Cấp cứu, bệnh tình ai, đau đầu,
đau lưng, uốn ván

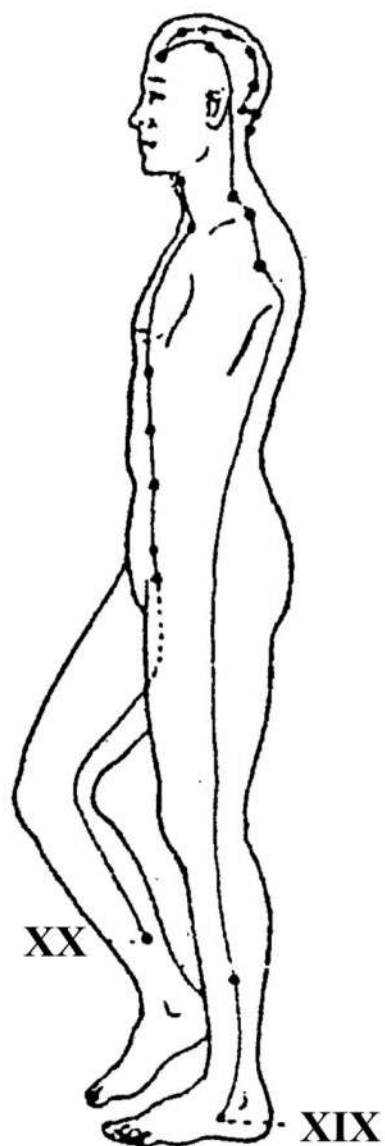


XIV.MẠCH NHÂM

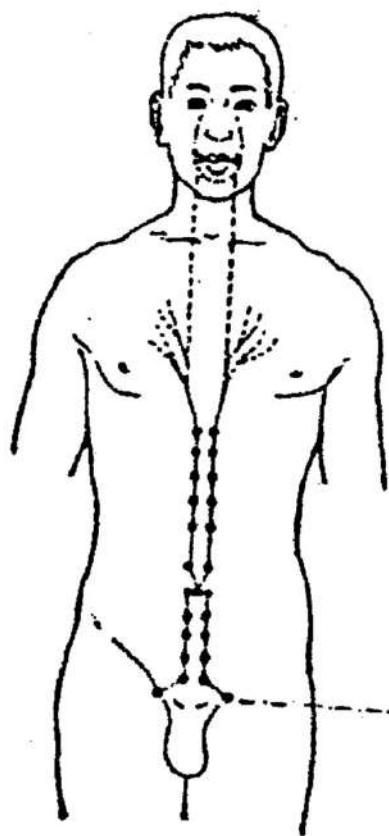
Bụng dưới đau, bí đái, đái dầm, kinh
nguyệt không đều, sản khí, hư thoát,
dạ dày, ho hen, ỉa chảy



XVII.MẠCH DƯƠNG KIỀU
XVIII.MẠCH ÂM KIỀU
 (+) Chân bai vào
 (-) Chân bai ra

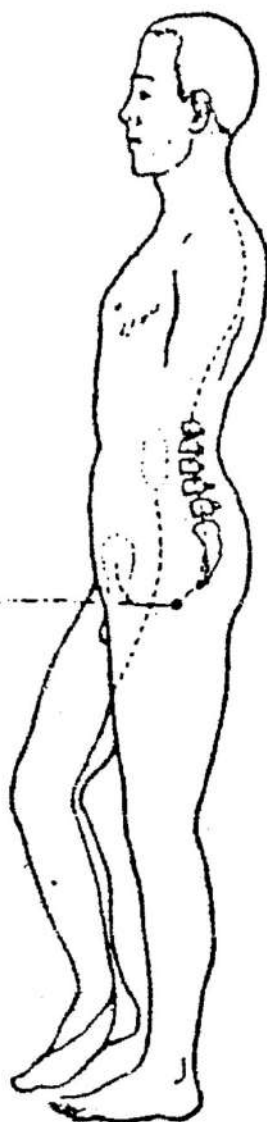


XIX.MẠCH DƯƠNG DUY
XX.MẠCH ÂM DUY
 (+) Hàn nhiệt
 (-) Đau tim



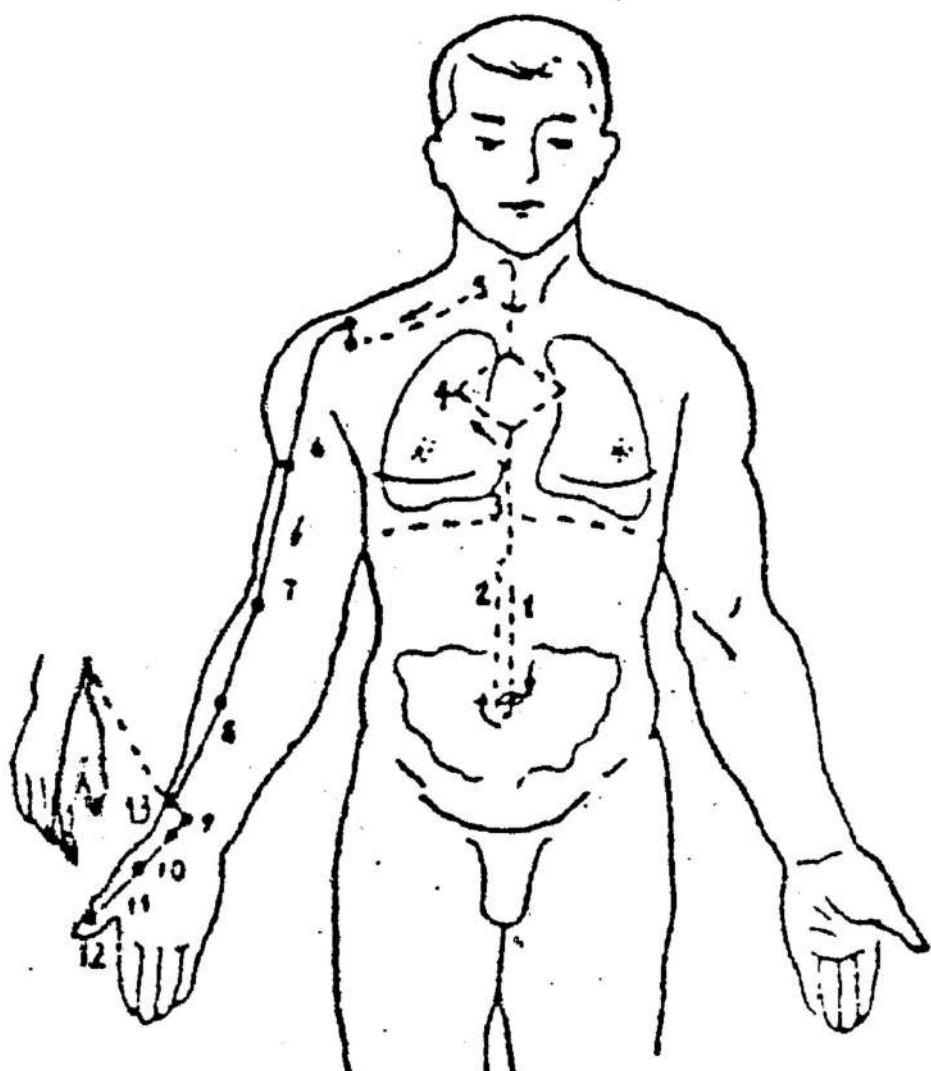
XV.MẠCH XUNG

**Khí xông ngược lên
đau bụng**



XVI.MẠCH ĐỐI

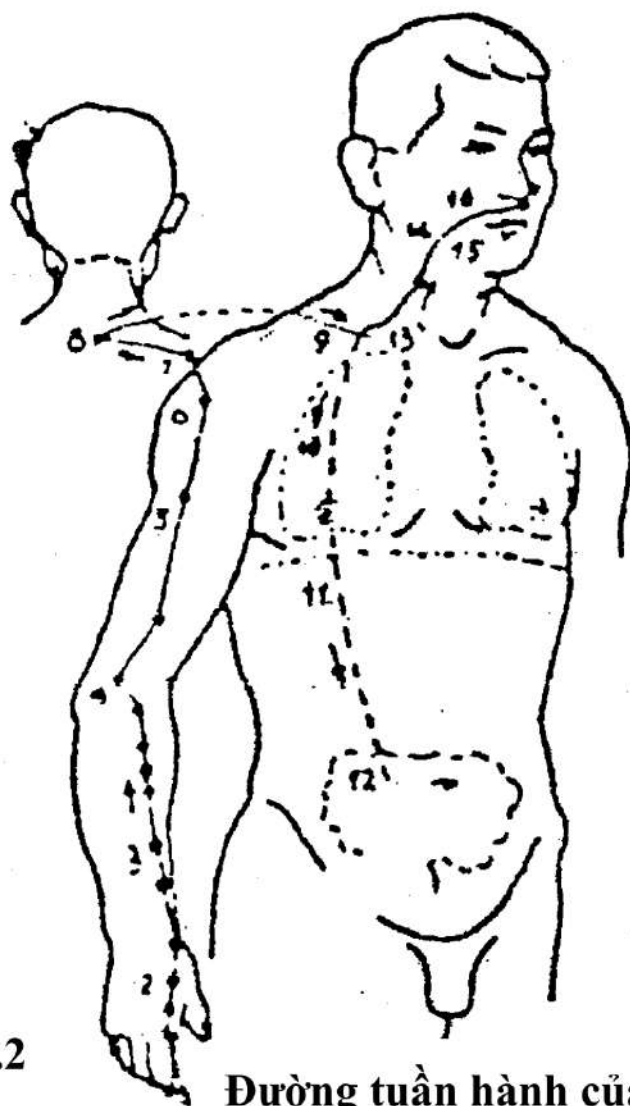
**Trong bụng đầy tức lưng
không mềm mại**



H1.Đường tuần hành của kinh THỦ THÁI ÂM PHẪ

- Đường có huyết thông lạc
- Đường không có huyết thông lạc
- Huyết trên kinh
- Δ Huyết giao hội

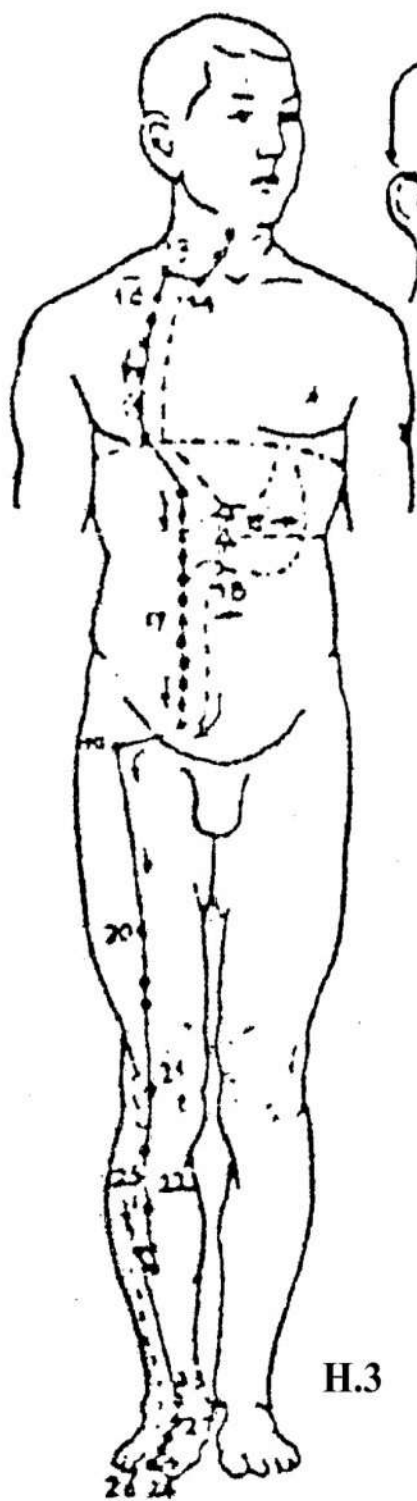
*Tay giờ ngang: Tâm bào, Tam tiêu
 Giờ về sau: Tâm, Tiểu trường
 Đưa về trước: Phế, Đại trường
 *Mặt trước chân: Vị
 Mặt sau chân: Bàng quang
 Mặt ngoài chân: Đâm



H.2

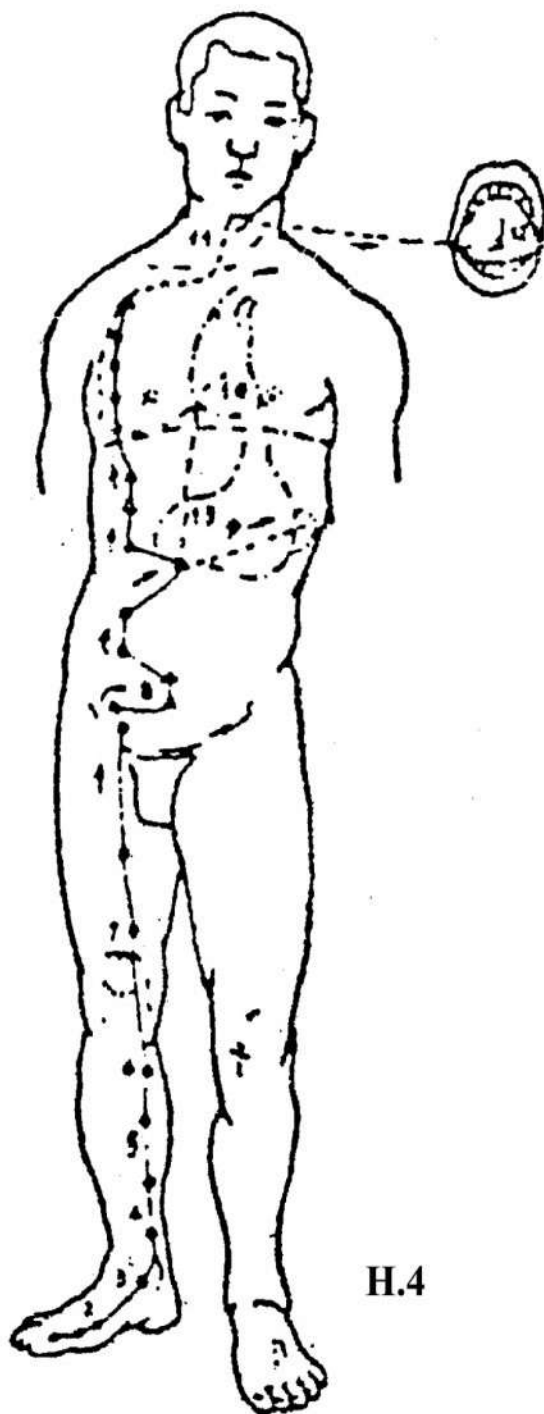
Đường tuần hành của kinh
THỦ DƯƠNG MINH
ĐẠI TRƯỜNG

Thái uyên - Thiên lịch
 Hợp cốc - Liệt khuyết



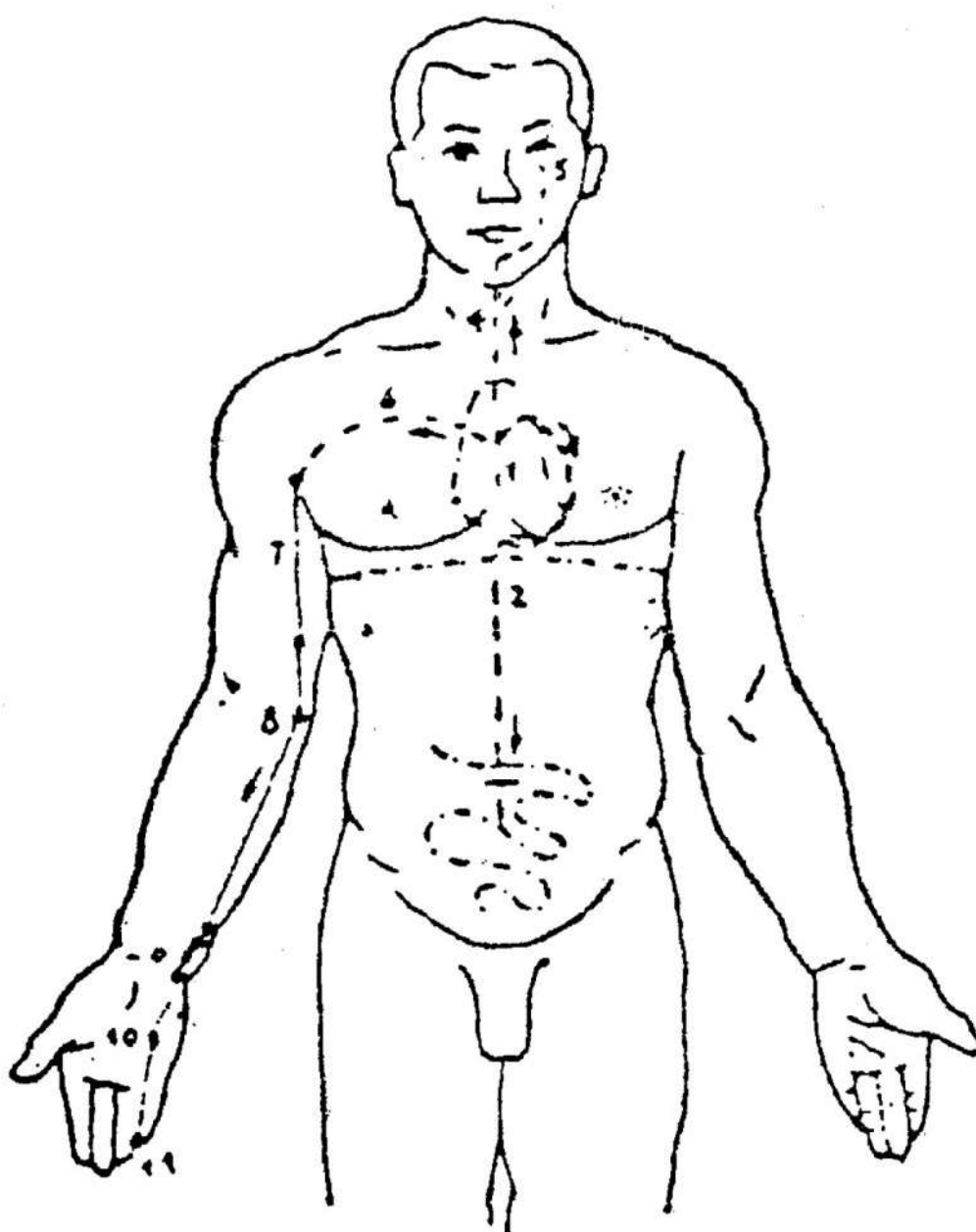
H.3

Kinh
TÚC DƯƠNG MINH VỊ

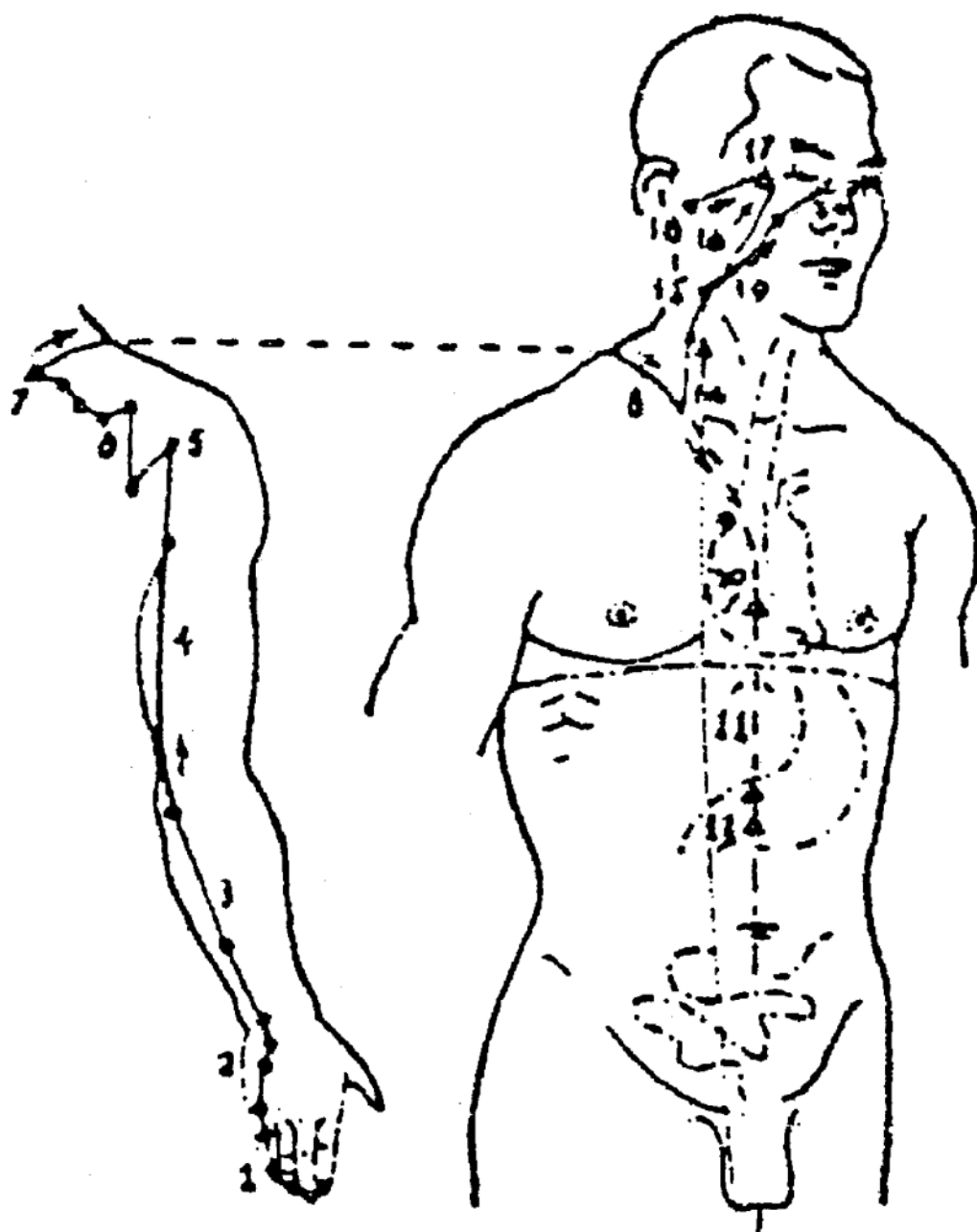


H.4

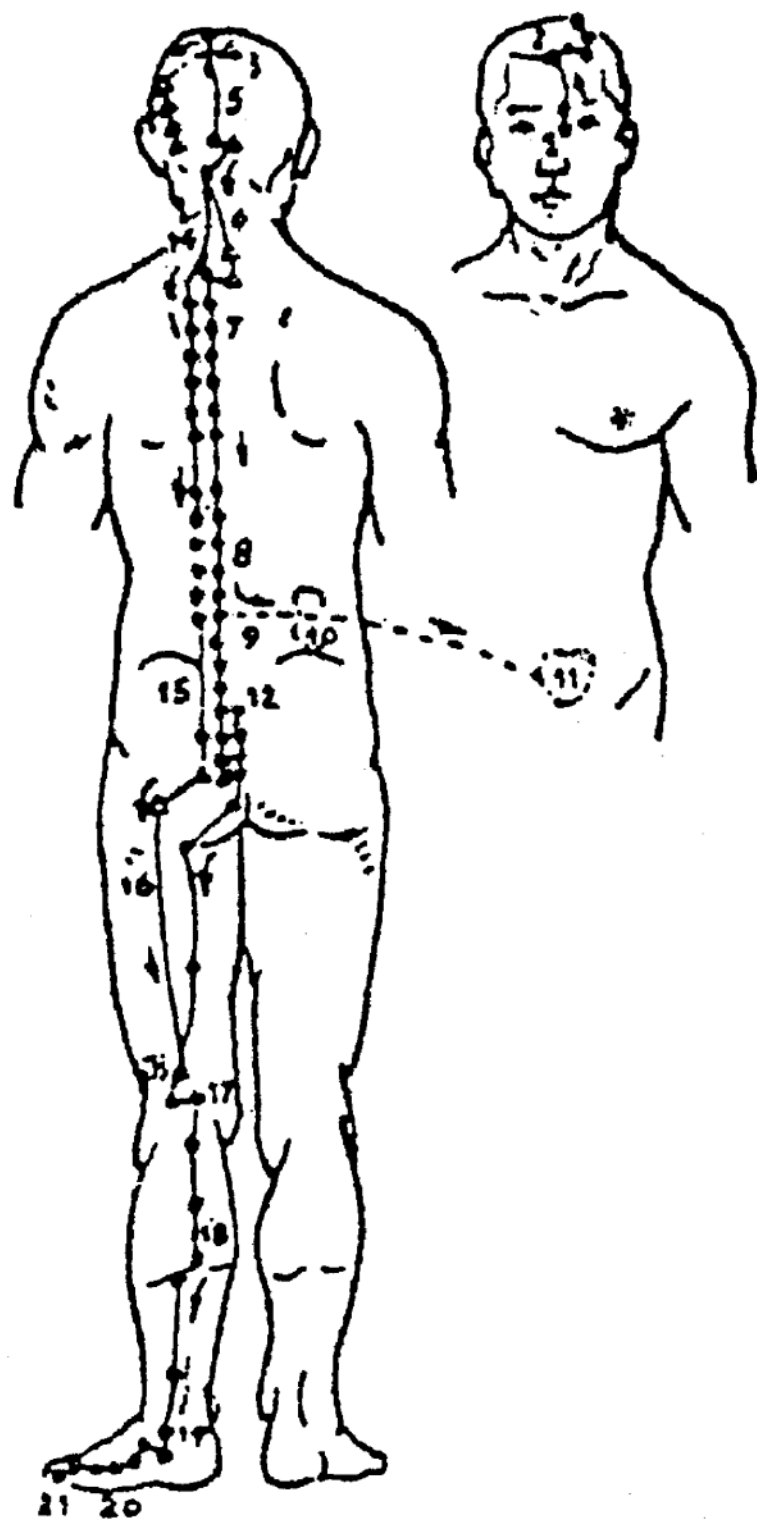
Kinh TÚC THÁI ÂM TỖ



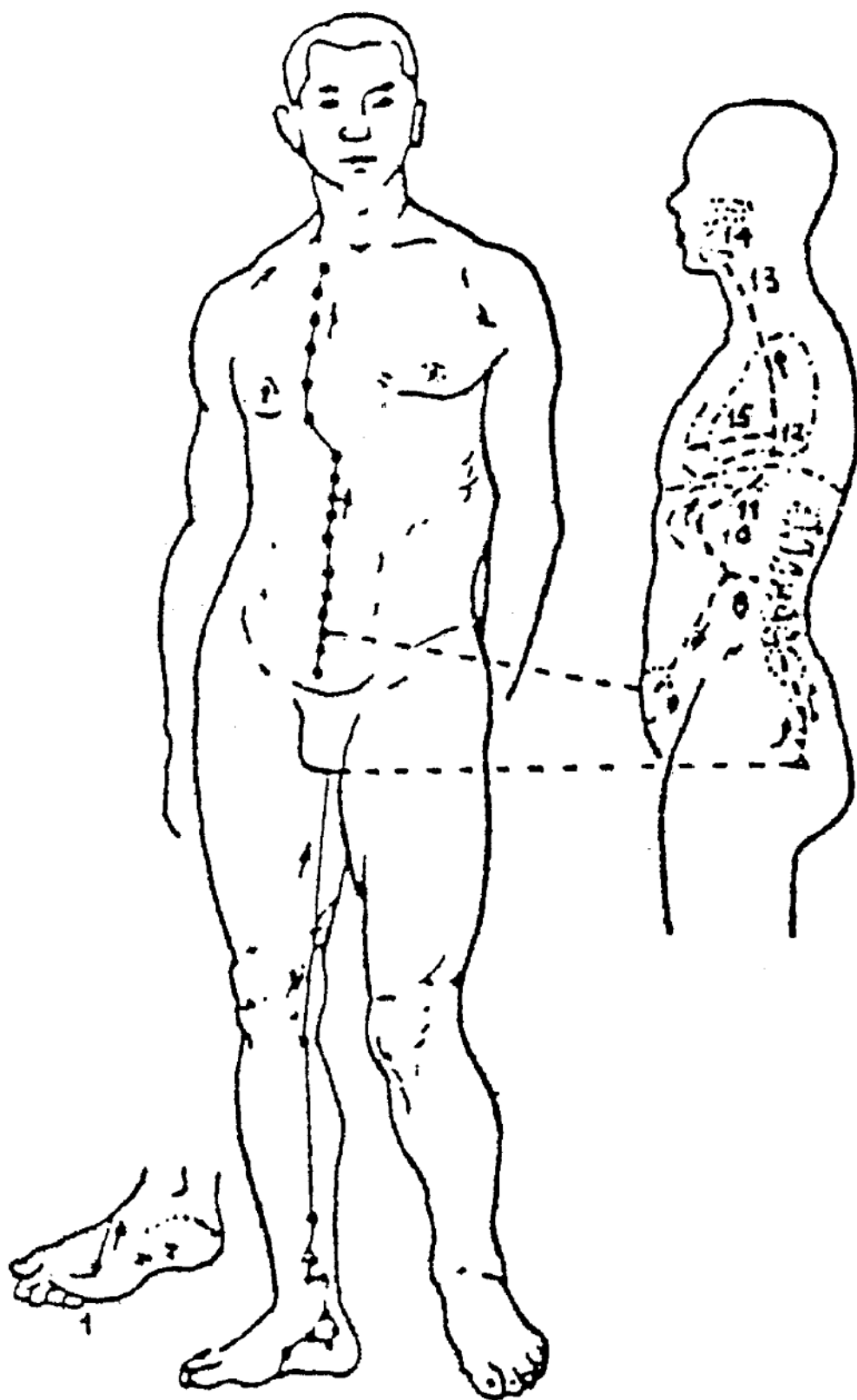
H.5 Kinh THỦ THIÊU ÂM TÂM



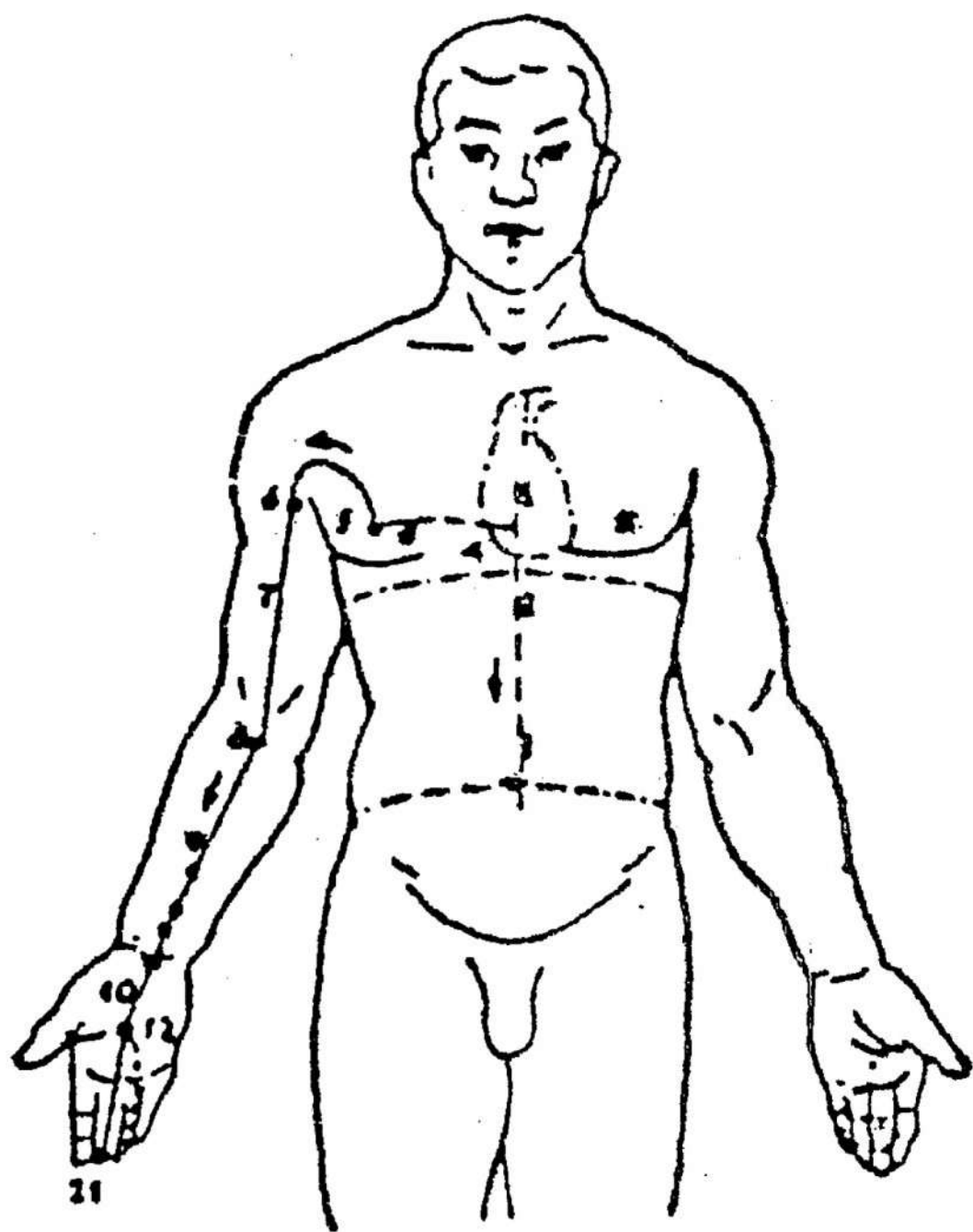
**H.6 Kinh THẬN THÁI DƯƠNG
TIỂU TRƯỜNG**



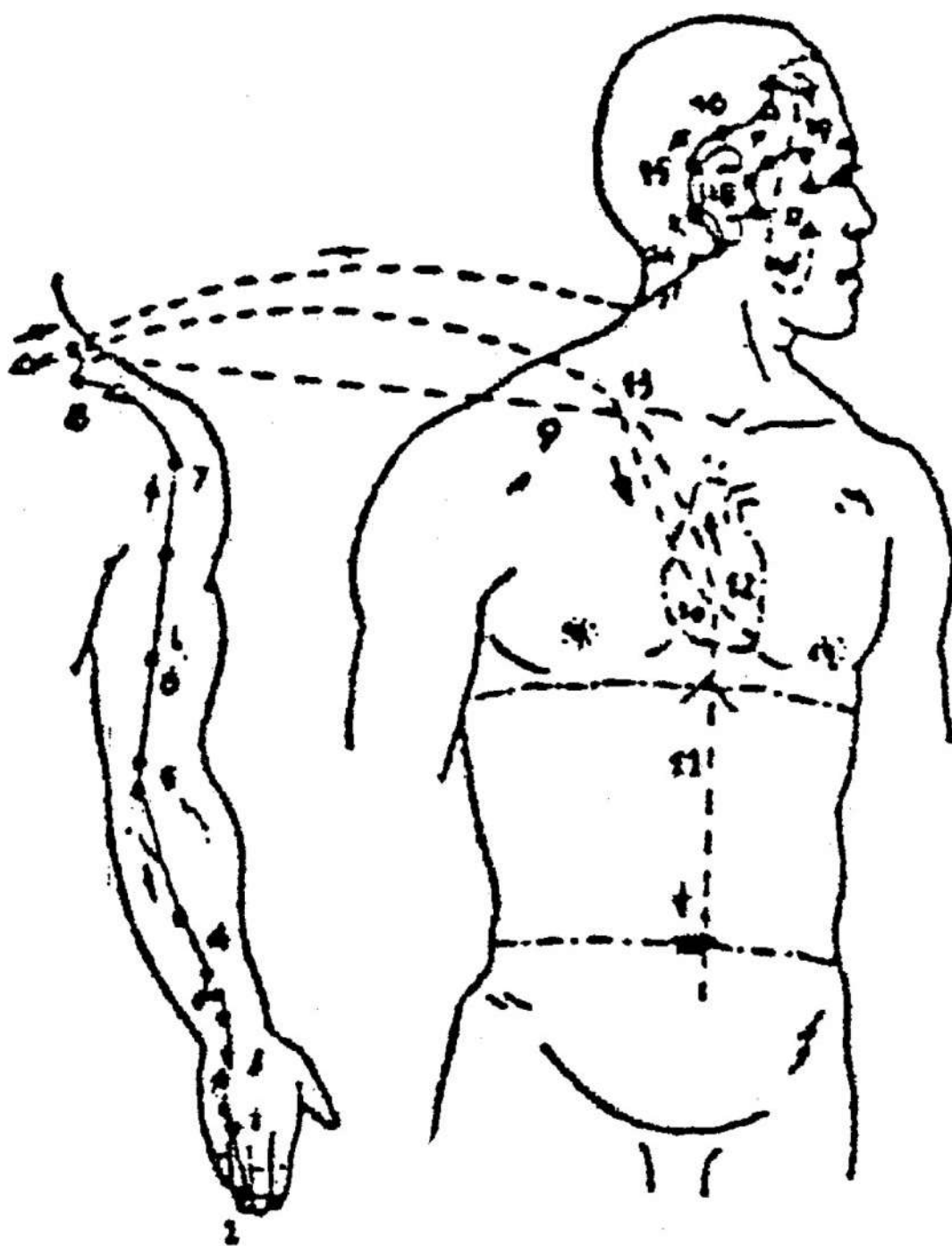
**H7. Kinh Túc Thái Dương
Bàng Quang**



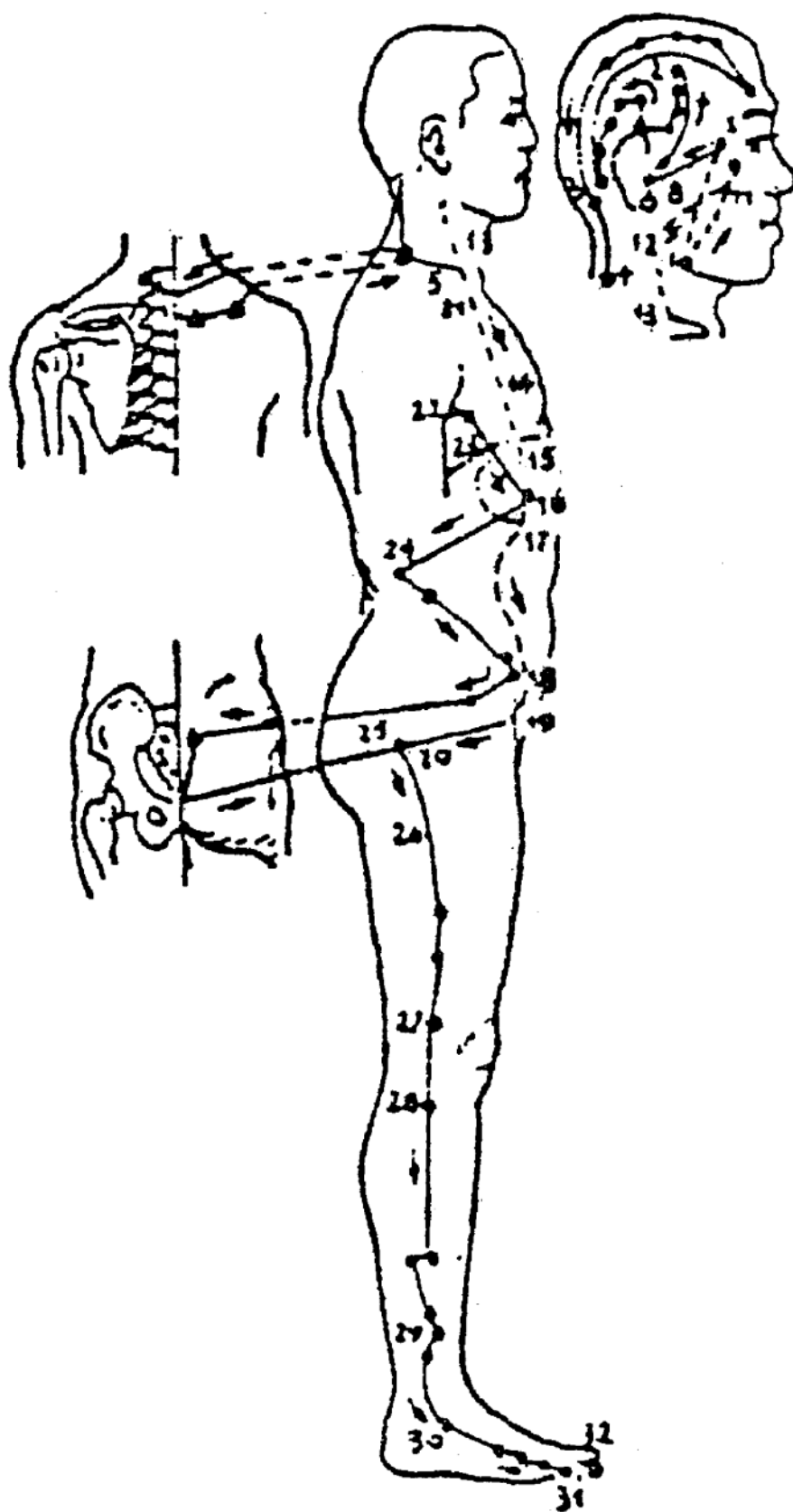
H.8 Kinh TÚC THIỂU ÂM THẬN



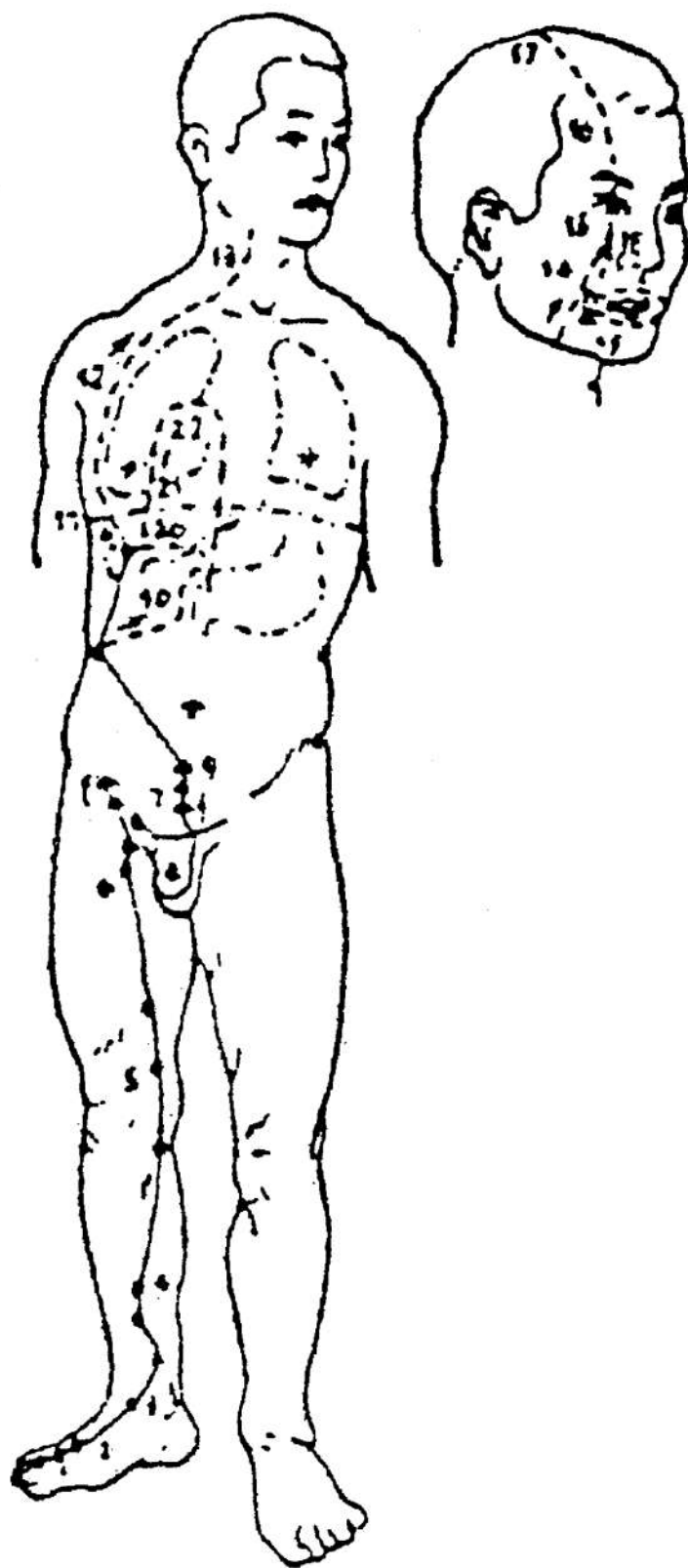
**H9. Kinh THẬN QUYẾT ÂM
TÂM BÀO**



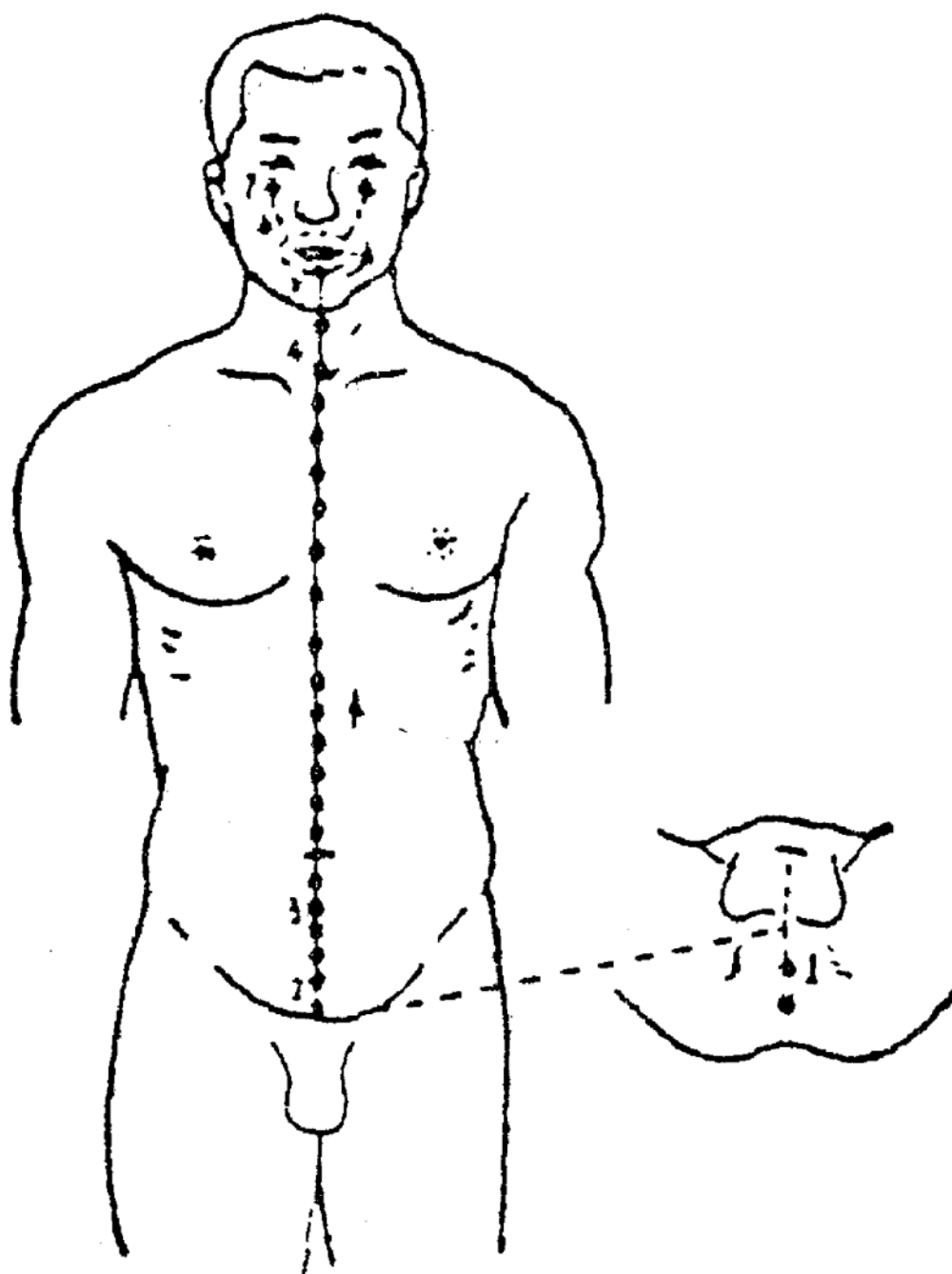
**H10. Kinh THẢO THIỂU DƯƠNG
TAM TIÊU**



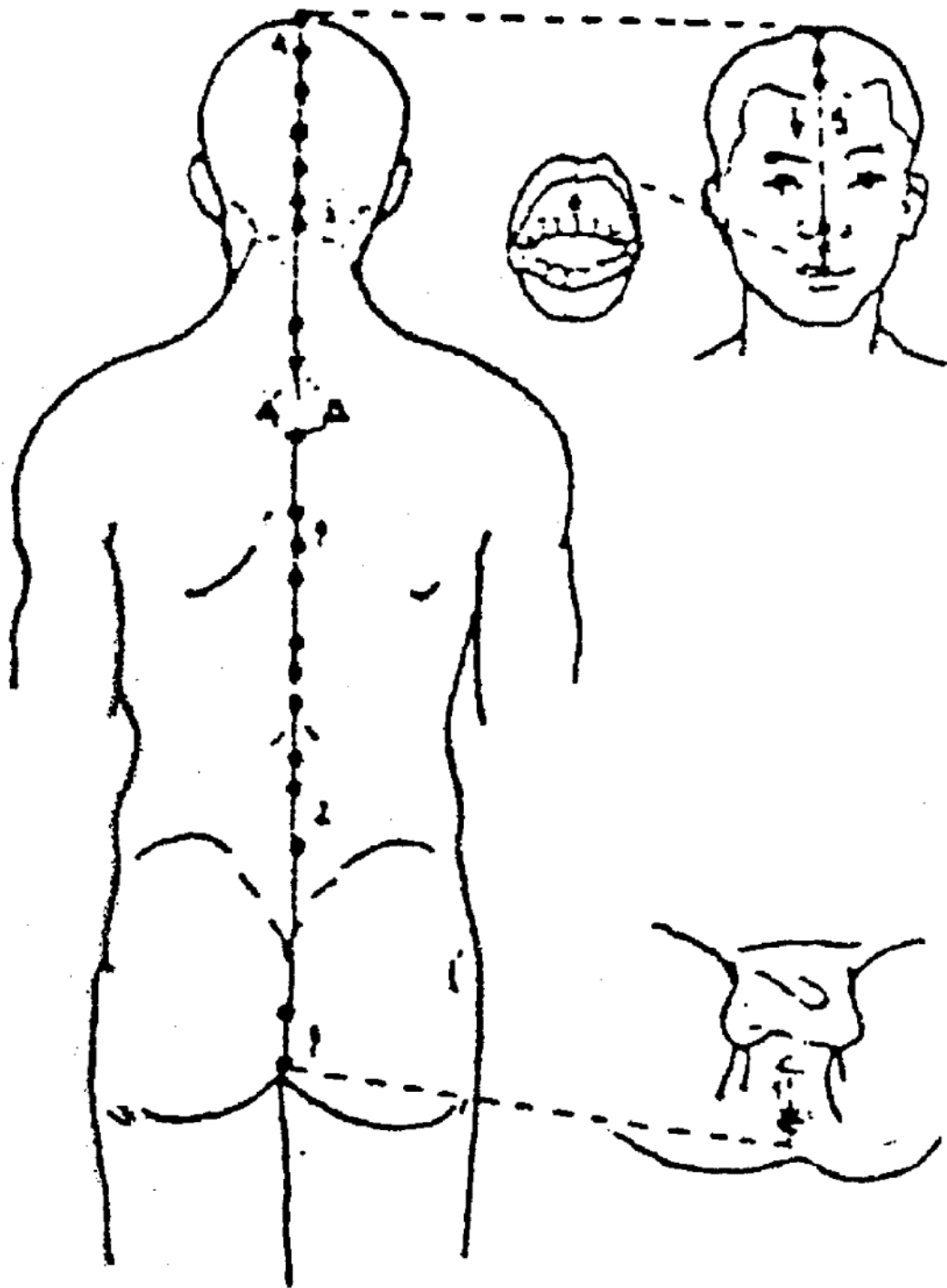
H11. Kinh TÚC THIỂU DƯƠNG ĐÂM



H12. Kinh TÚC QUYẾT ÂM CAN



H.13 Mạch NHÂM



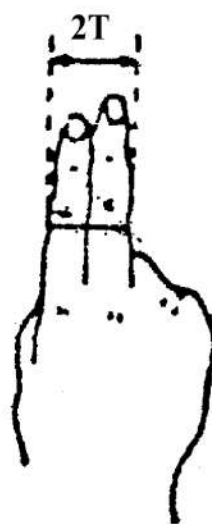
H14. Mạch ĐÔC



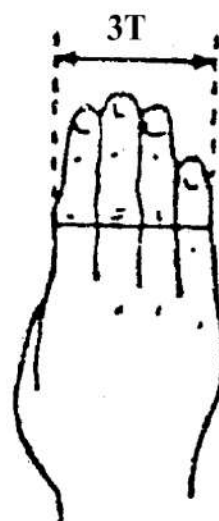
H.15



H.16

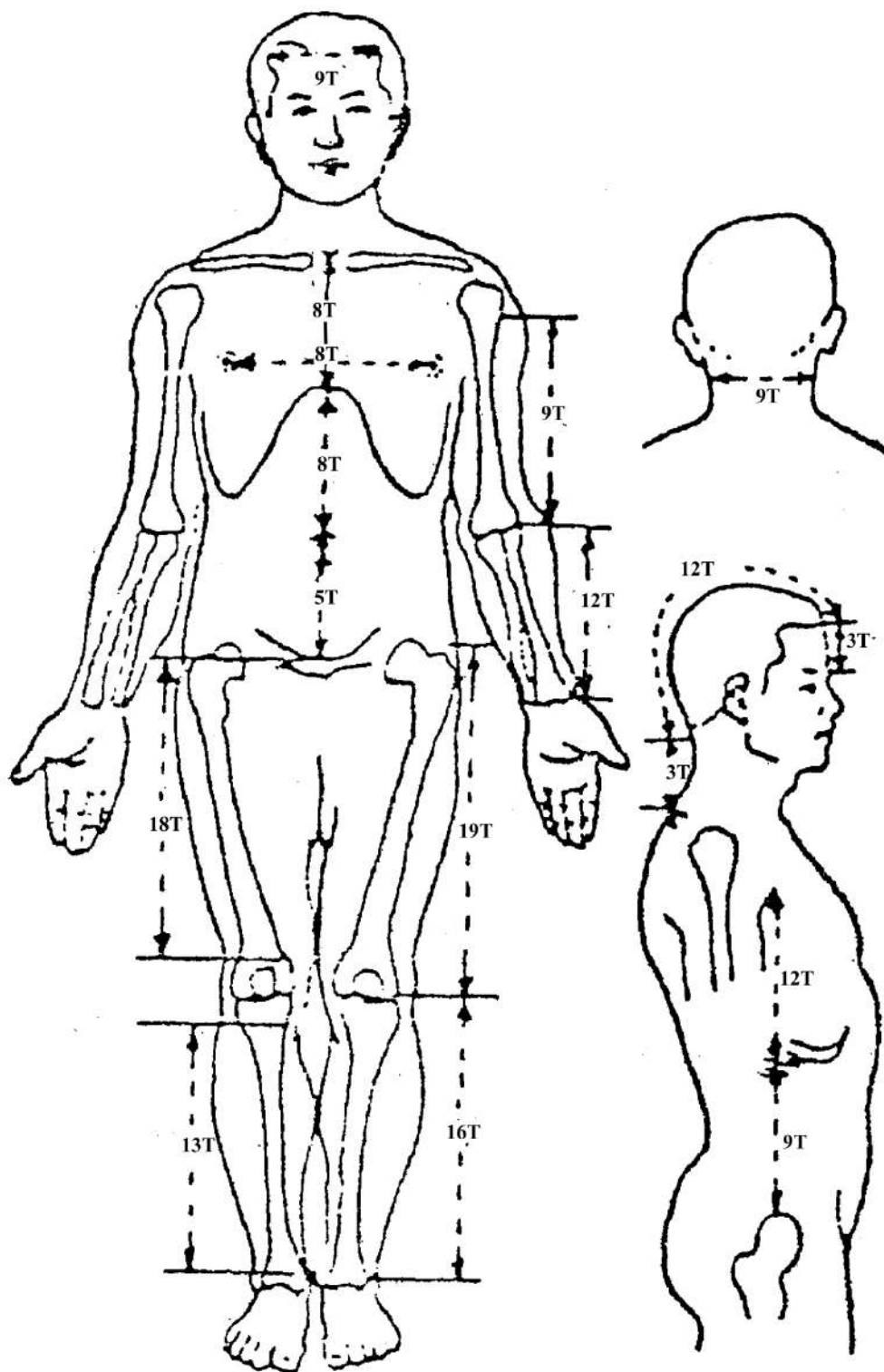


H.17

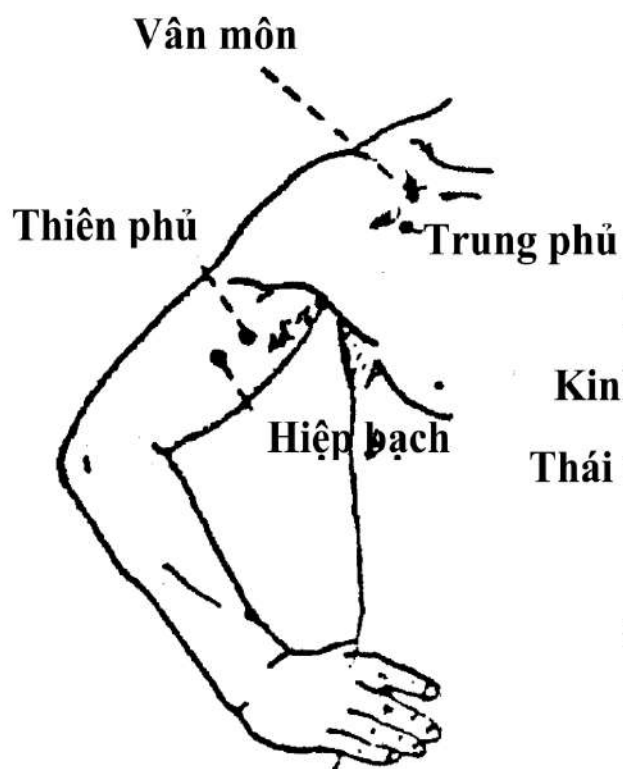


H.18

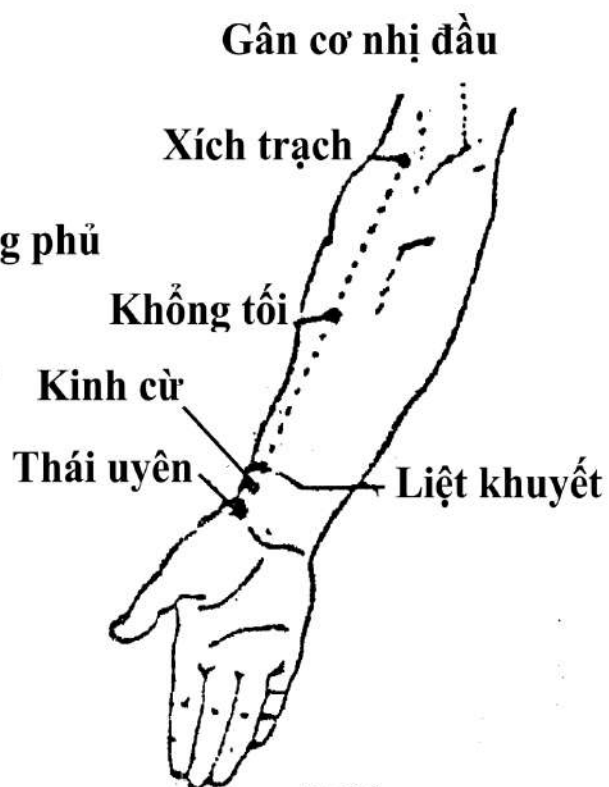
Chia thốn theo ngón tay



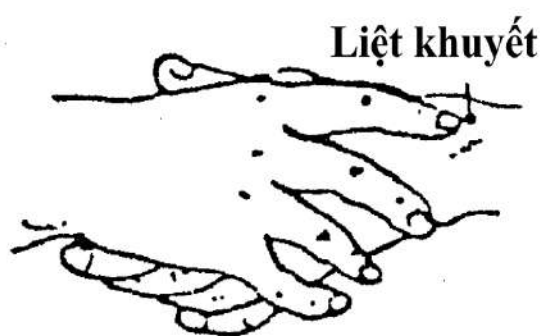
H.19 - Chia thốn theo xương



H.20



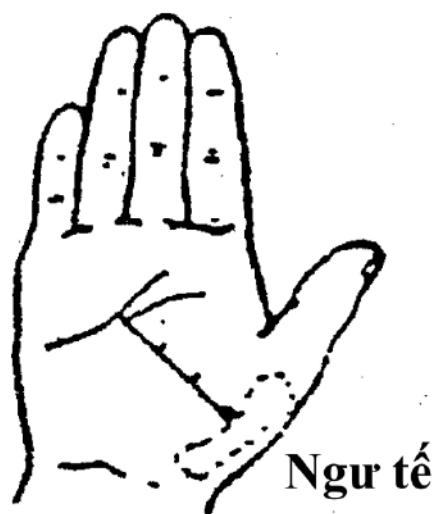
H.21



H.22



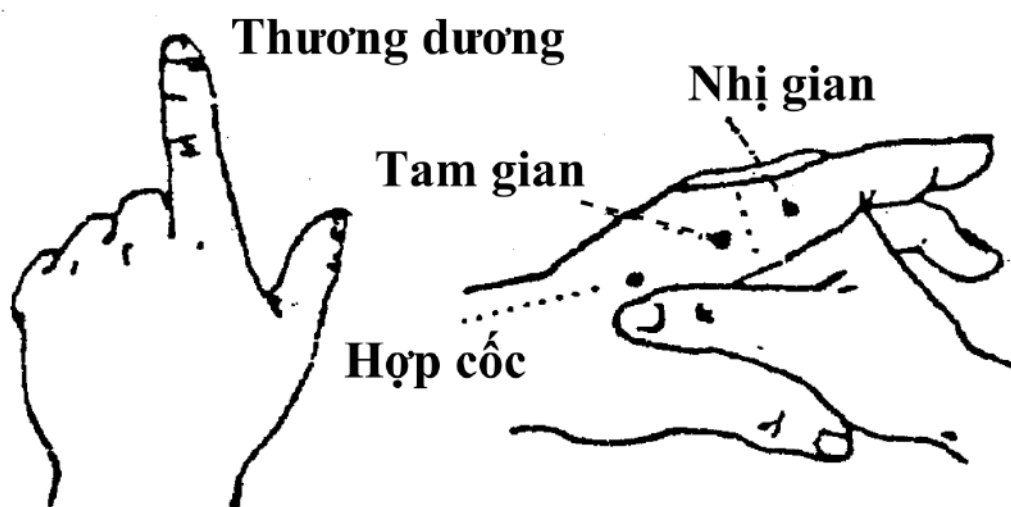
H.23



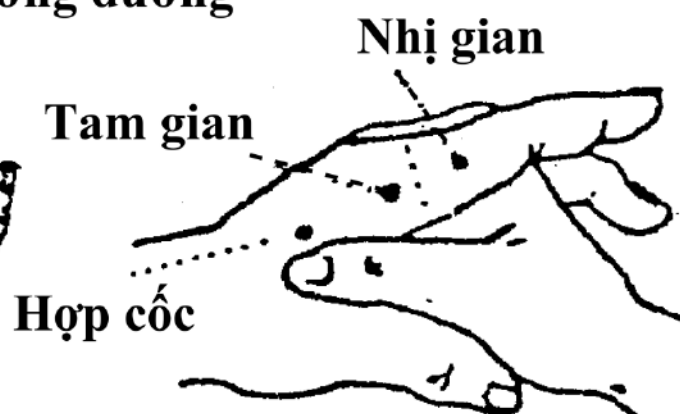
H.24



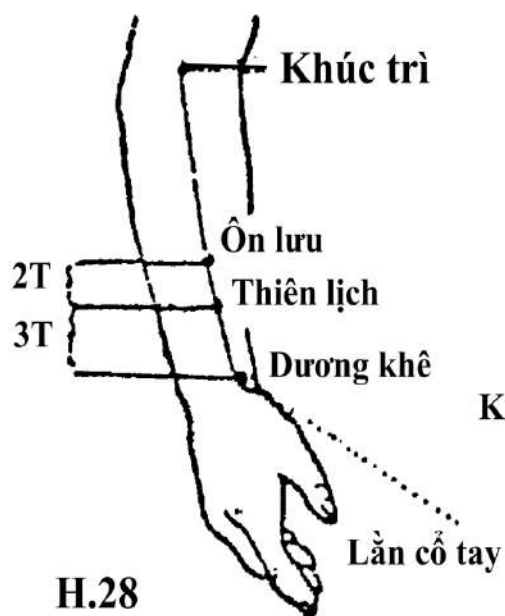
H.25



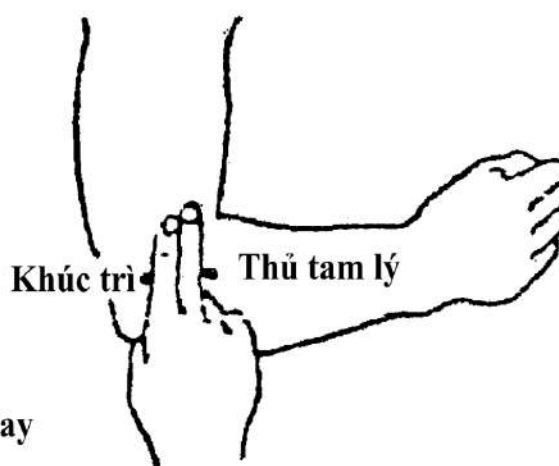
H.26



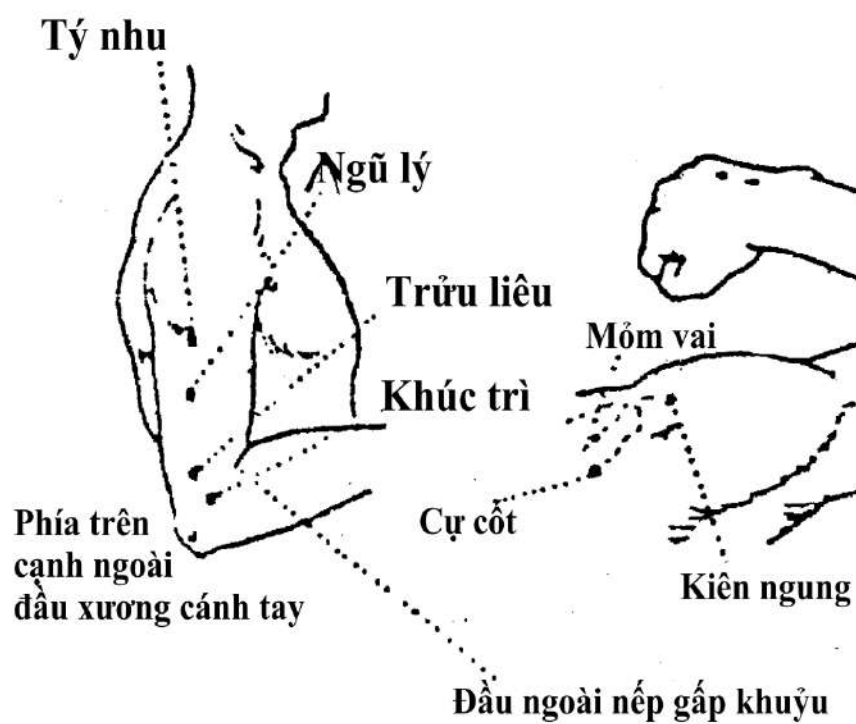
H.27



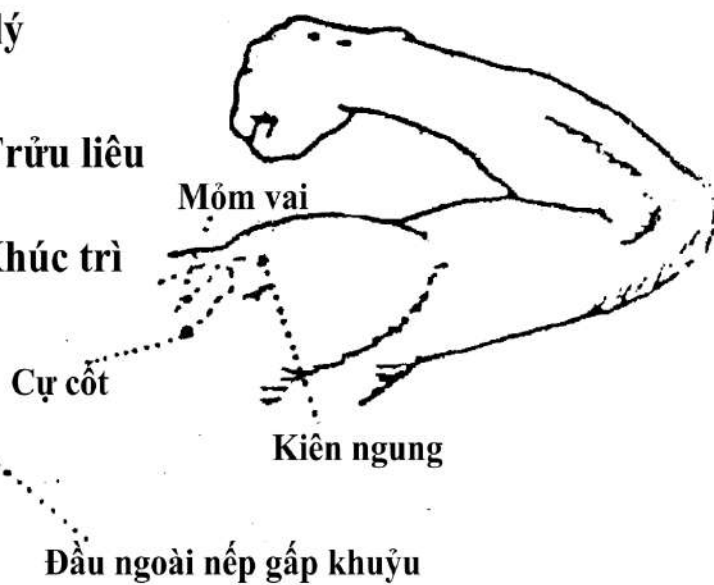
H.28



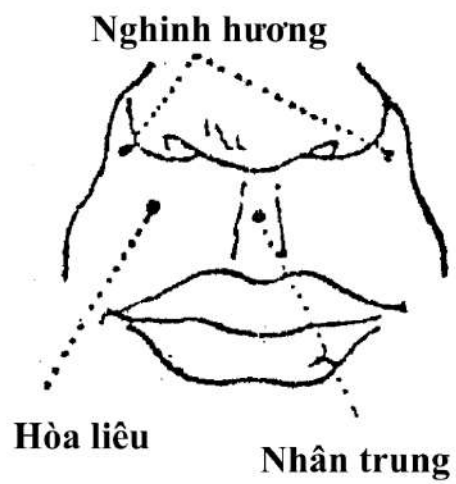
H.29



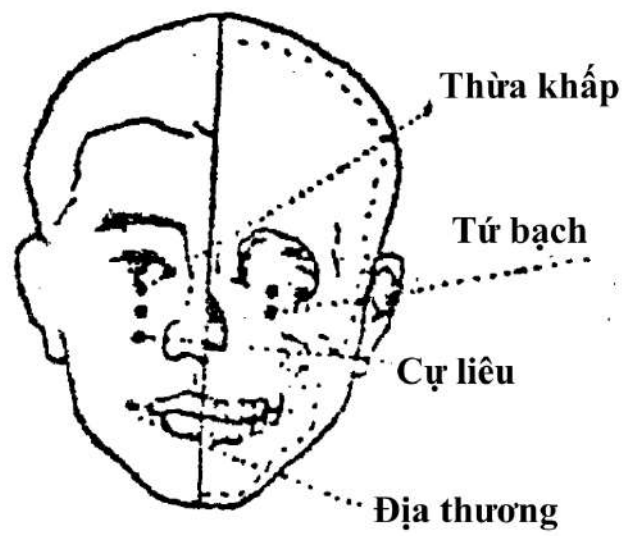
H.30



H.31



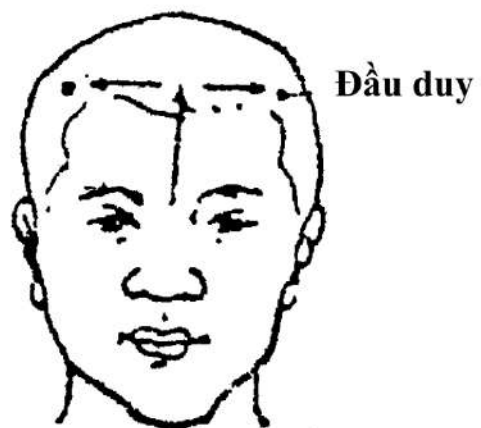
H.32



H.33

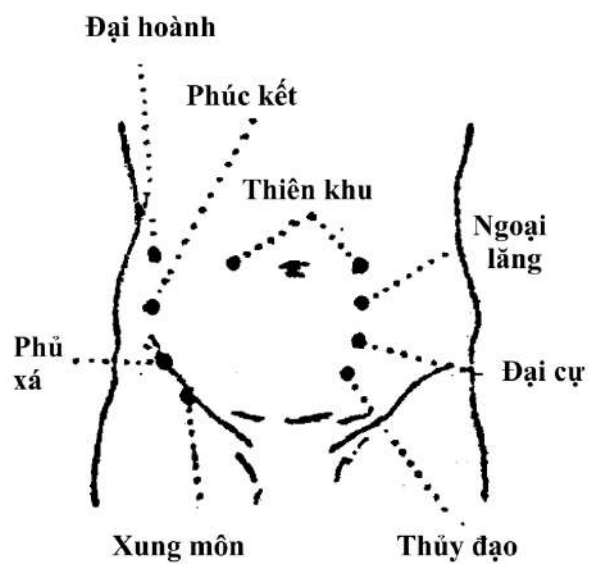
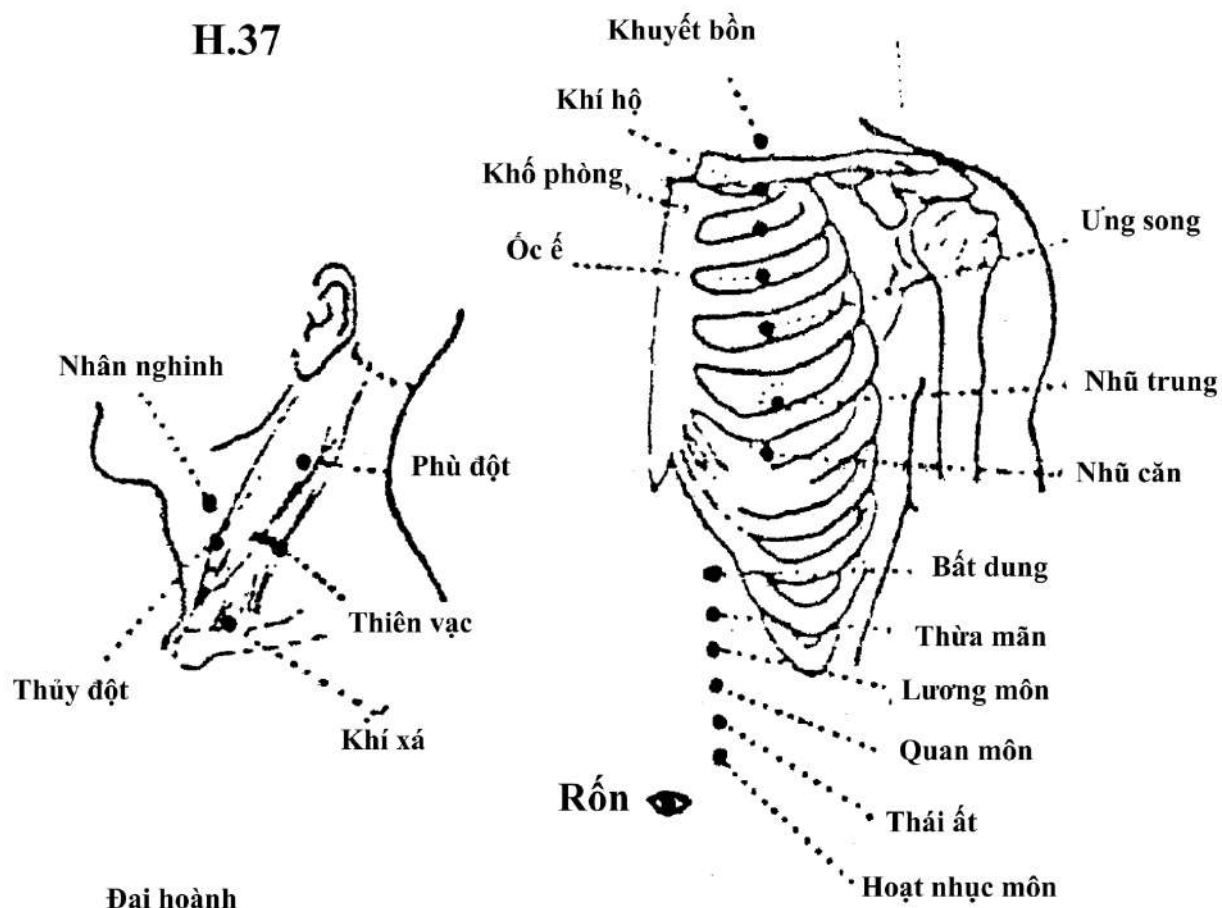


H.34

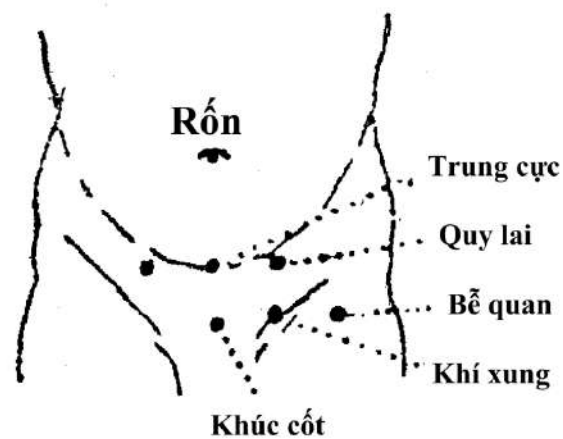


H.35

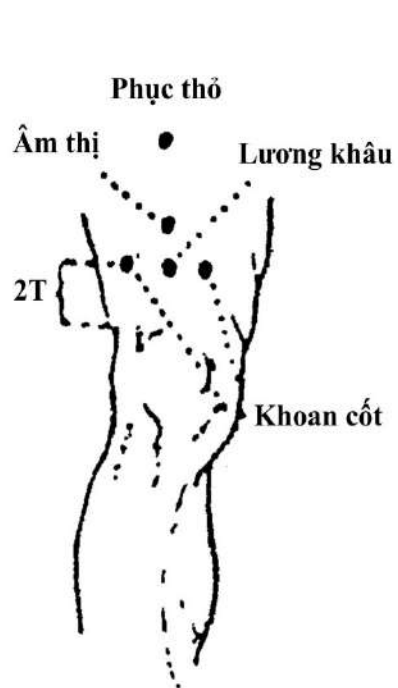
H.37



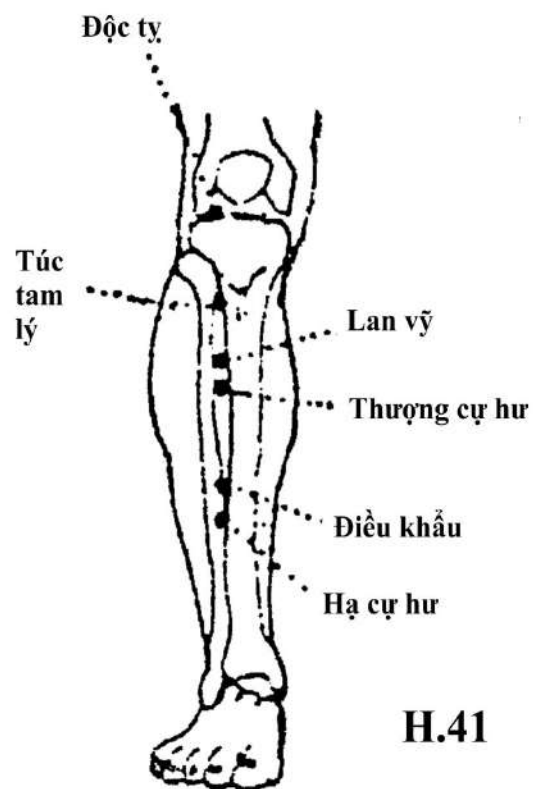
H.38



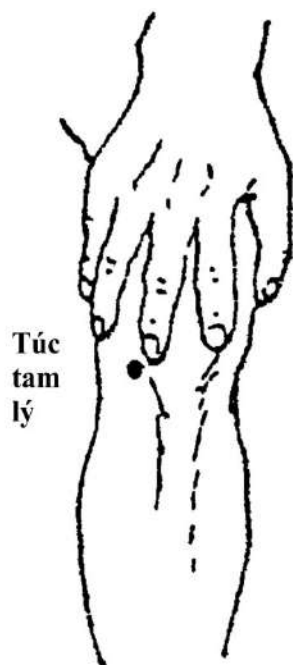
H.39



H.40

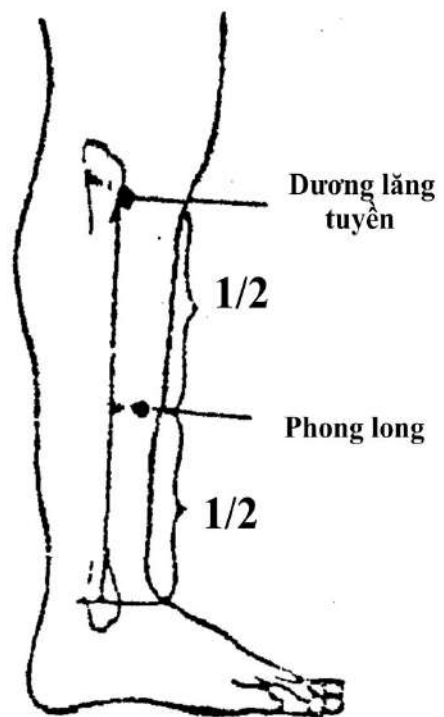


H.41



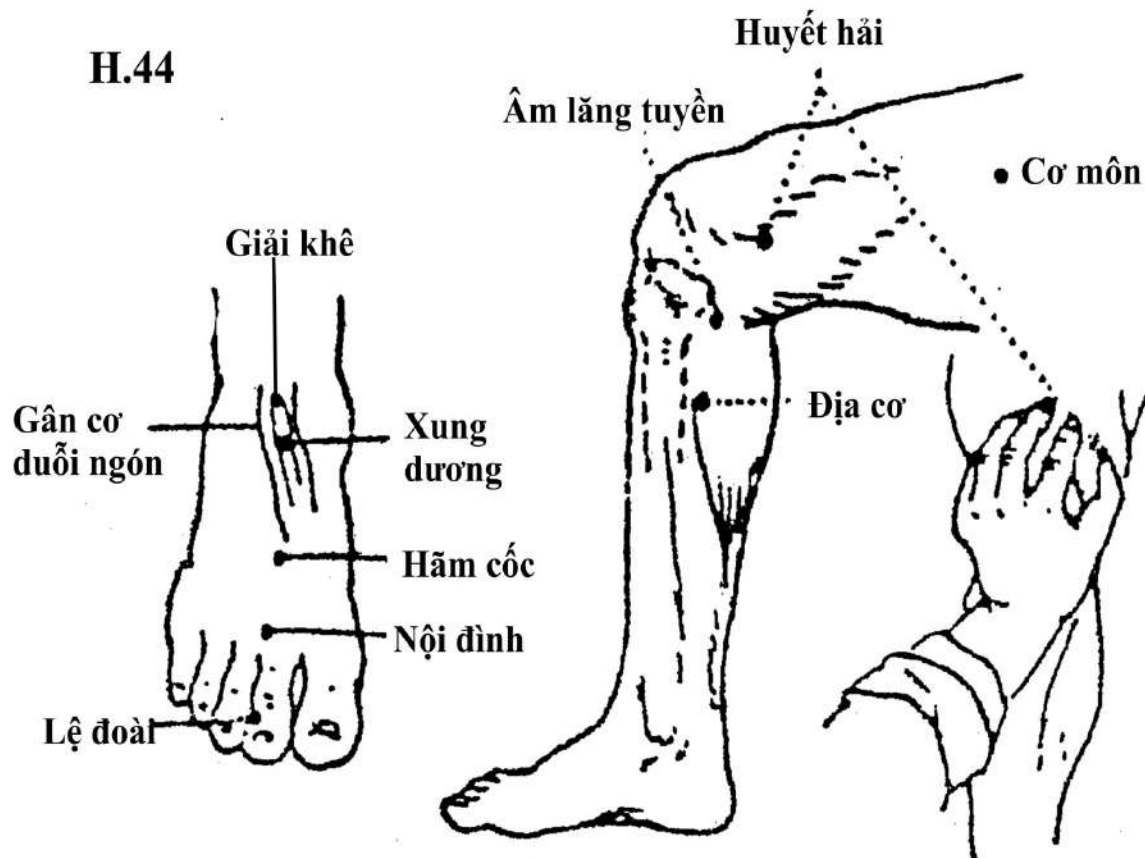
Chân phải

H.42

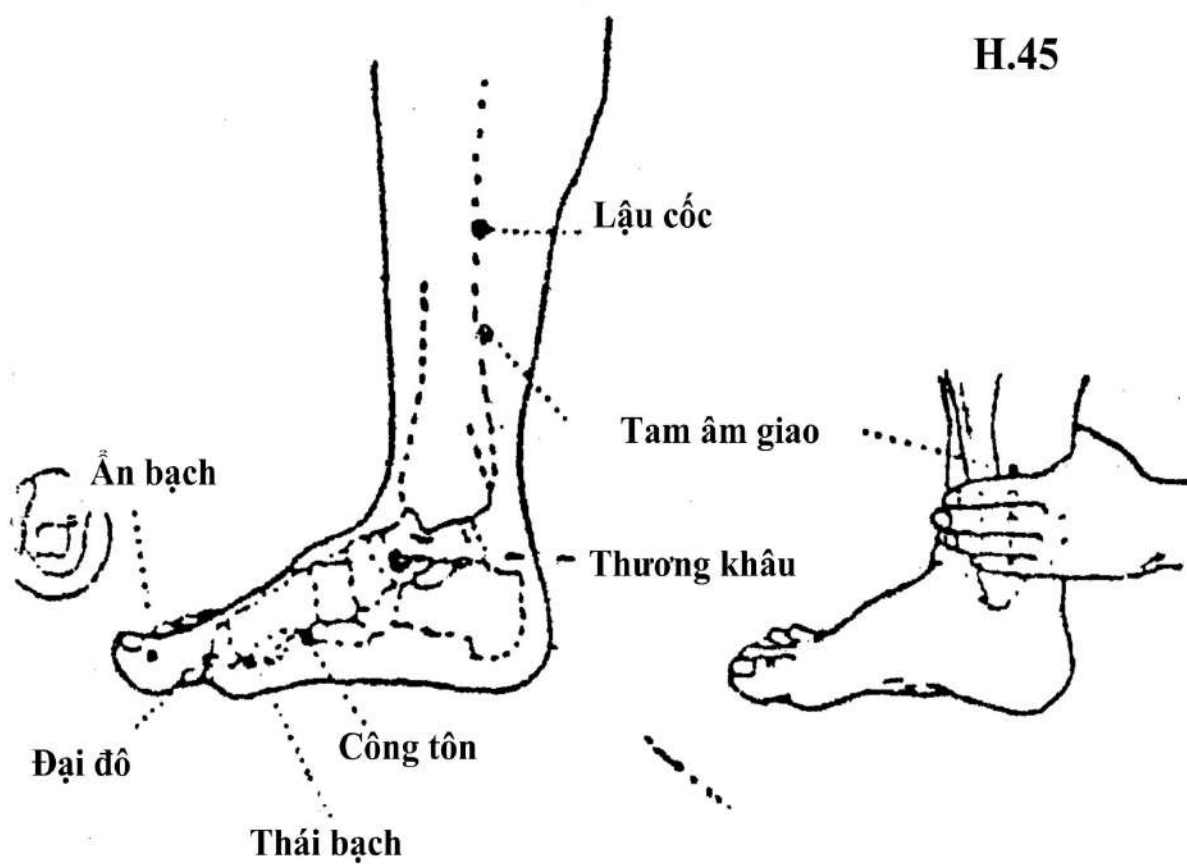


H.43

H.44

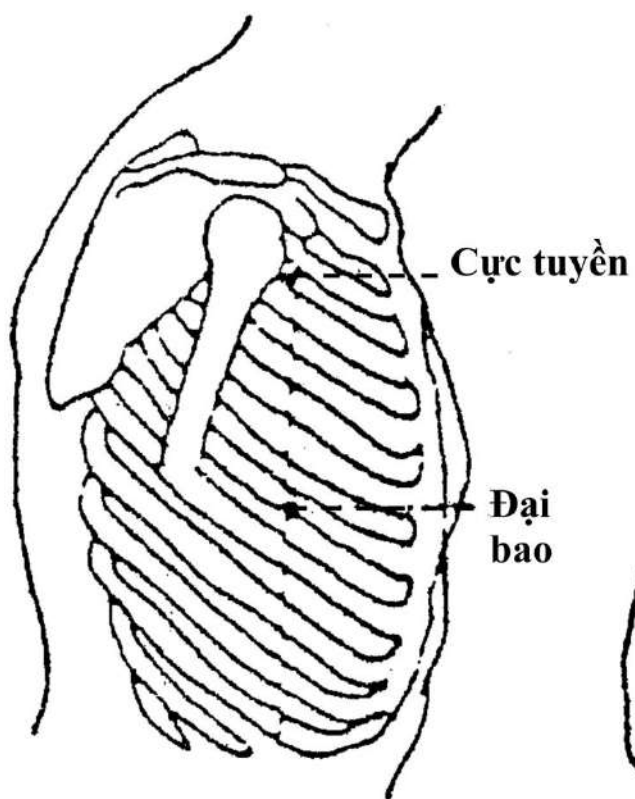


H.45

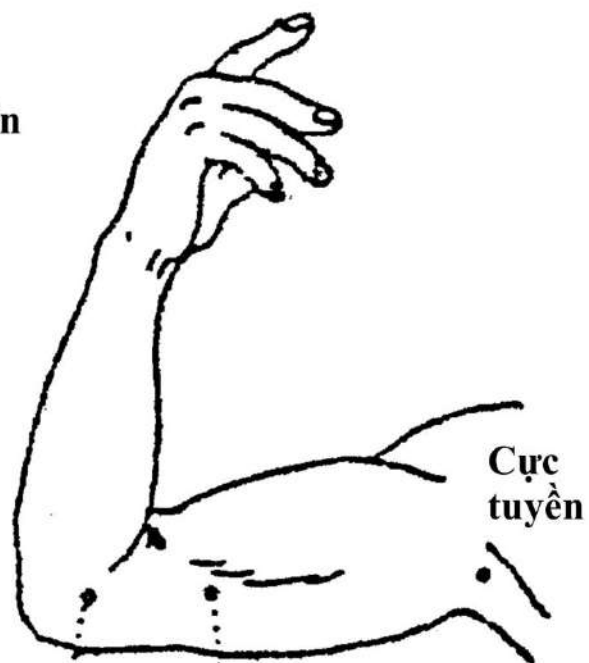


H.46

H.47



H.48



Thiếu hải

Thanh linh

H.49

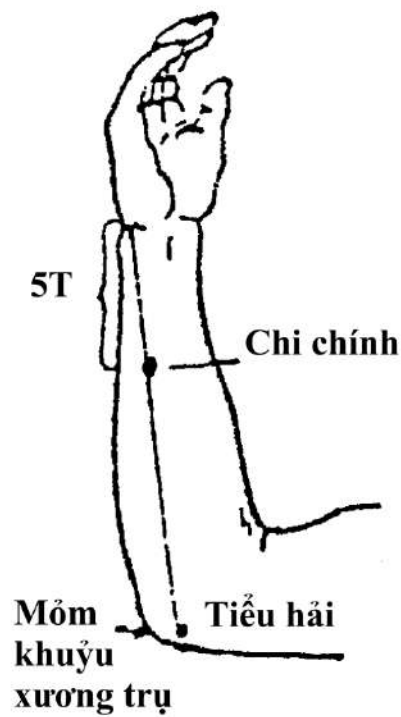
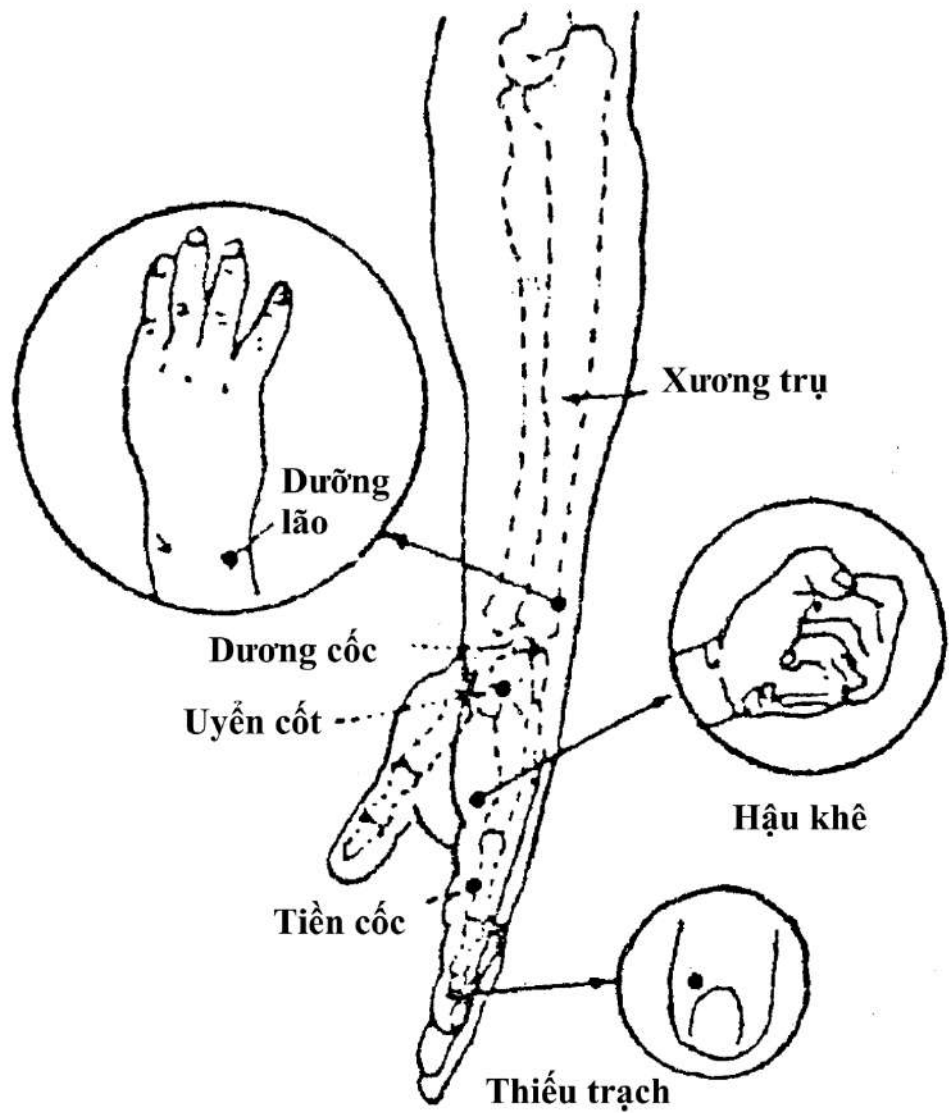


H.50



H.51

H.52

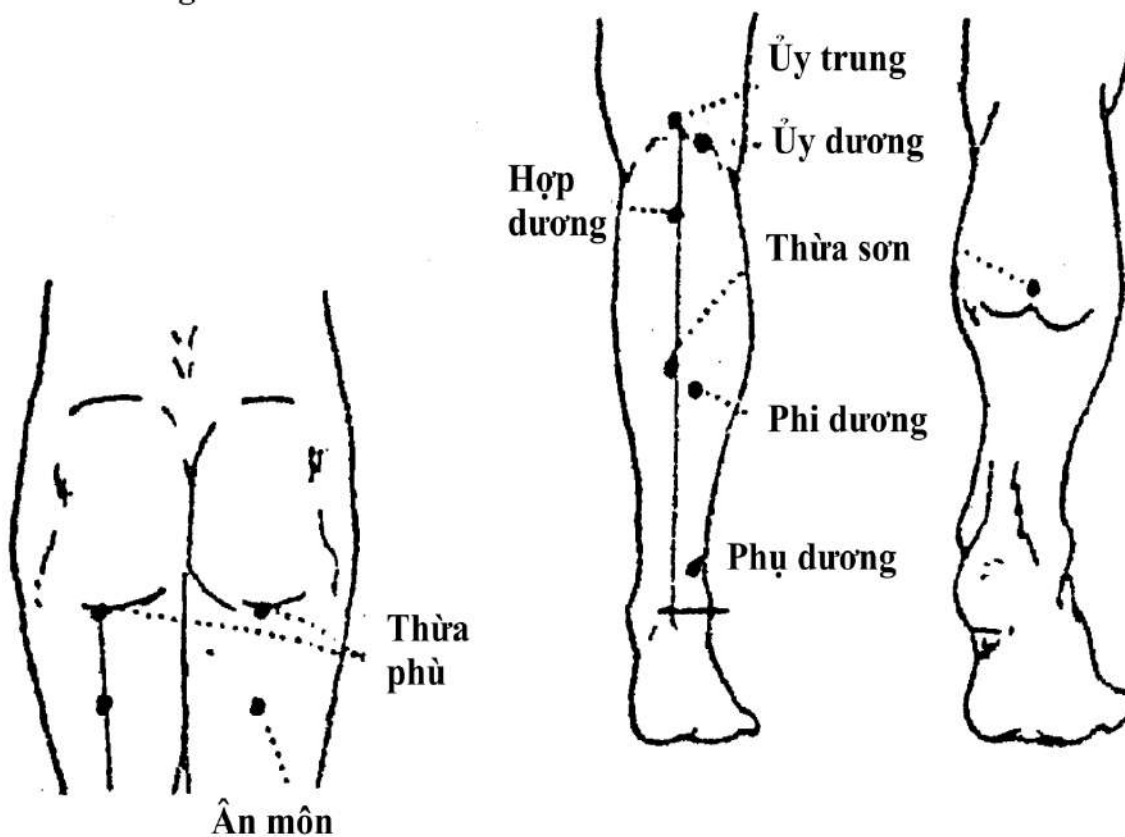
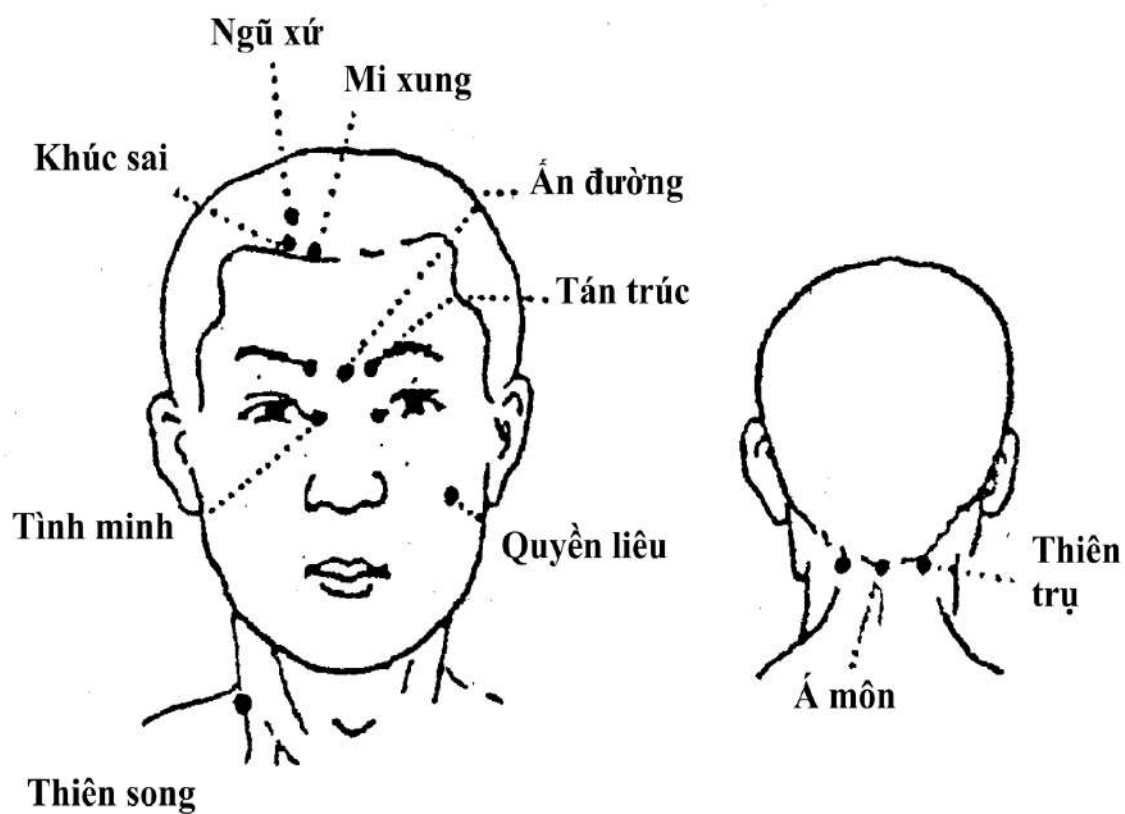


H.53



H.54

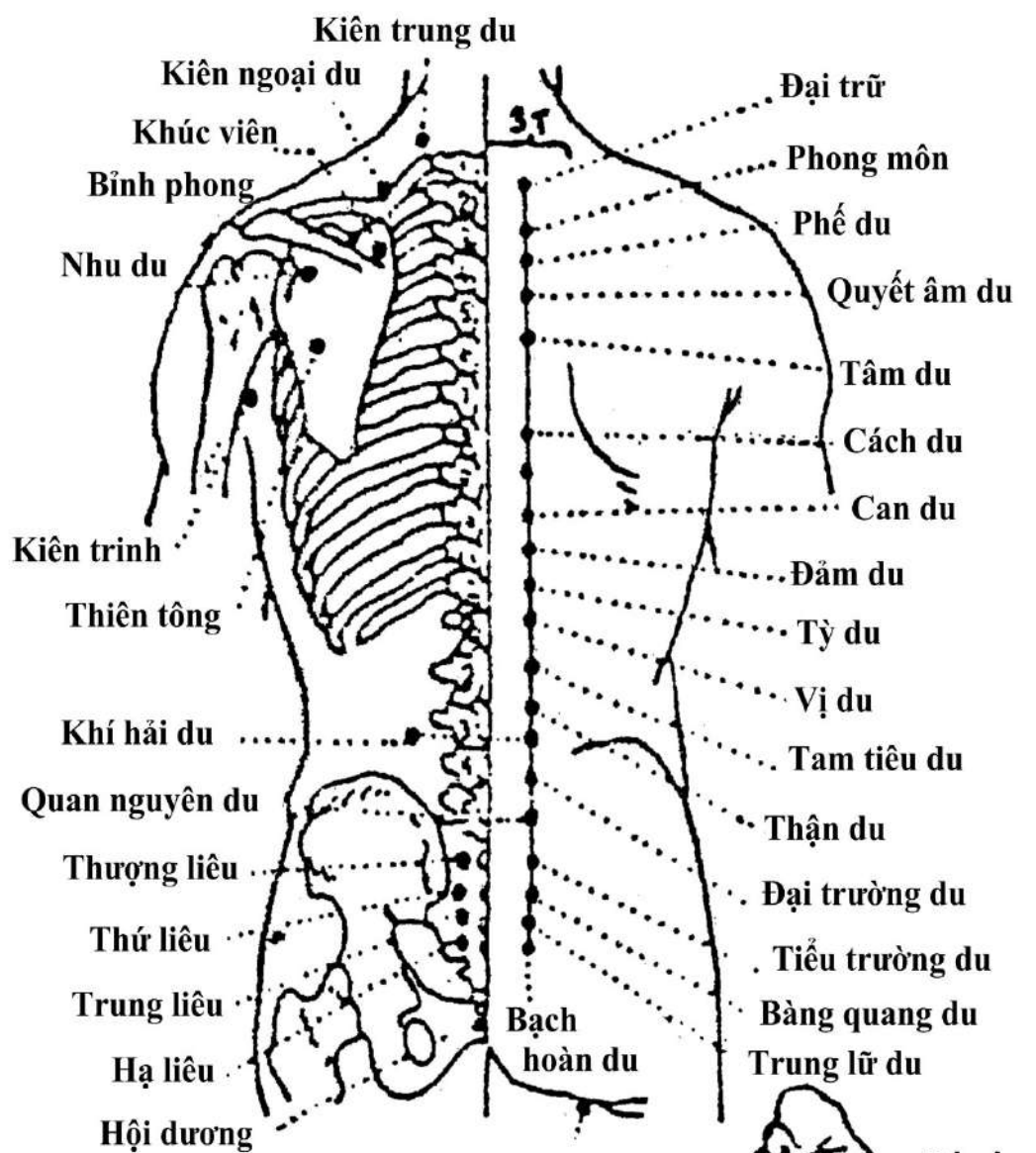
H.55



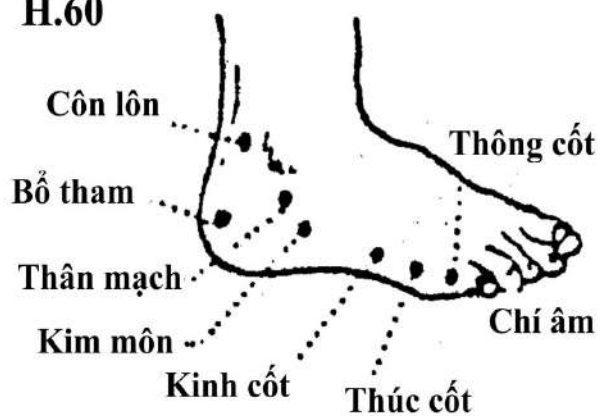
H.57

H.58

H.59

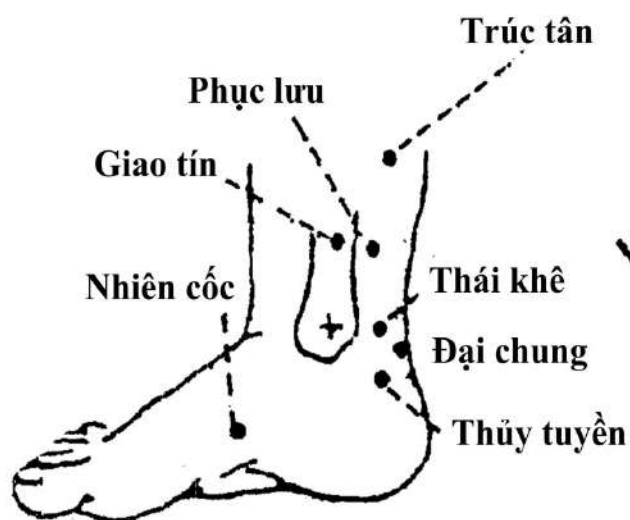


H.60

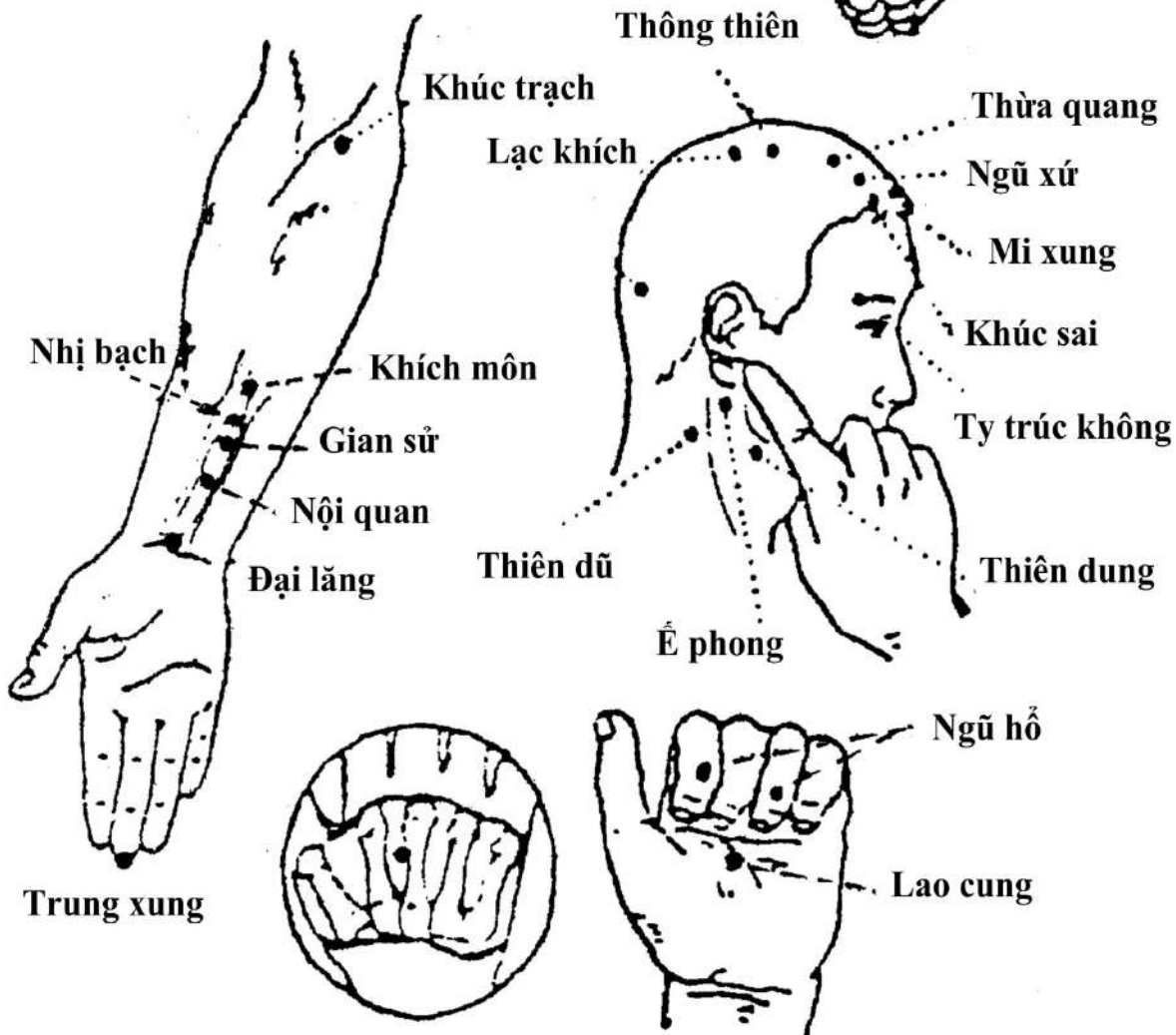
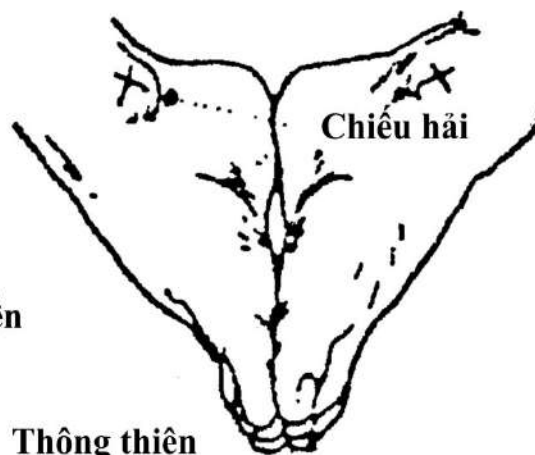


H.61

H.62

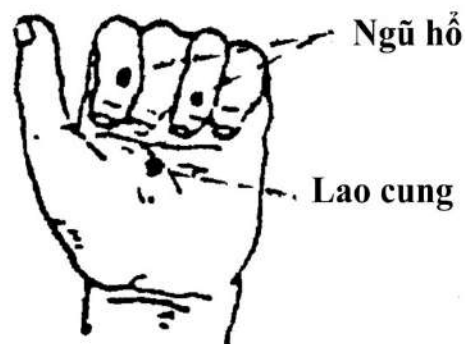


H.63

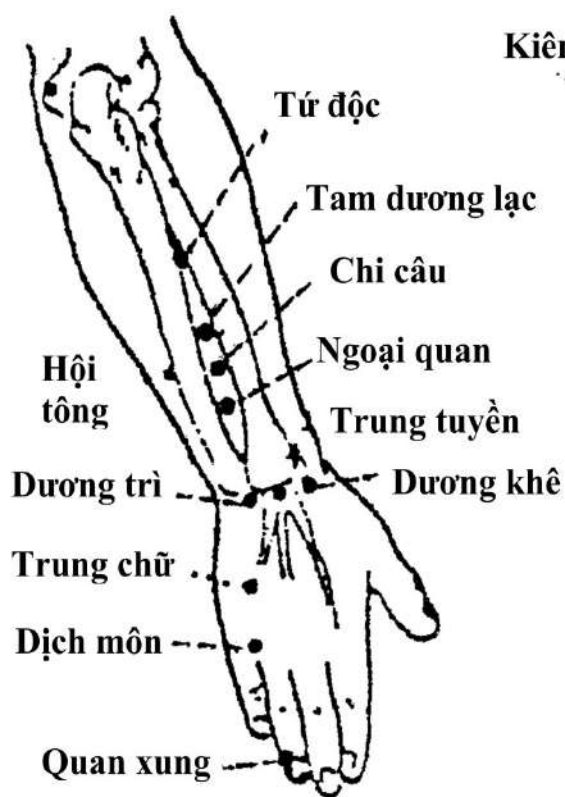


H.64

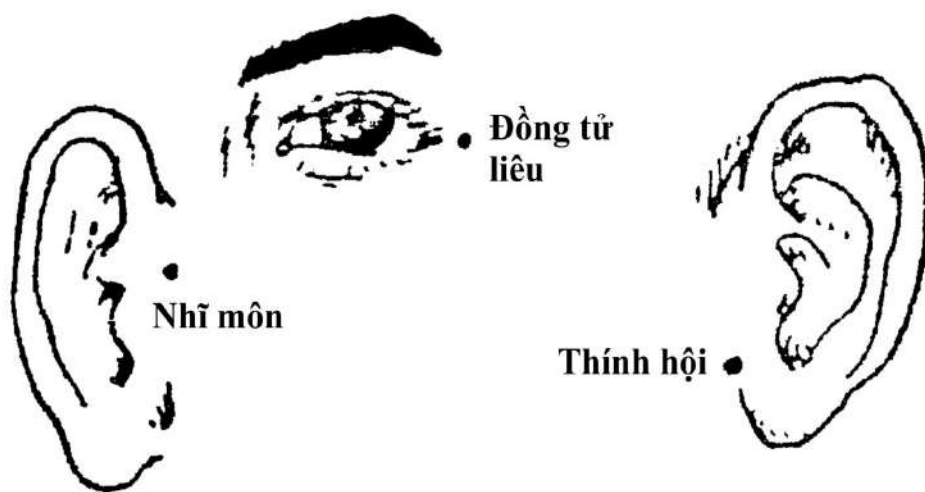
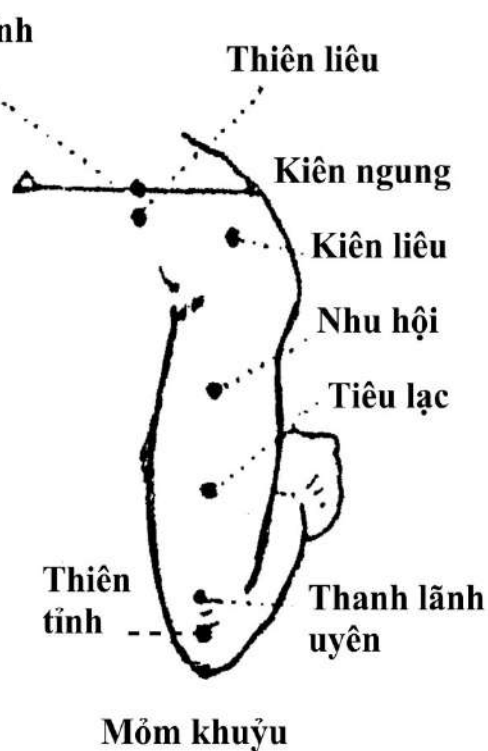
H.65 - 66



H.67



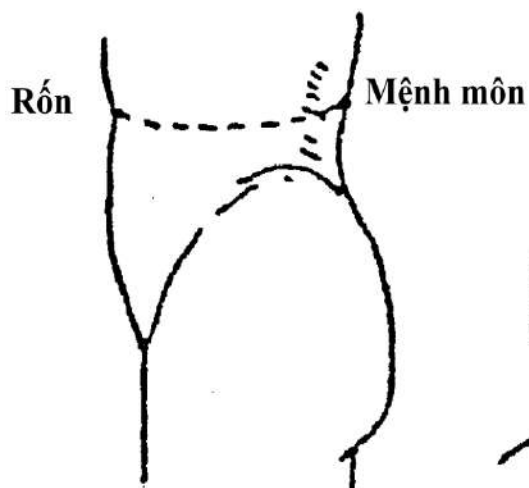
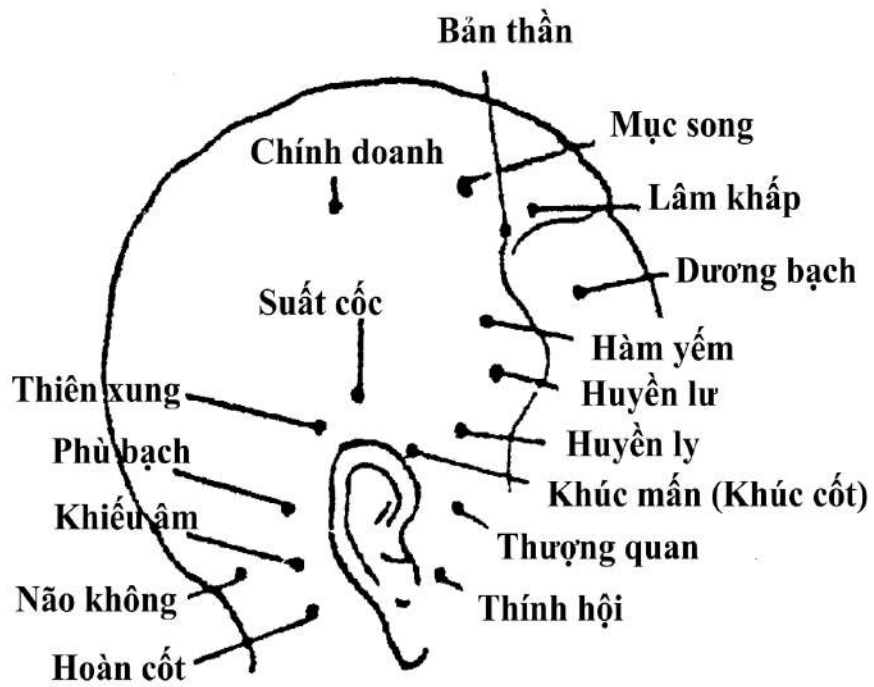
H.68



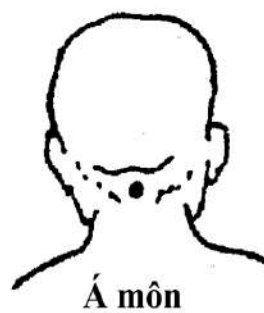
H.69

H.70

H.71

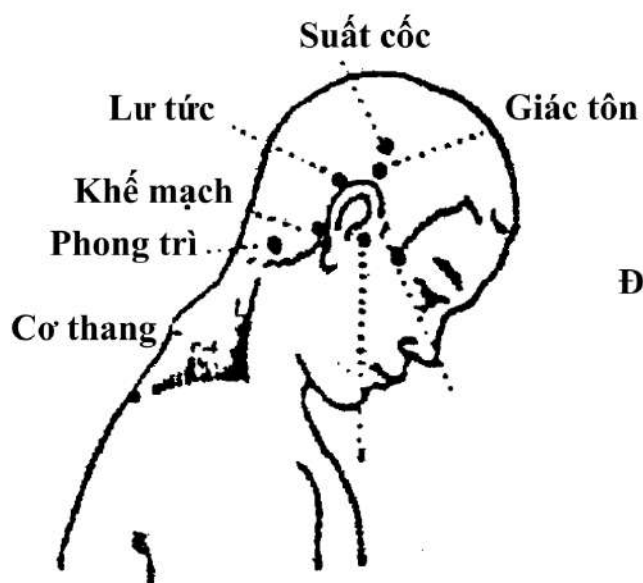


H.72

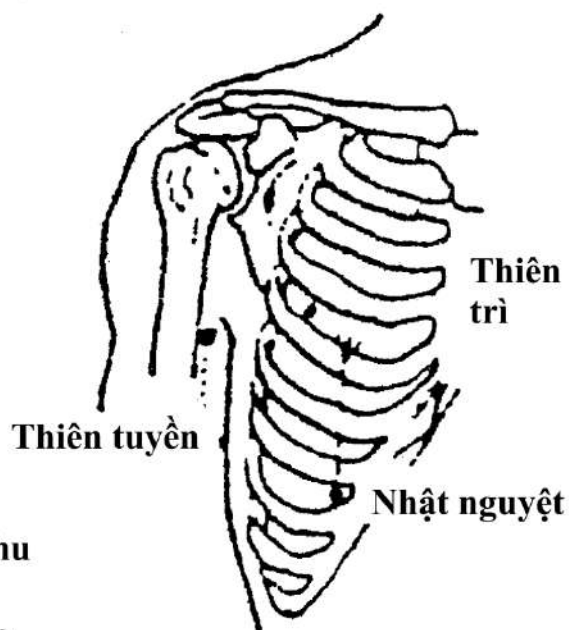
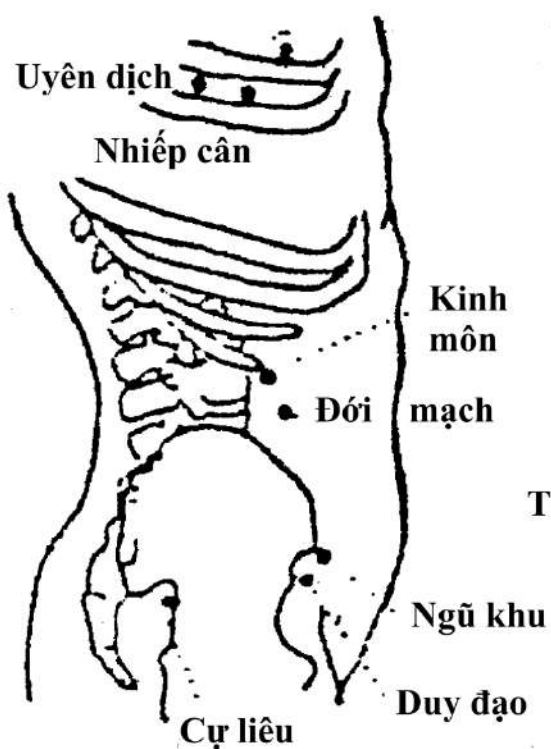
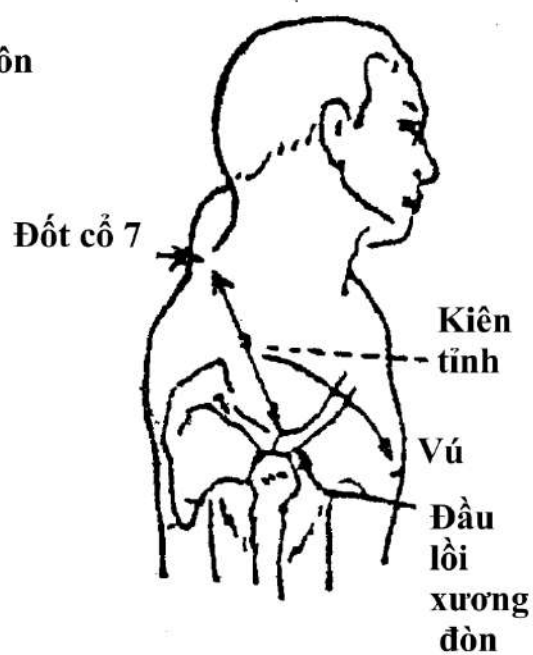


H.73 - 74

H.75



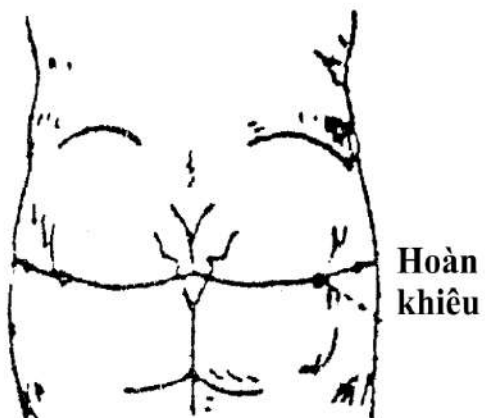
H.76



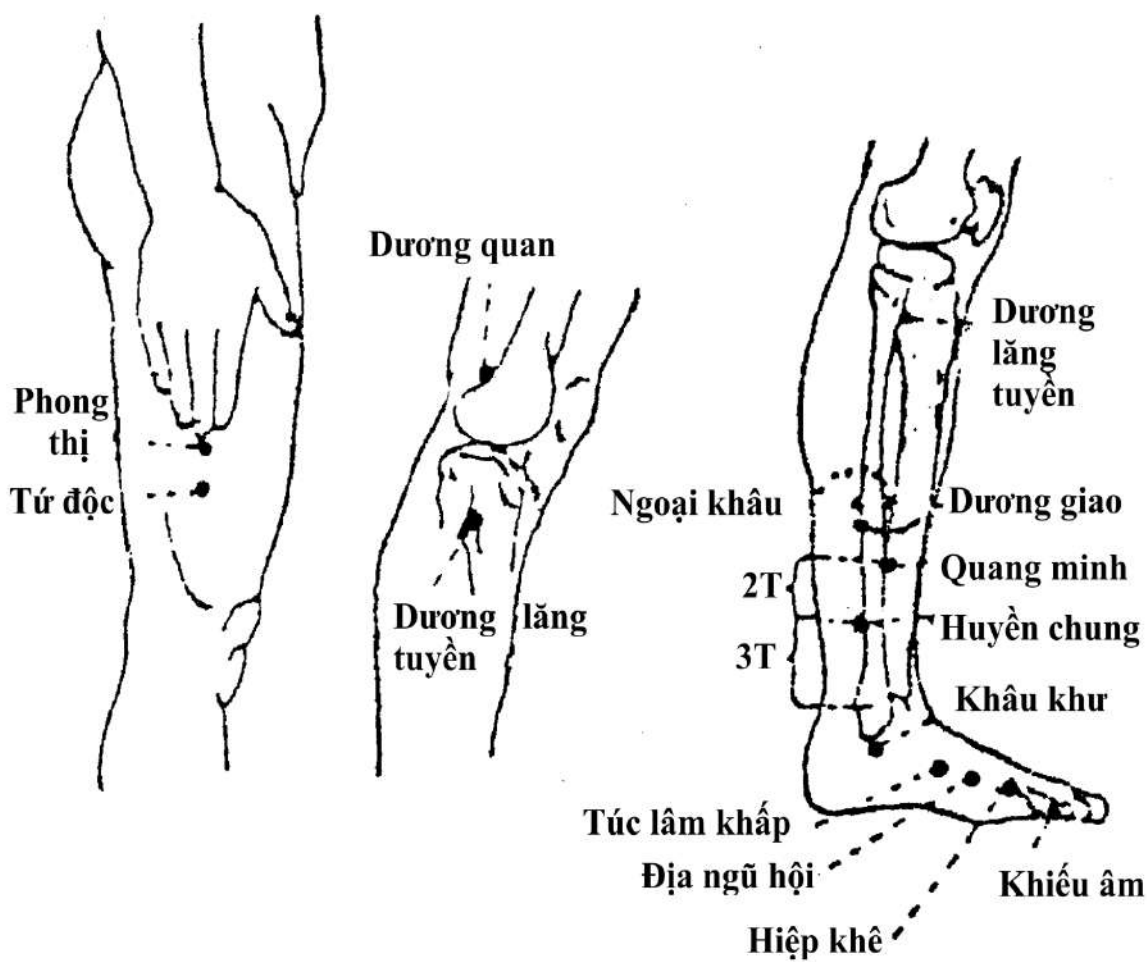
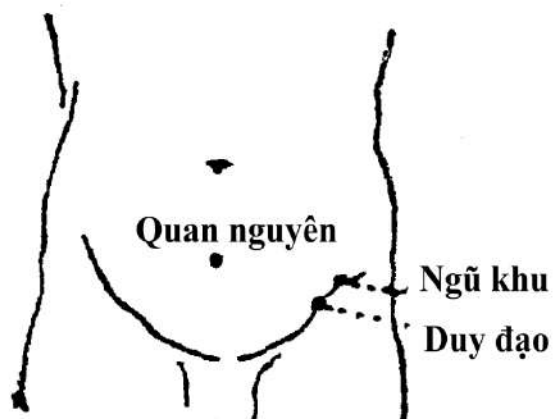
H.77

H.78

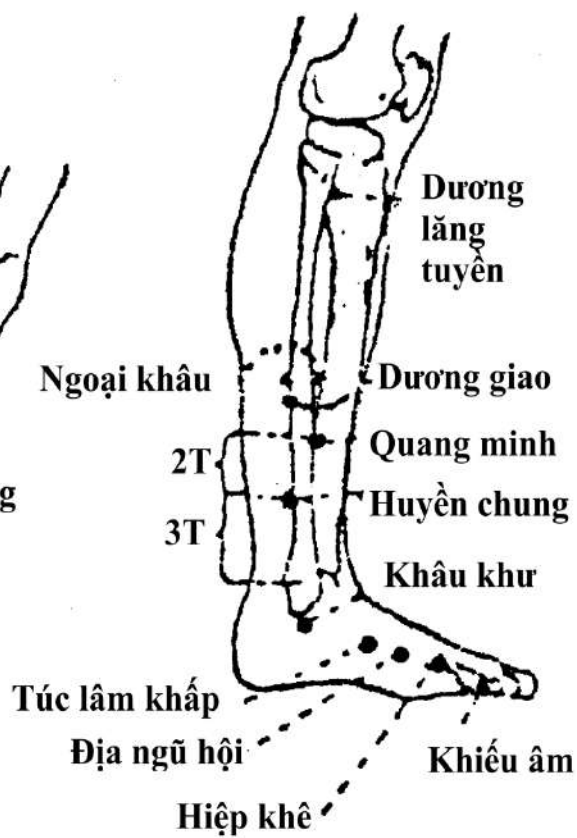
H.79



H.80



H.81

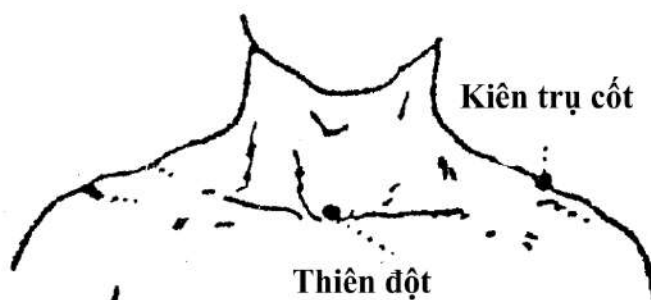
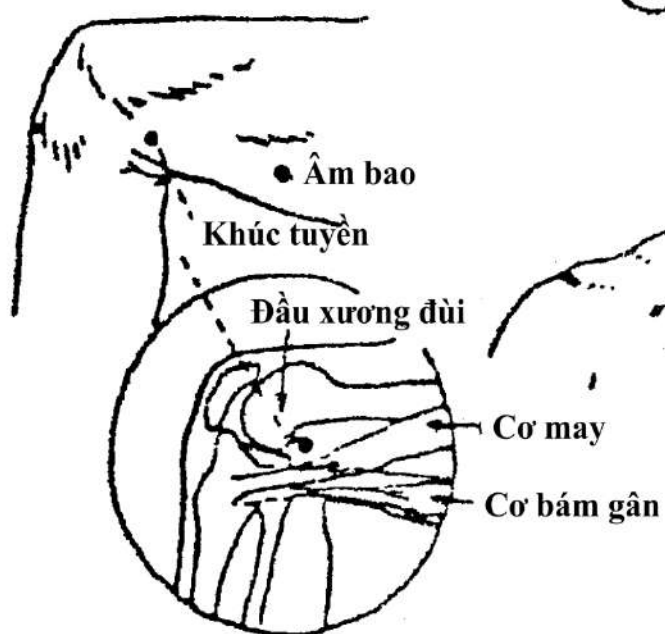
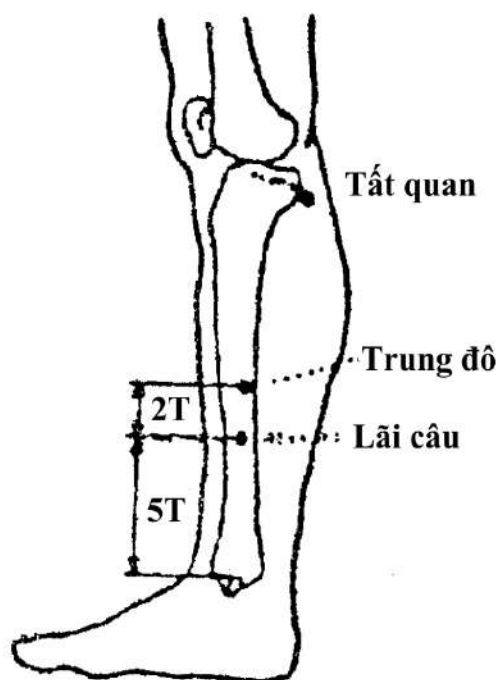


H.82

H.83

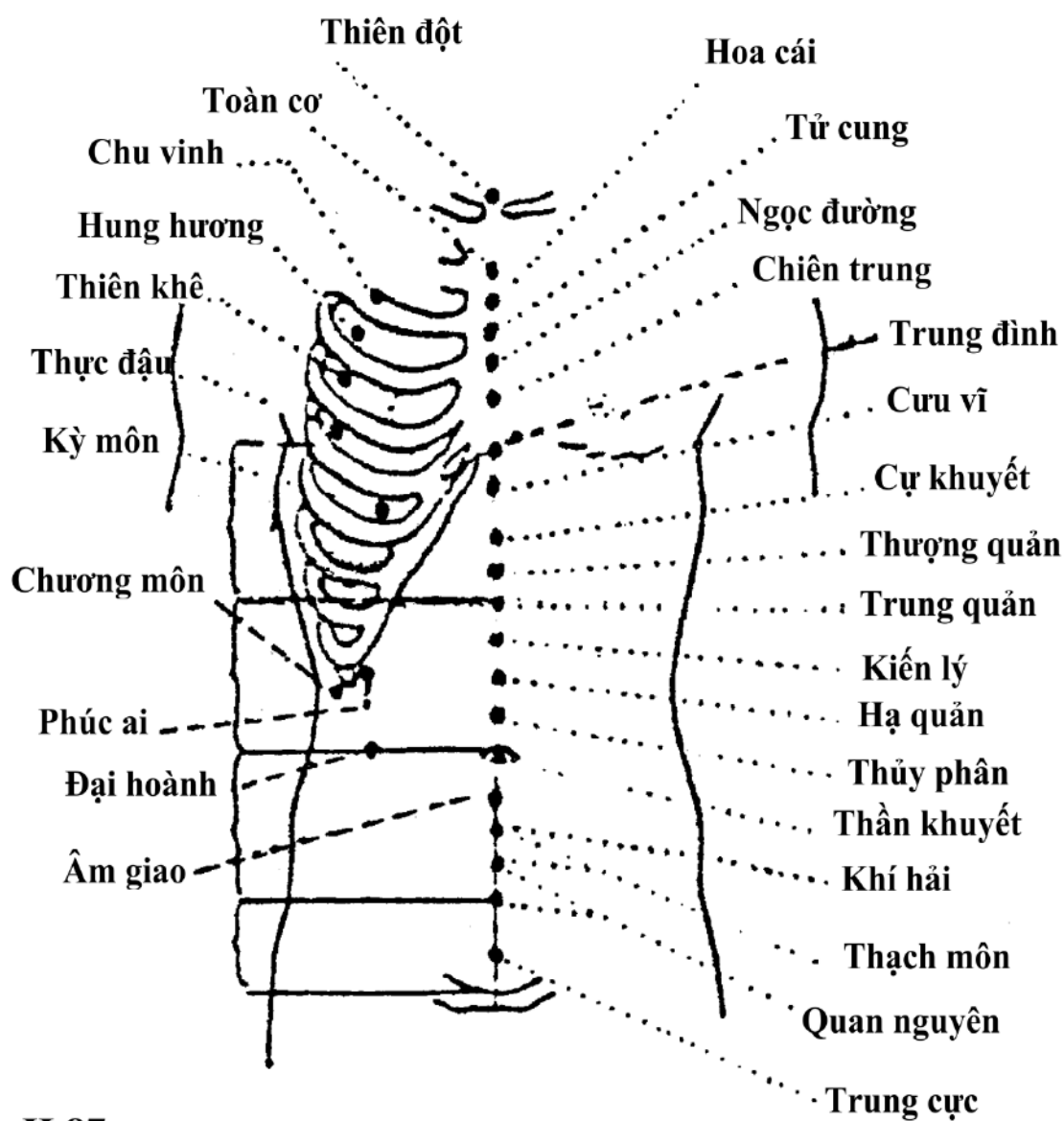


H.84

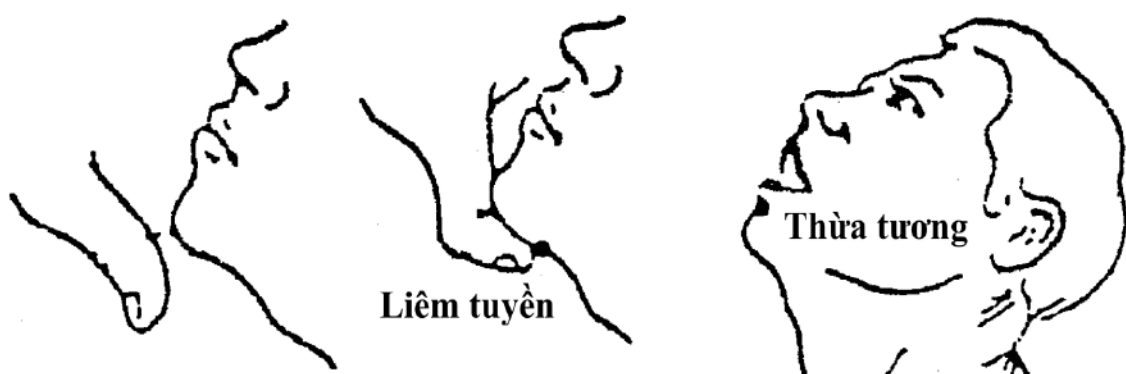


H.85

H.86

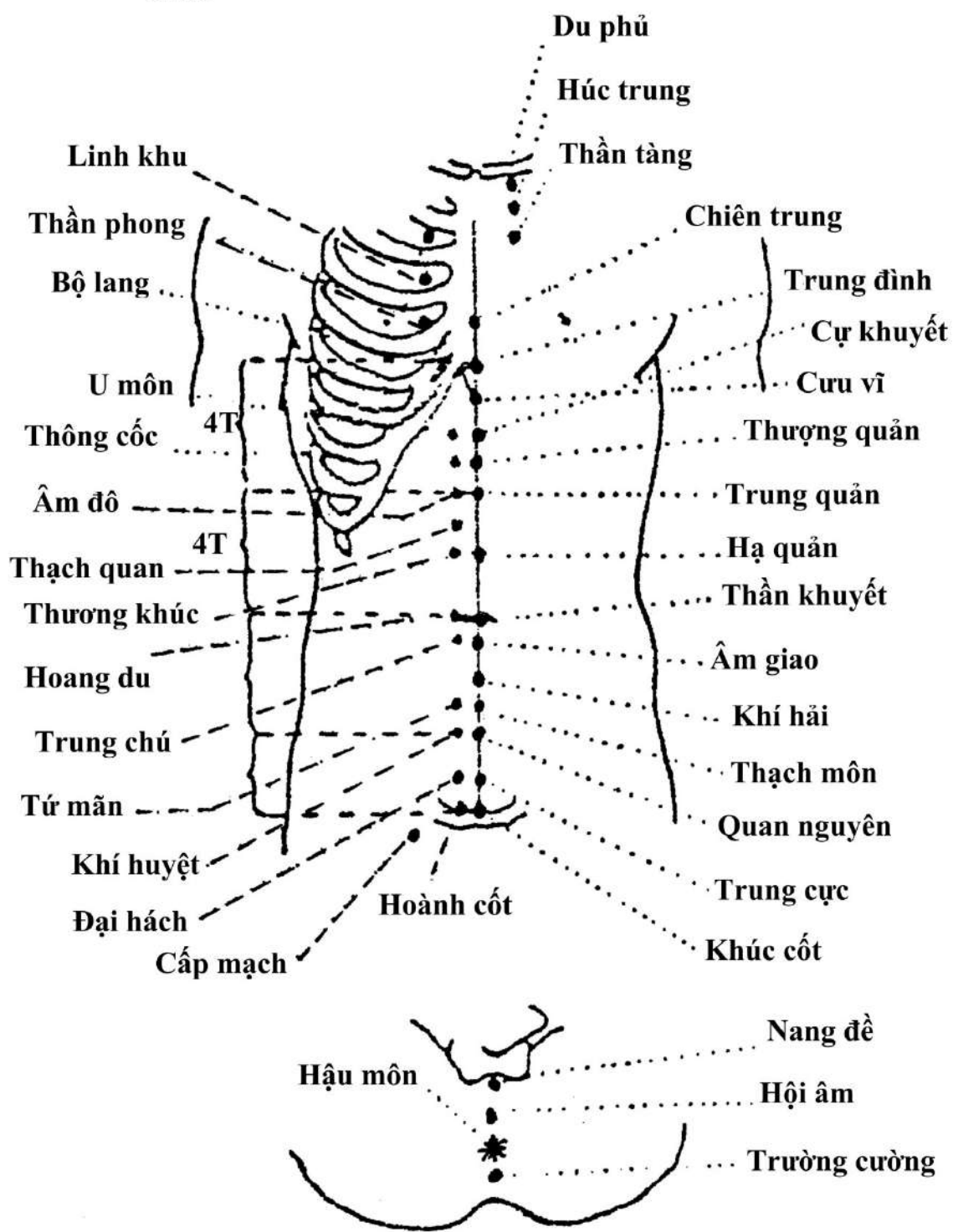


H.87

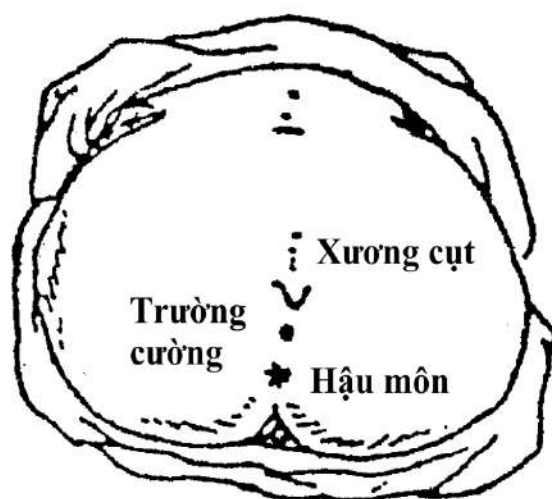
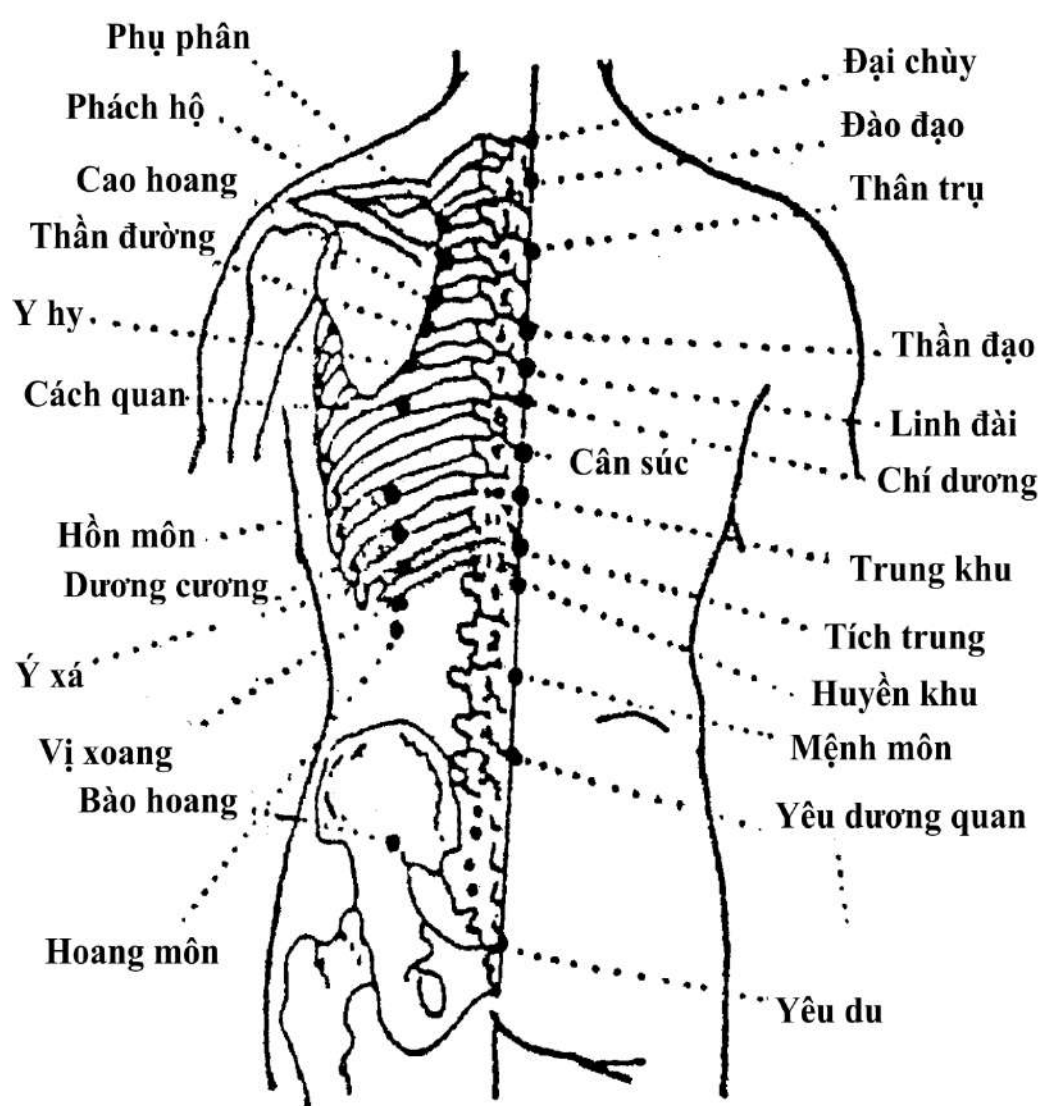


H.88

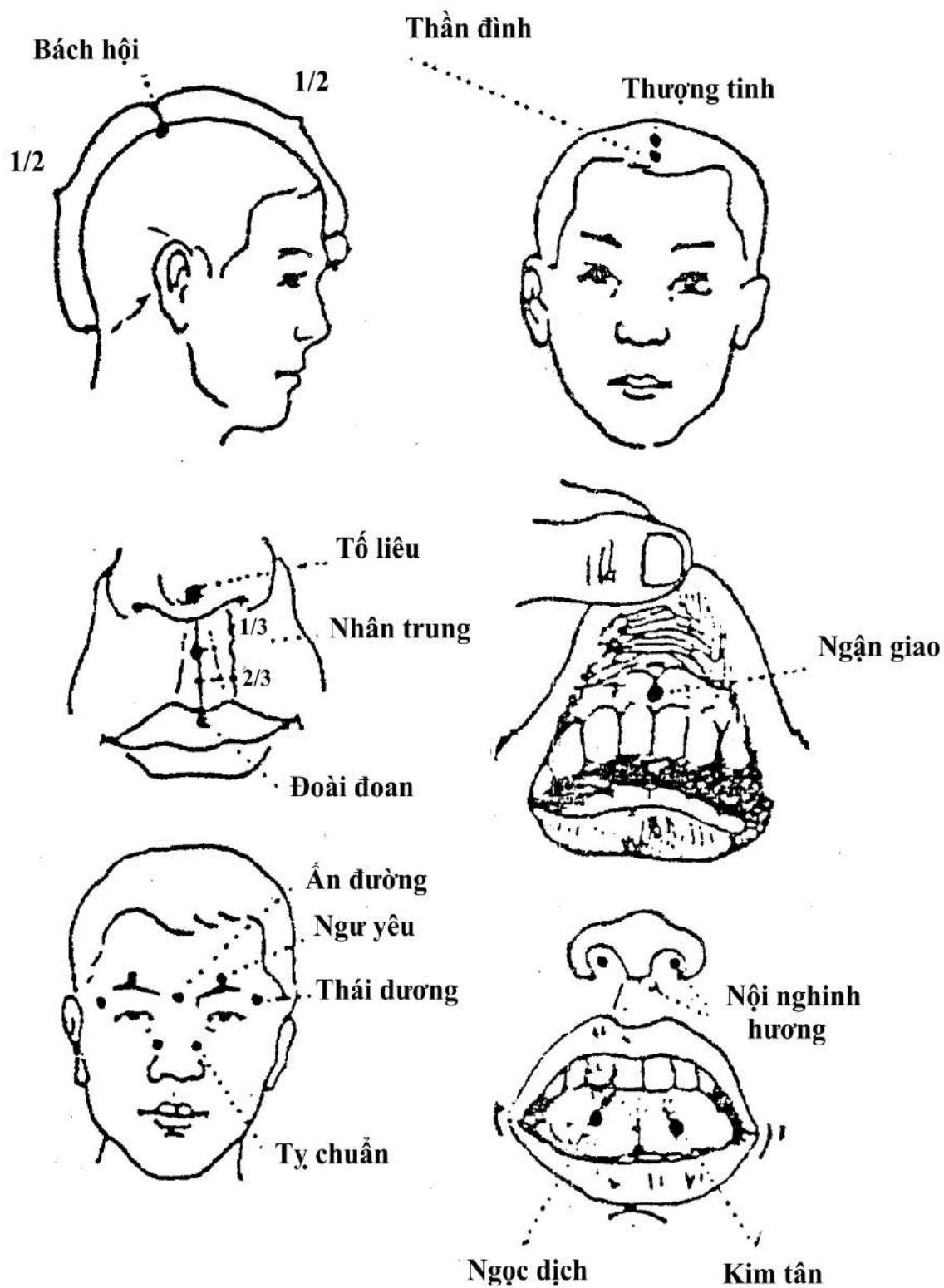
H.89



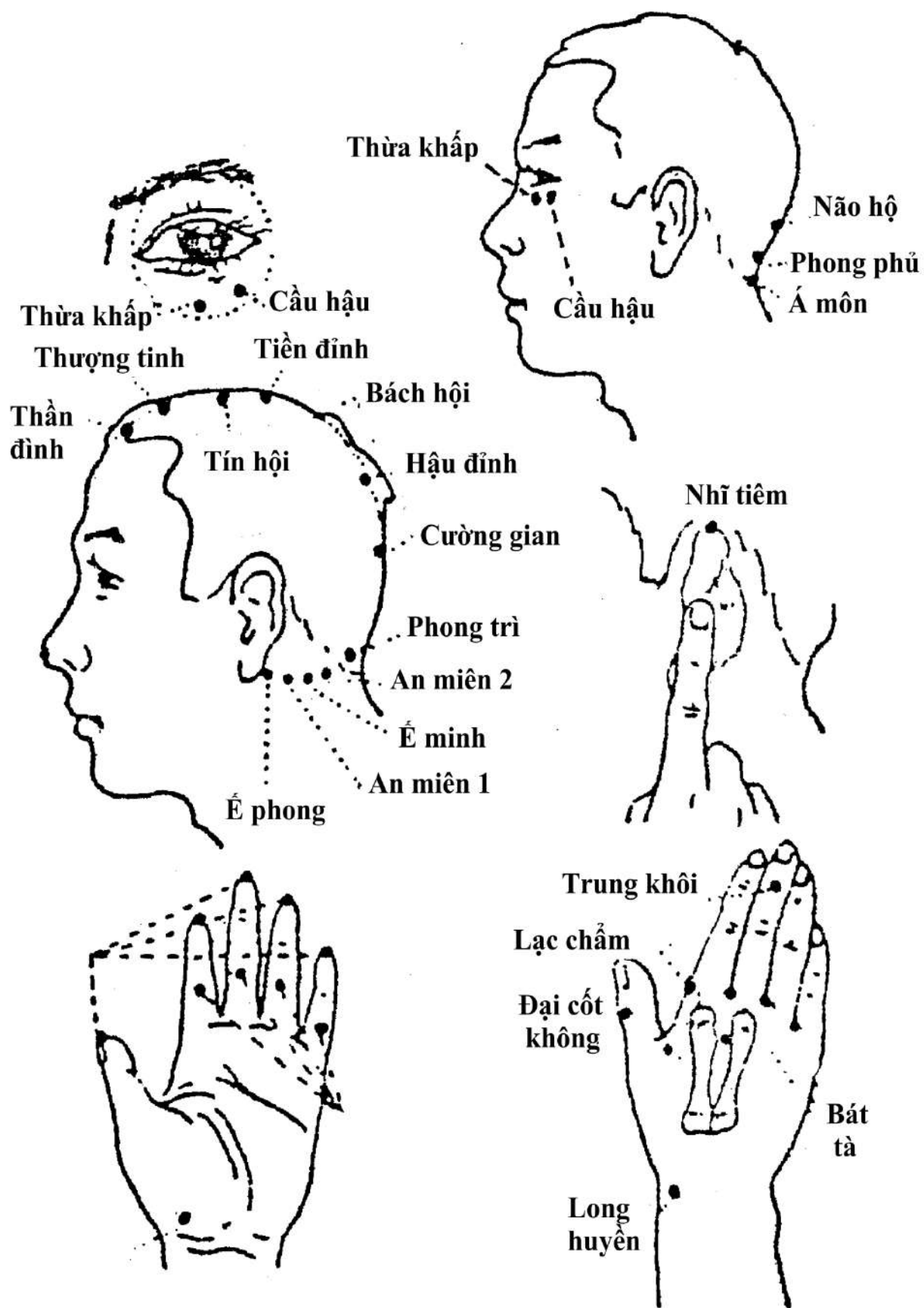
H.90



H.91 - 92

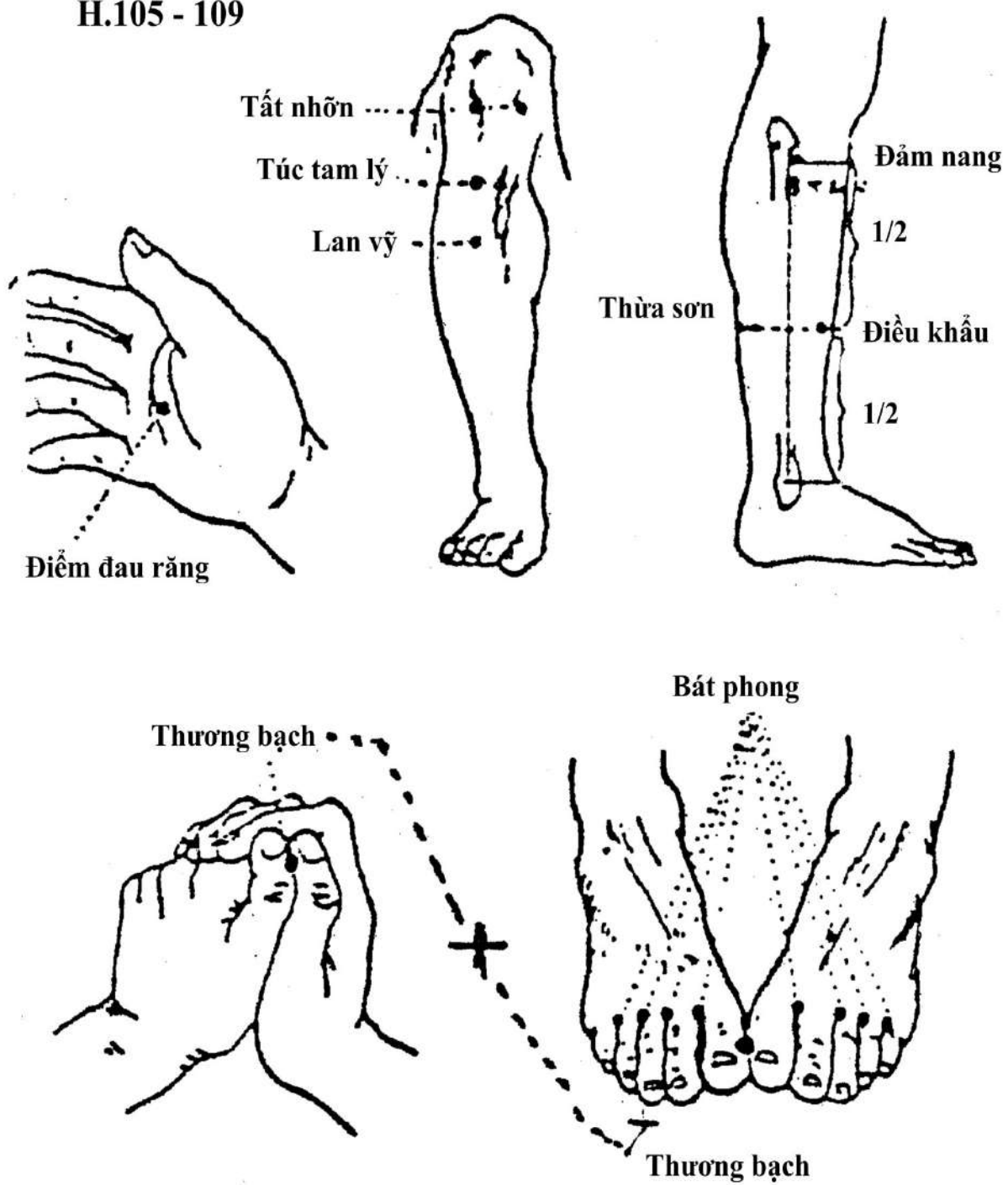


H.93 - 98

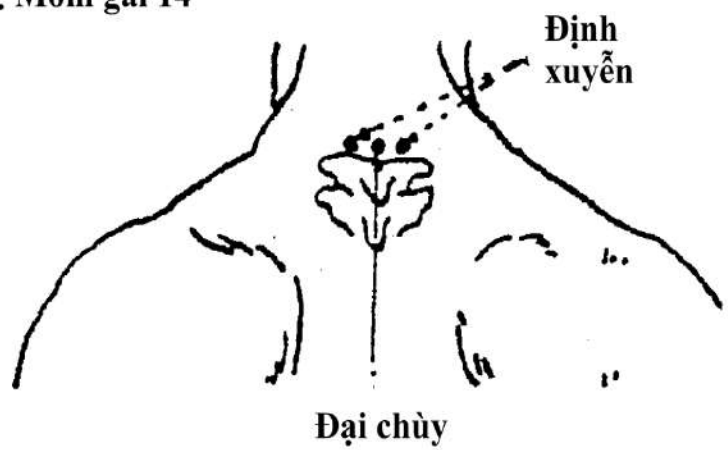
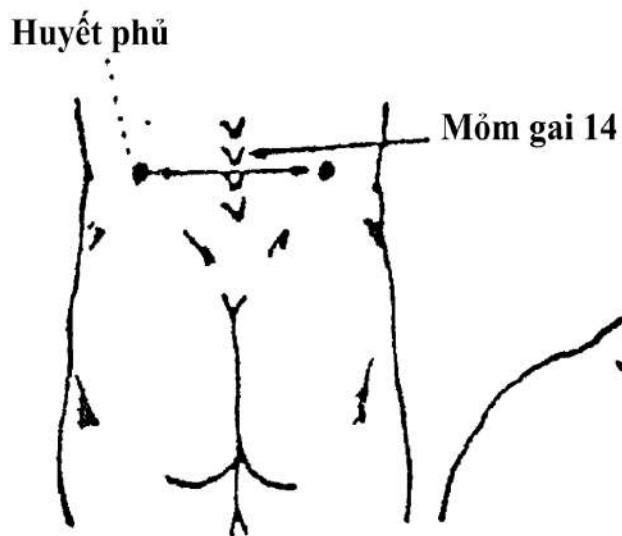
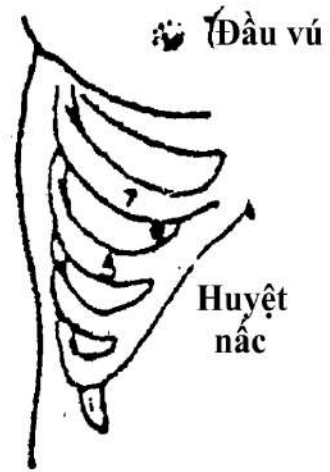
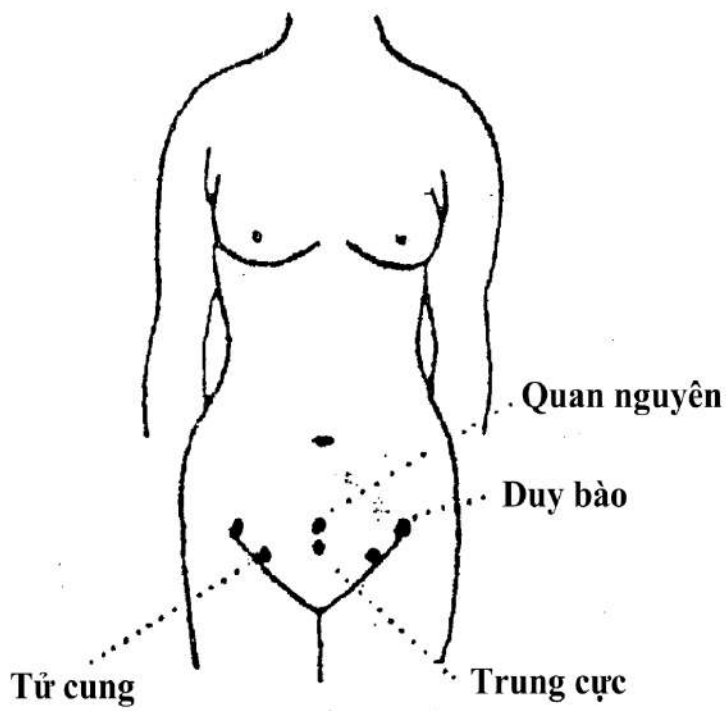


H.99 - 104

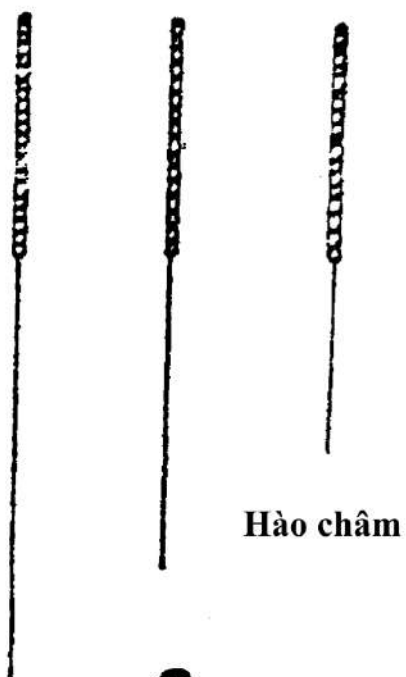
H.105 - 109



H.110 - 113



H.114



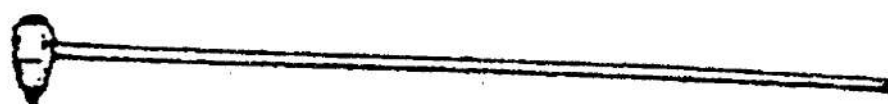
Hào châm

H.115

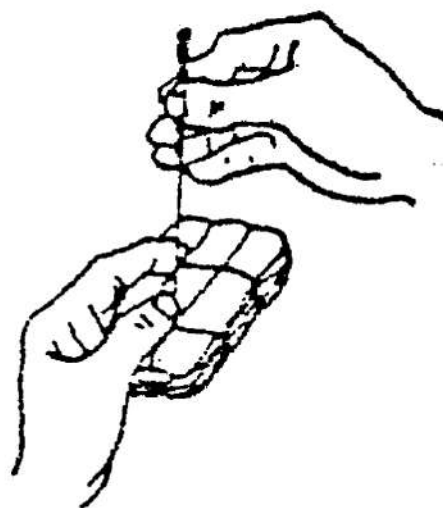
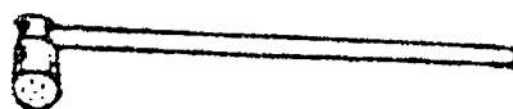
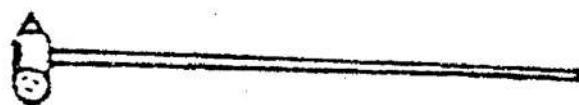


Kim 3 cạnh

H.116

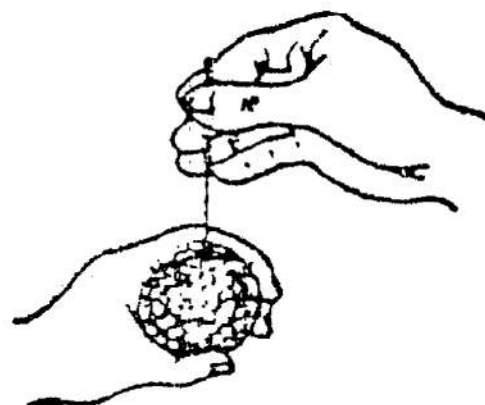


Kim gõ da



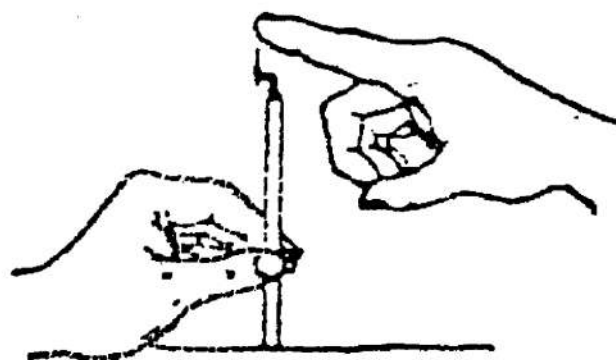
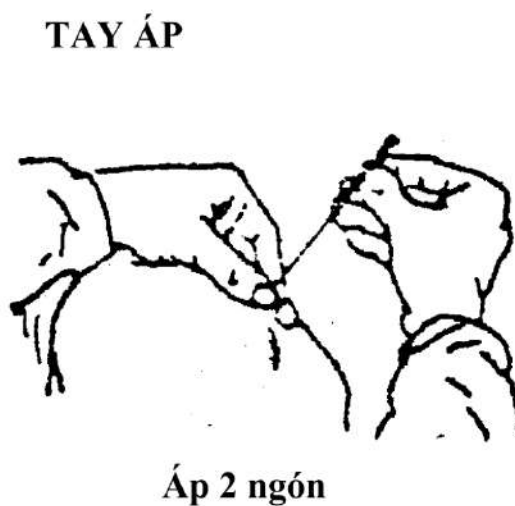
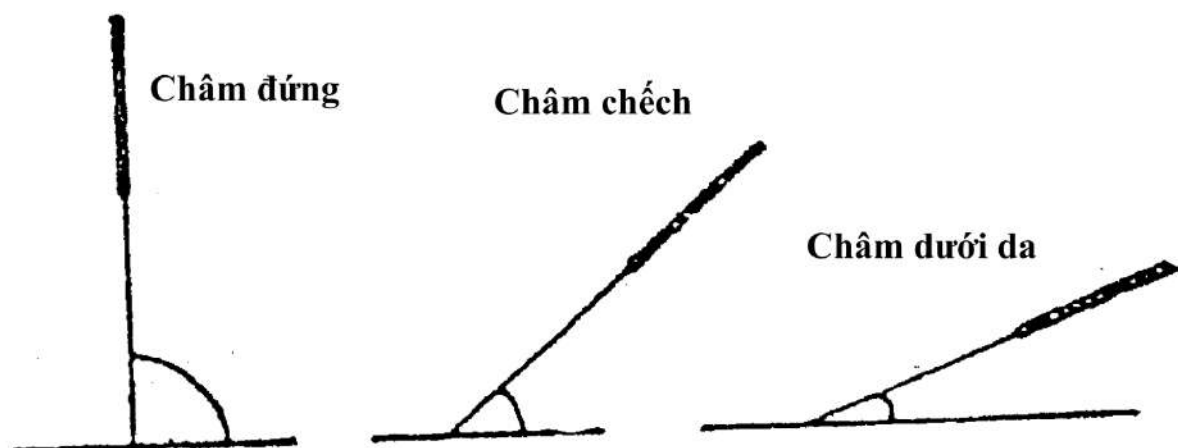
Luyện sức ngón tay

H.117



Luyện vê kim

H.118

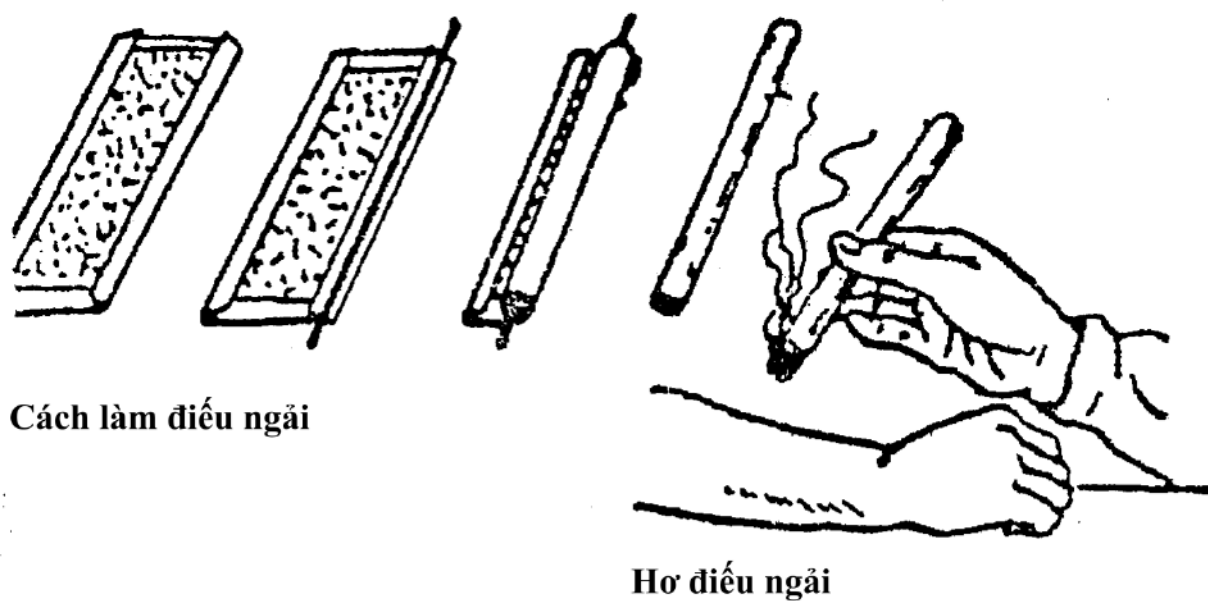
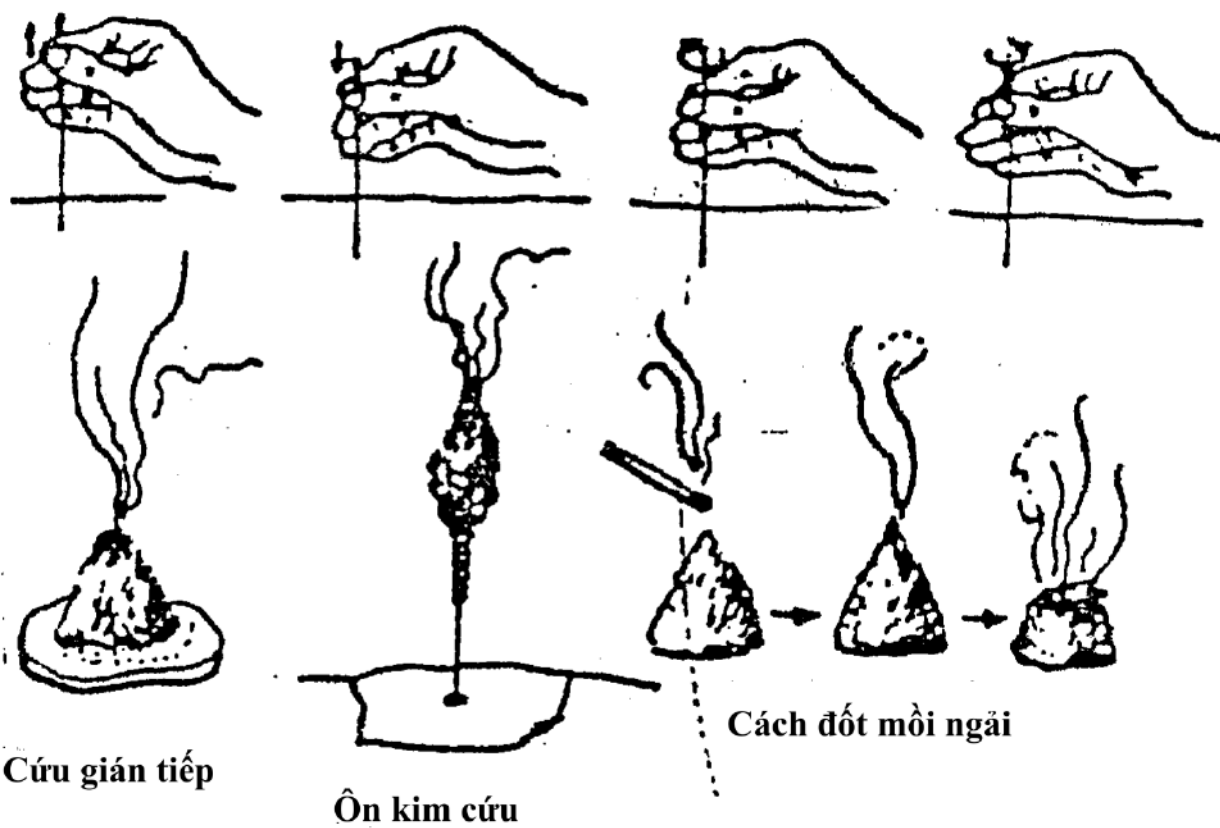


Nâng

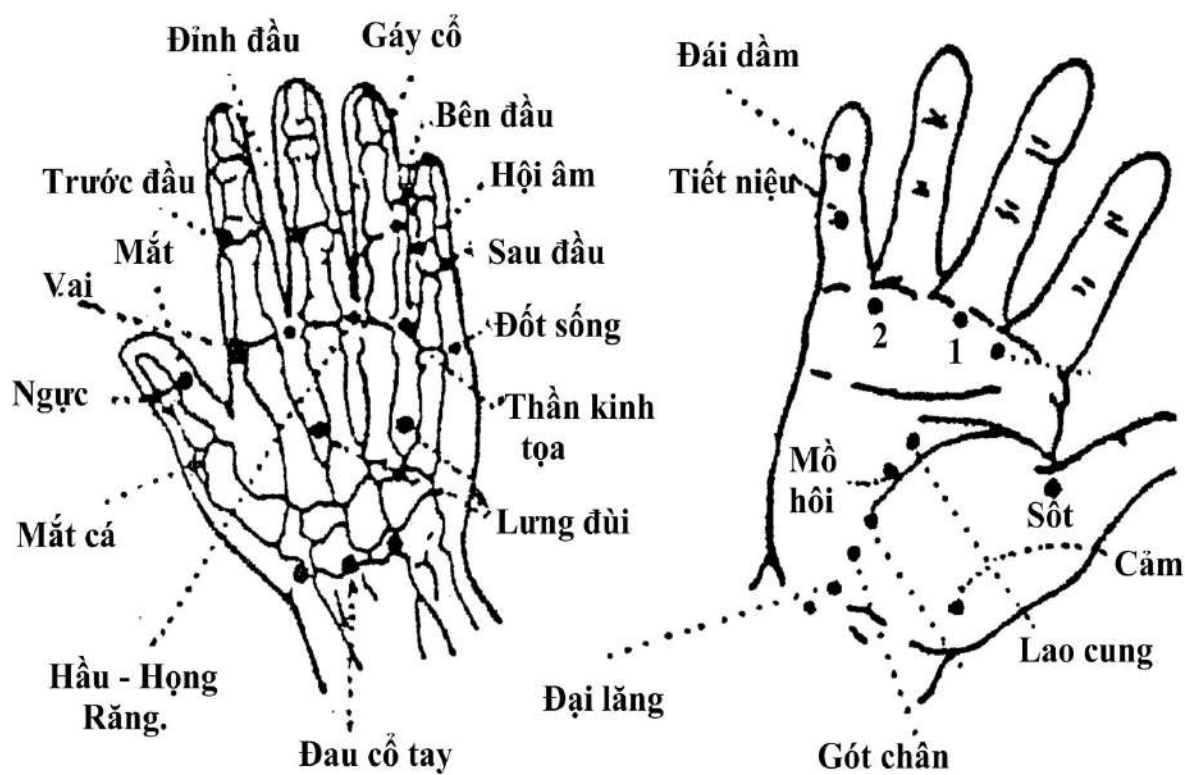
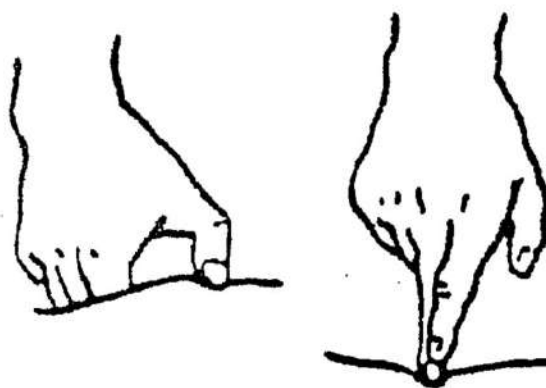
Ấn

Vê bỏ

Vê tả



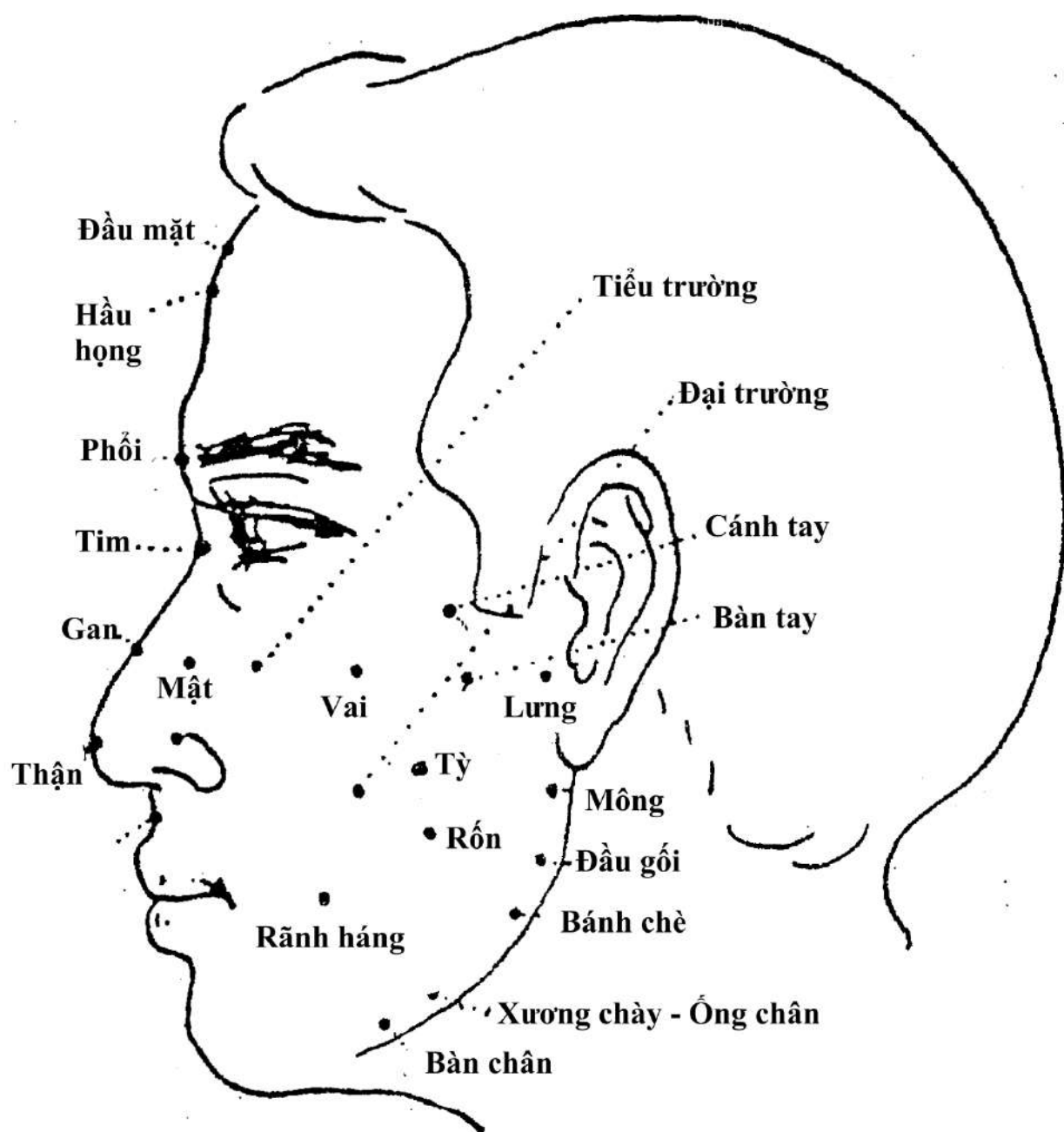
Châm bằng ngón tay



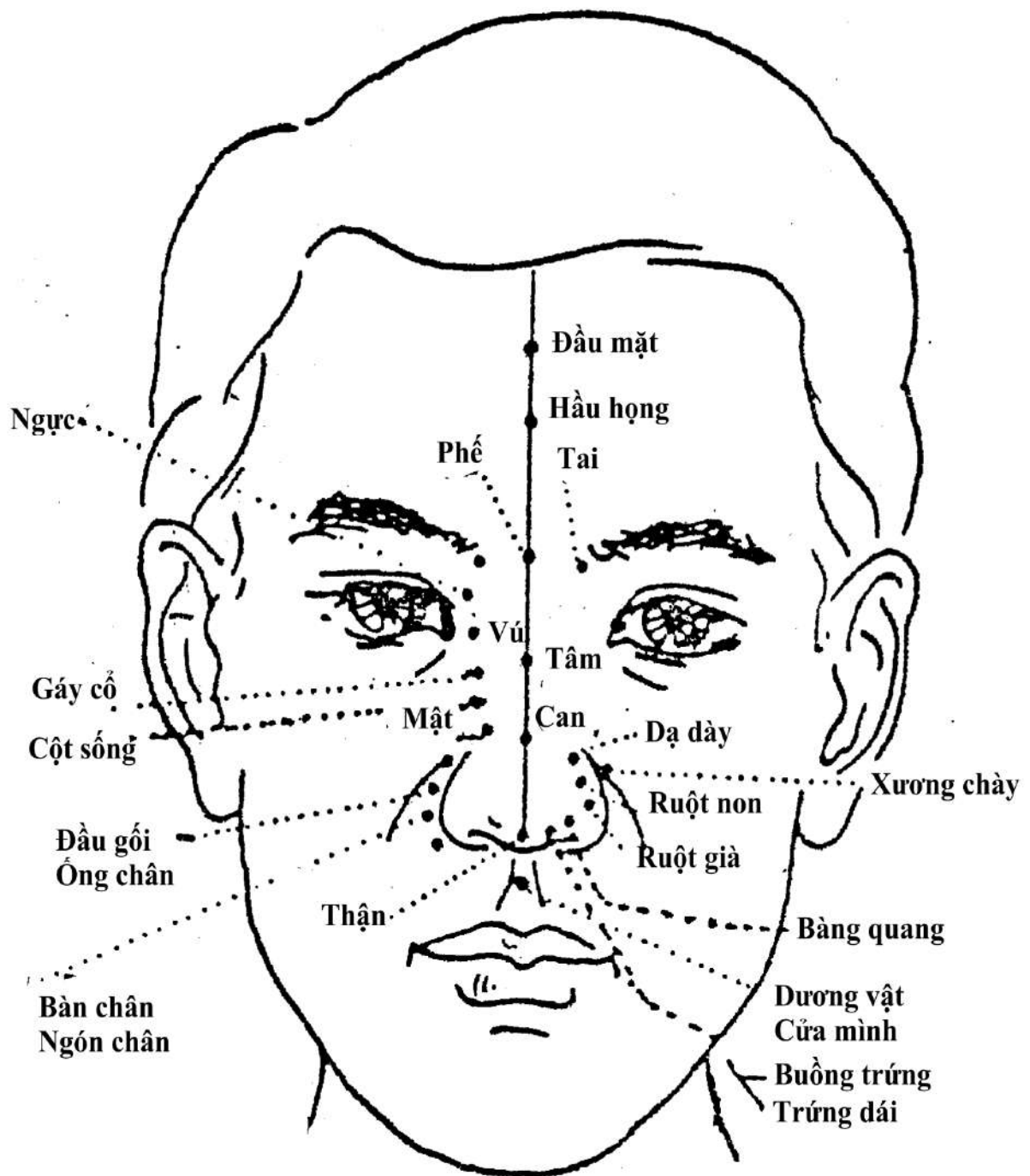
Huyệt châm bàn tay

1. Viêm miệng
2. Tâm thần

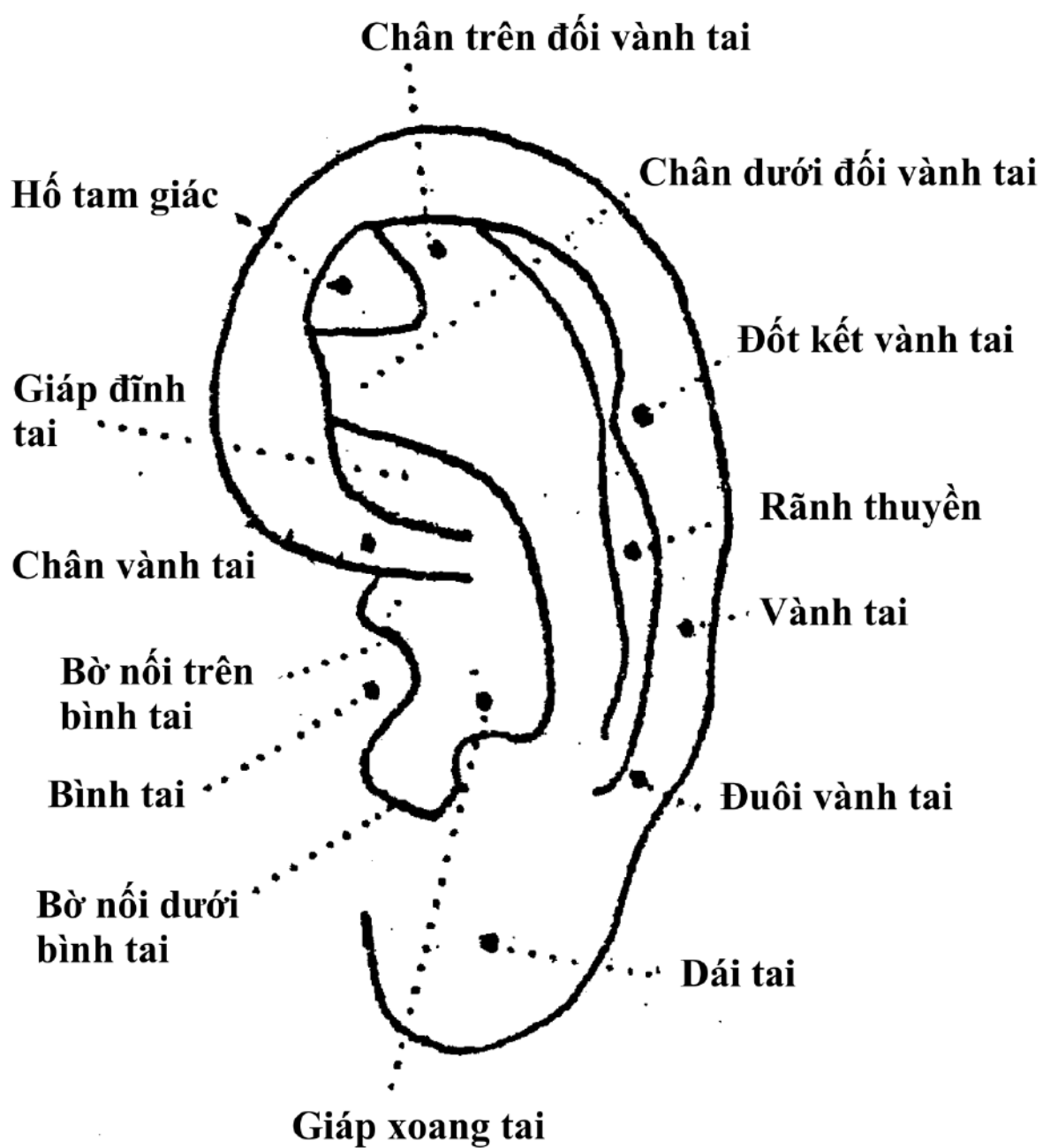
H.130 - 131



H.132 - Huyết châm mặt

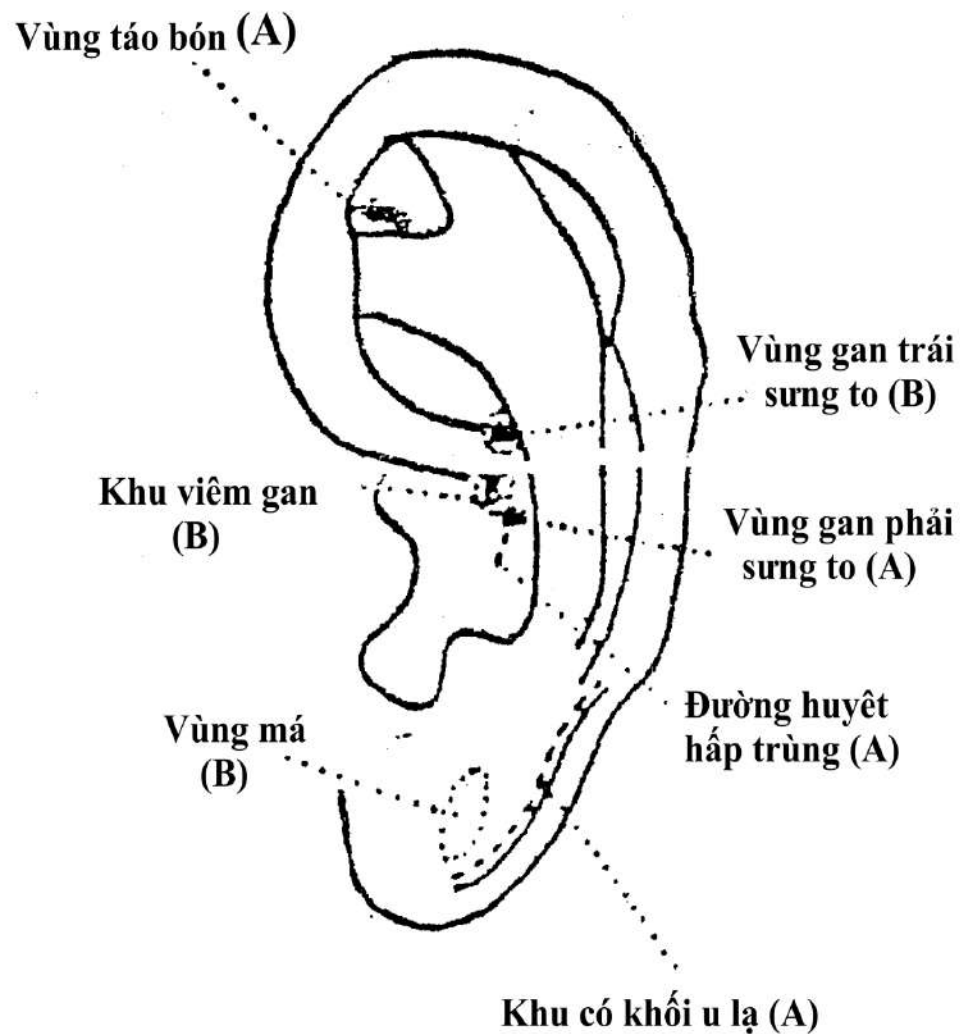


H.133 - Huyệt châm mũi

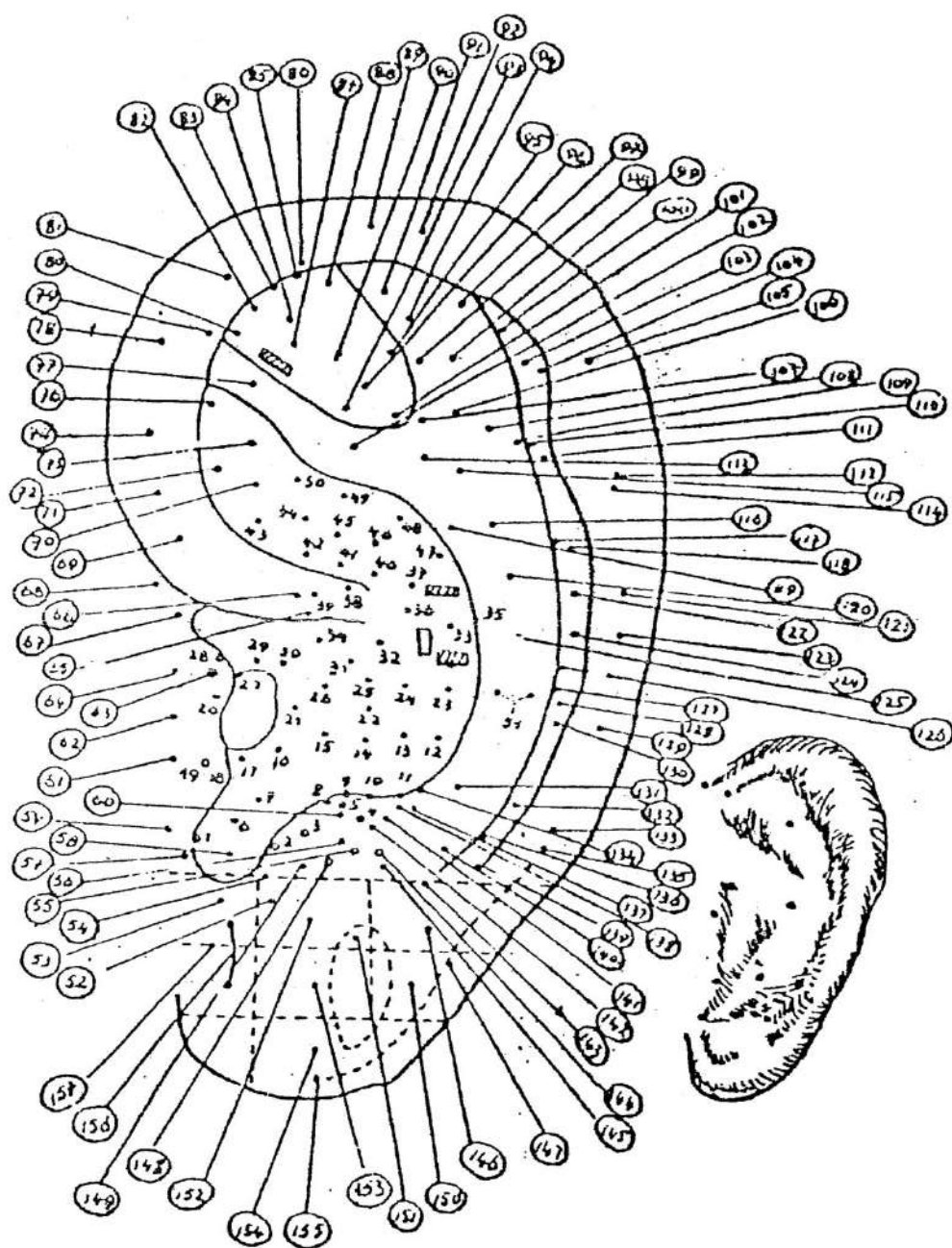


H.134 - Phía trước tai

H.136



Ghi chú : - Những huyết đen (.) - (A) đều là ở mặt trước loa tai
- Những huyết 〇 - (B) là huyết ở phía sau, hướng vào giáp xoang tai.



ĐIỂM PHẢN ỨNG LOA TAI

- | | |
|-----------------------|-------------------------|
| 1-Nội tiết. | 20-Sạch mắt mũi. |
| 2-Buồng trứng. | 21-Khi quan. |
| 3-Dưới vỏ não. | 22-Tím. |
| 4-Hưng phấn. | 23-Ty. |
| 5-Trung đại. | 24-Cạnh ngoài phổi. |
| 6-Kích tố. | 25-Trên phổi. |
| 7-Gian phế quản. | 26-Phế quản. |
| 8-Quai bị. | 27-Mũi nhọn, bình tai. |
| 9-Nao. | 28-Tuyến giáp trạng. |
| 10-Choáng vàng. | 29-Bụng dưới. |
| 11-Nao can. | 30-Mồm. |
| 12-Huyết dịch. | 31-Điểm mắt mới.. |
| 13-Cạnh ngoài phổi. | 32-Cổ da dầy. |
| 14-Dưới phổi. | 33-Cơ rốn.. |
| 15-Phế quản. | 34-Thực quản. |
| 16-Tam tiêu. | 35-Ngực. |
| 17-Bụng trên. | 36-Dạ dày.. |
| 18-Tuyến thượng thận. | 37-Dưới thùy. |
| 19-Trong mũi | 38-Thần kinh quạu năng. |
| | 39-Tai giữa. |

40-Tử tròng.
41-Tiểu trượng.
42-Ruột thực.
43-Dại trượng.
44-Kết trượng 2.
45-Bụng nước.
46-Tuyến tụy.
47-Gan.
48-Tụy - mật.
49-Thận.
50-Niệu quản.
51-Tuyến yu.
52-Hèm dưới.
53-Nặng huyết áp.
54-Mật 2.
55-Thụy thể.
56-Thực dương.
57-Mật 1.
58-Giáp trượng 3.
59-Cao huyết áp.

60-Cắt cơn xuyễn.
61-Đoi.
62-Ngoại mũi.
63-Huyết hống.
64-Khết.
65-Diễm chí.
66-Hoành cách.
67-Tâm tạng.
68-Tai ngoại.
69-Đoạn dưới trực tràng.
70-Kết trượng 1.
71-Lỗ đít.
72-Huyết cơ.
73-
74-Niệu đạo.
75-Bàng quang.
76-Tuyến tiền liệt.
77-Thần kinh tọa.
78-Chim - bướm.
79-Thần kinh giao cảm.

- 80-Đoạn dưới trực tràng.
 81-Hạch trĩ.
 82-Niệu đạo.
 83-Chim - Bướm.
 84-Tử cung.
 85-Đoạn dưới trực tràng.
 86-Cam mao.
 87-Phần phụ đàn bà.
 88-Hạ bấp.
 89-Nhĩ tiêm.
 90-Xuyên.
 91-Gót chân.
 92-a-mi-đan.
 93-Khớp hông.
 94-Mặt cá.
 95-Thần môn.
 96-Viêm gan.
 97-Ngón chân.
 98-Phỉ, dương (cơ đép).
 99-Khớp gối.
 100-Ruột thừa 1.
 101-Xoang chậu.
 102-Mộng.
 103-Ngon tay.
 104-Thần kinh gối nhỏ.
 105-Cạn dương 1.
 106-Khớp chậu.
 107-Lỗ đít.
 108-Bầu gối.
 109-Bụng dưới.
 110-Qủy mẩn cam.
 111-Cổ tay.
 112-Lyân 2.
 113-Nóng, sốt.
 114-Cạn dương 2.
 115-Bụng.
 116-Đốt sống thắt lưng.
 117-Hoạt huyết.
 118-Khuyết tay.
 119-Dau lưng.

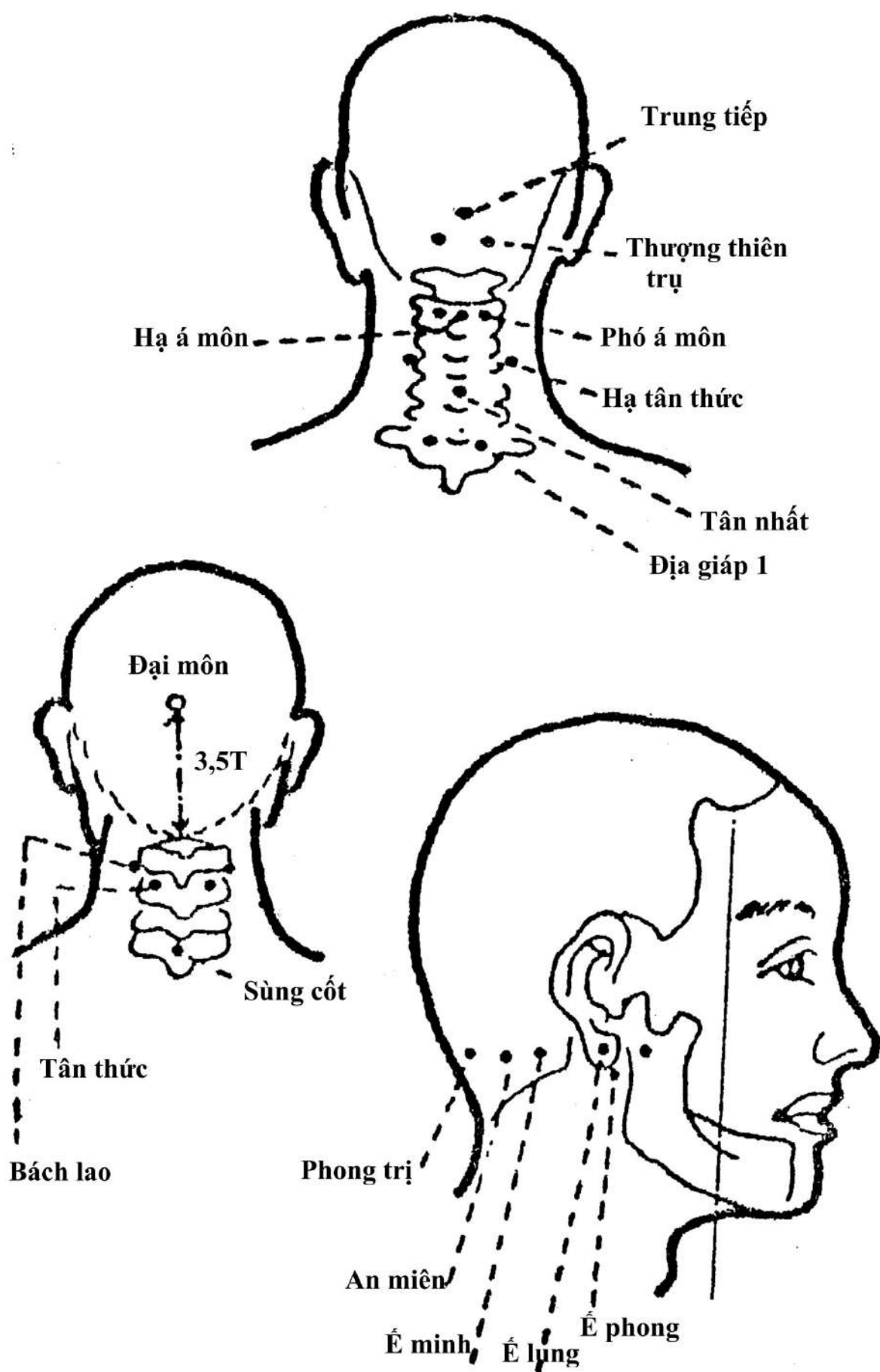
120-Bụng.
 121-Luân 2.
 122-Ruột thừa 2.
 123-A-mi-đon 2.
 124-Vai.
 125-Ngực.
 126-Dạ dày.
 127-Dầu vai.
 128-Không ngực.
 129-Luân 3.
 130-Khớp vai.
 131-Cổ.
 132-Không đòn.
 133-A-Mi-đon 3.
 134-Tuyến giáp trọng 2.
 135-Luân 4.
 136-Tuyến giáp trọng 1.
 137-Dầu - Kháng.
 138-Dầu răng.
 139-Viêm thận.

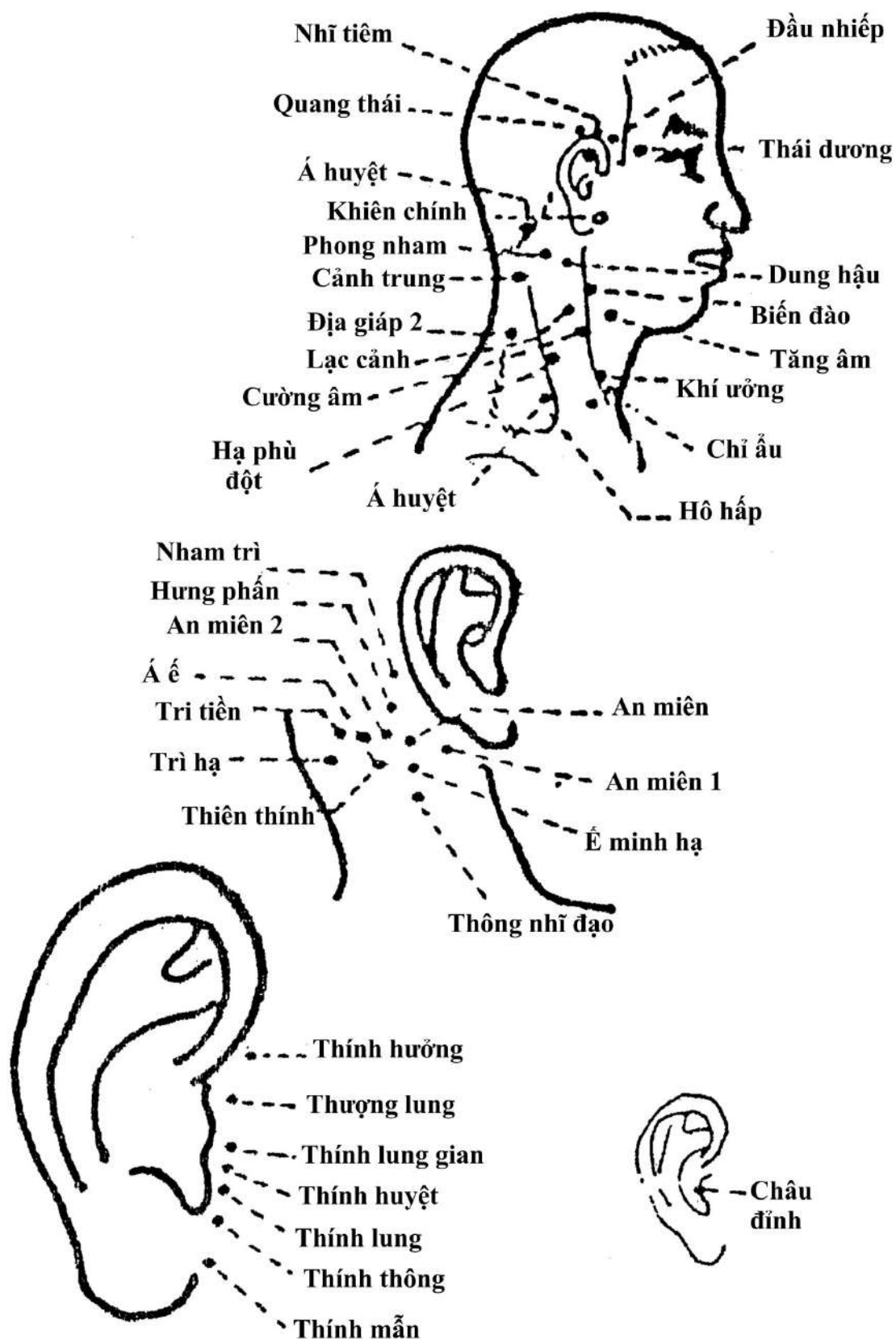
140-Ruột thừa 3.
 141-Chăm.
 142-Thận kinh.
 143-Hàm dưới.
 144-Phổi.
 145-Dịnh đầu.
 146-Hàm trên.
 147-Luân 5.
 148-Phổi khí thống.
 149-Trên.
 150-Tai trong.
 151-Trên quỳên.
 152-Lưỡi.
 153-Mắt.
 154-A-mi-đon 4.
 155-Luân 6.
 156-Điểm nhỏ răng.
 157-Thận kinh sự
 nhọc.

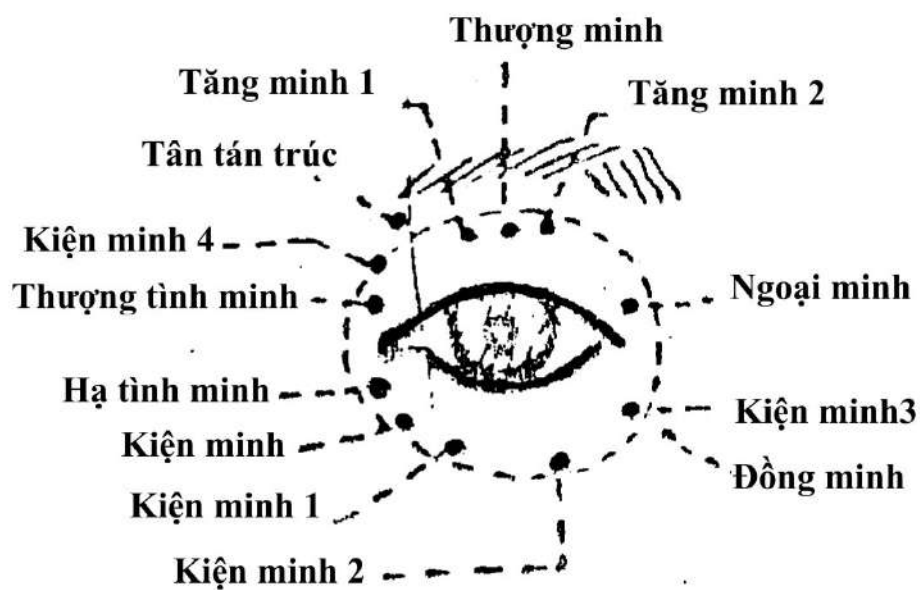
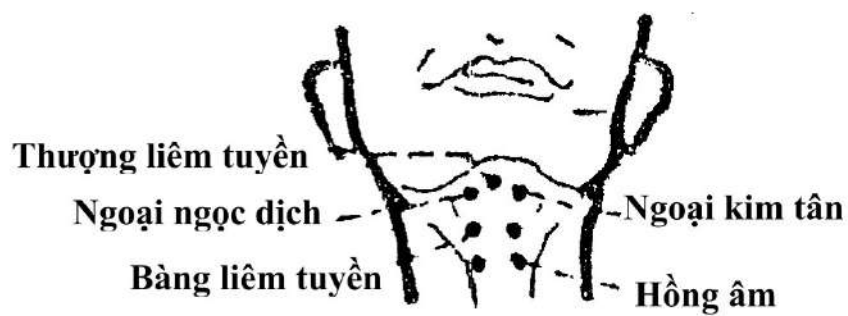
=====

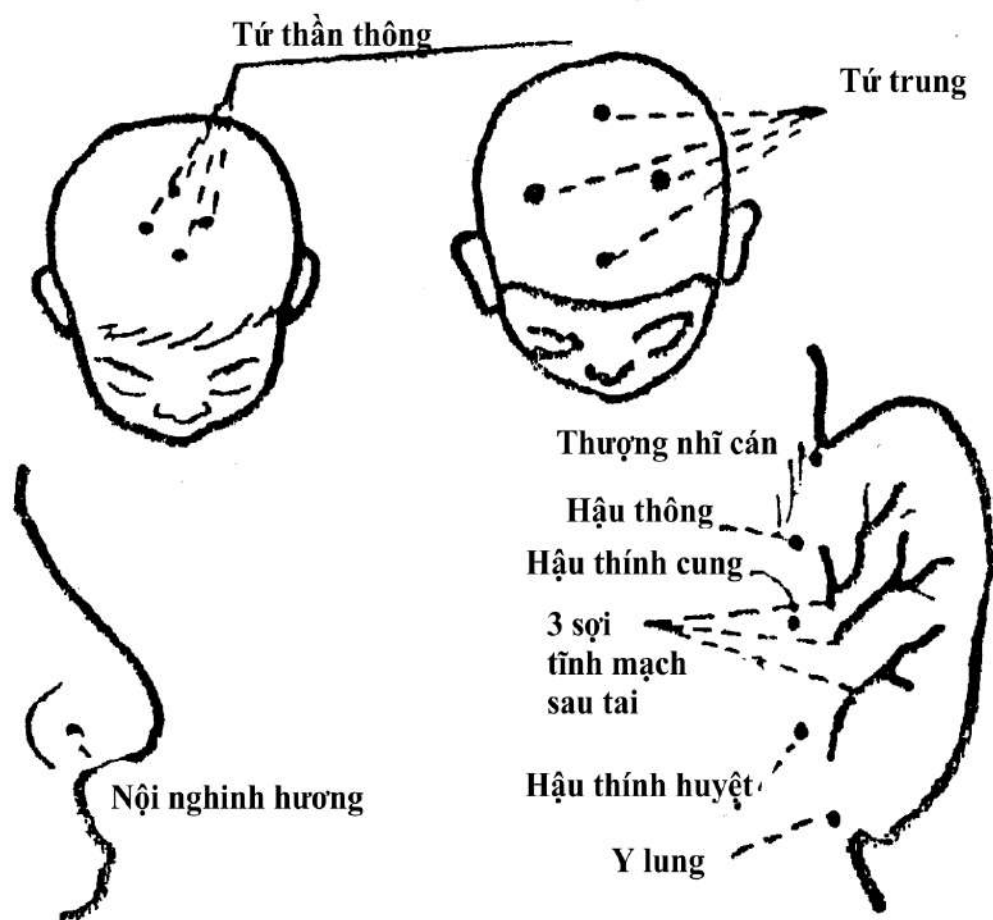
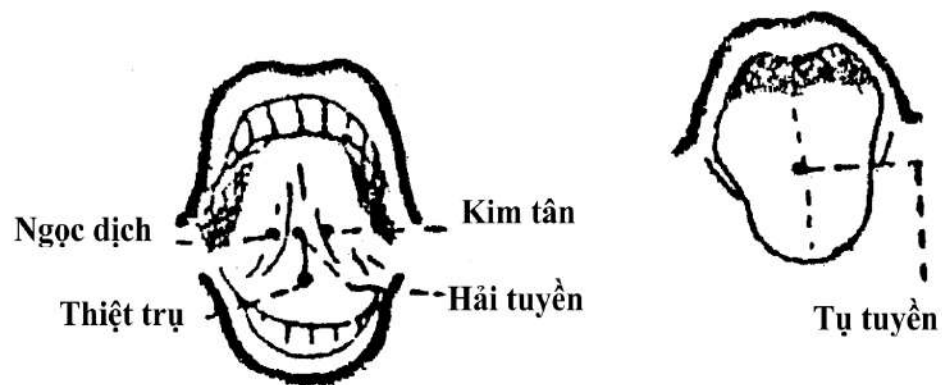
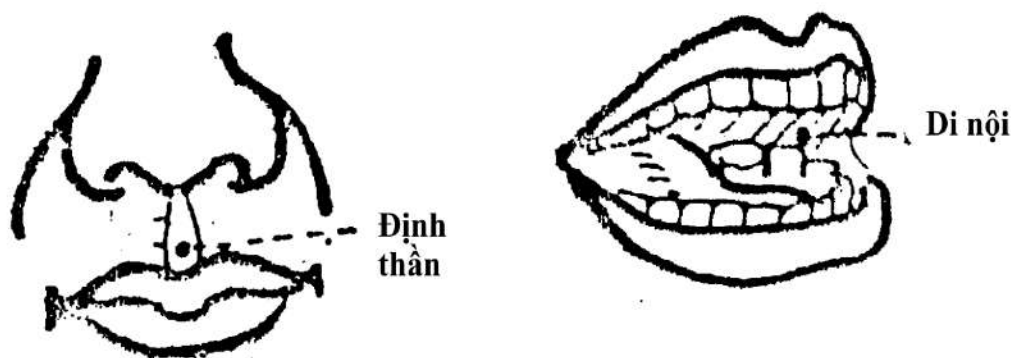
===== Mắt =====

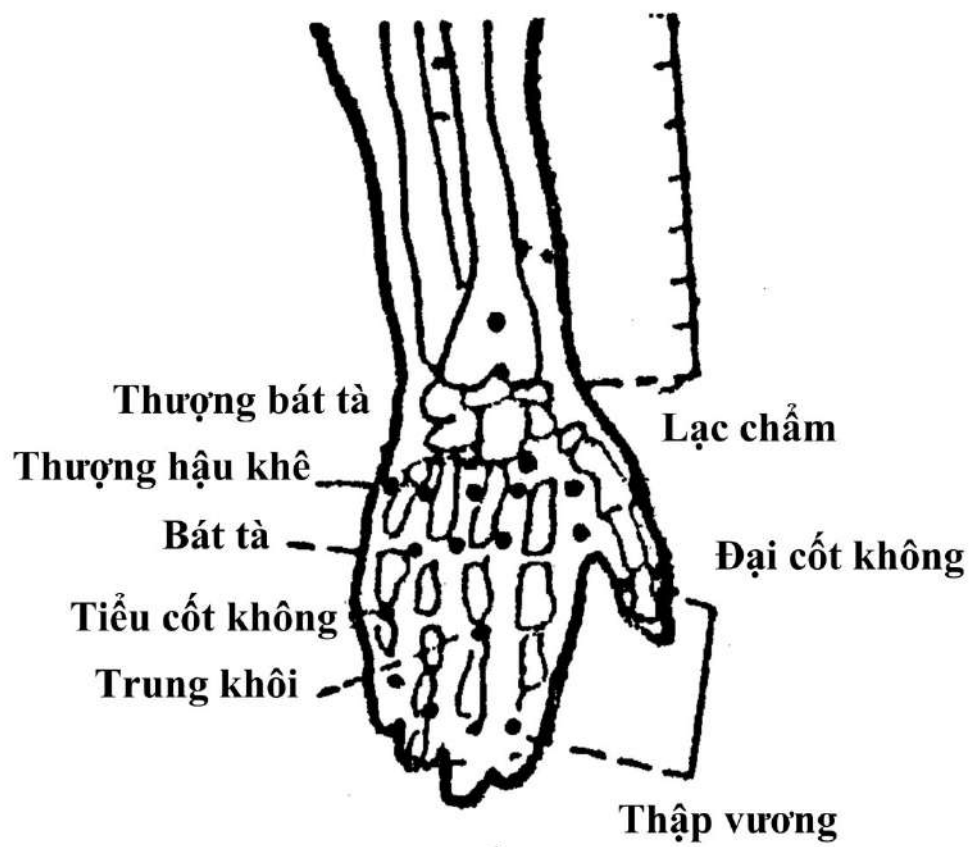








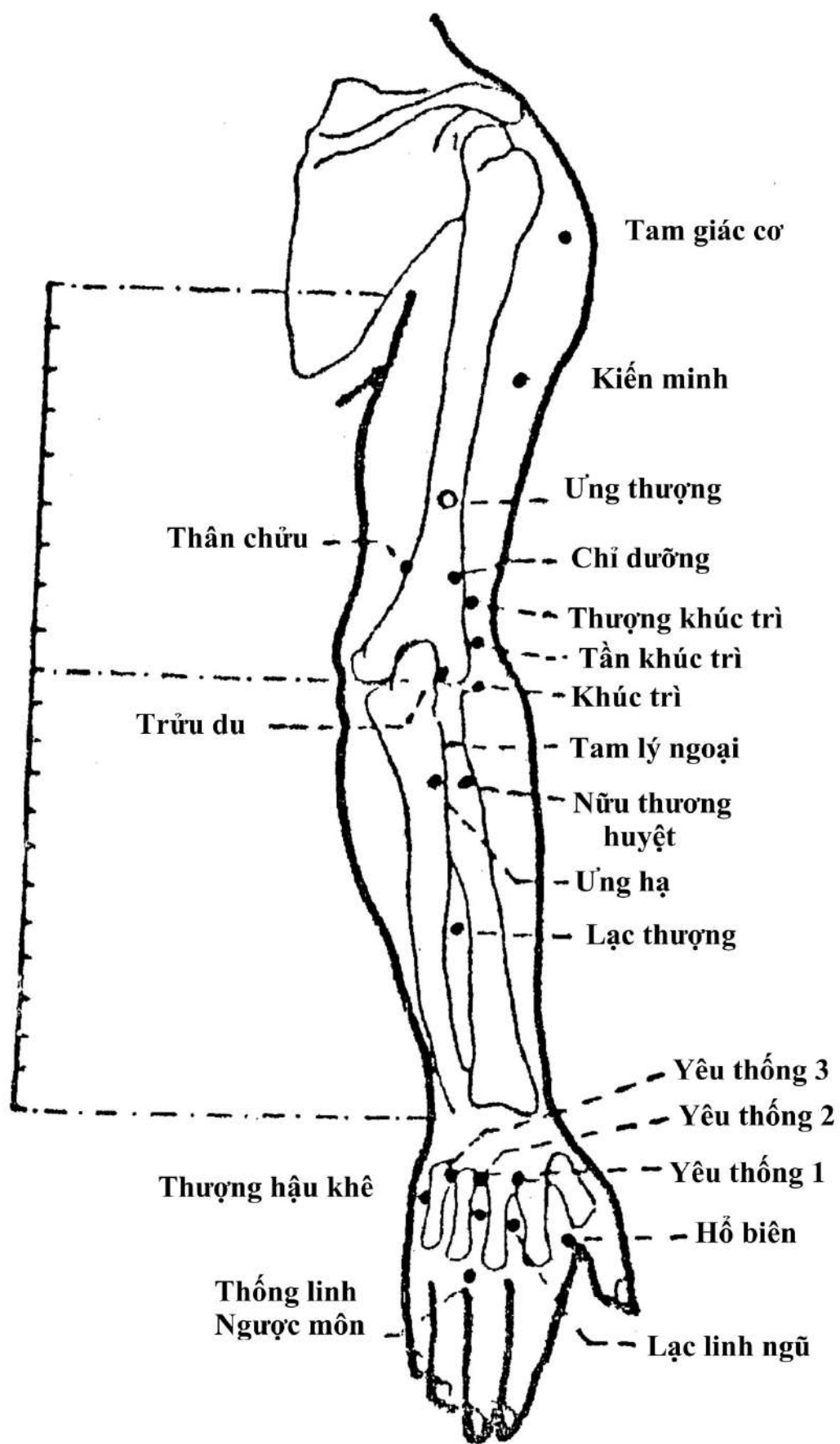




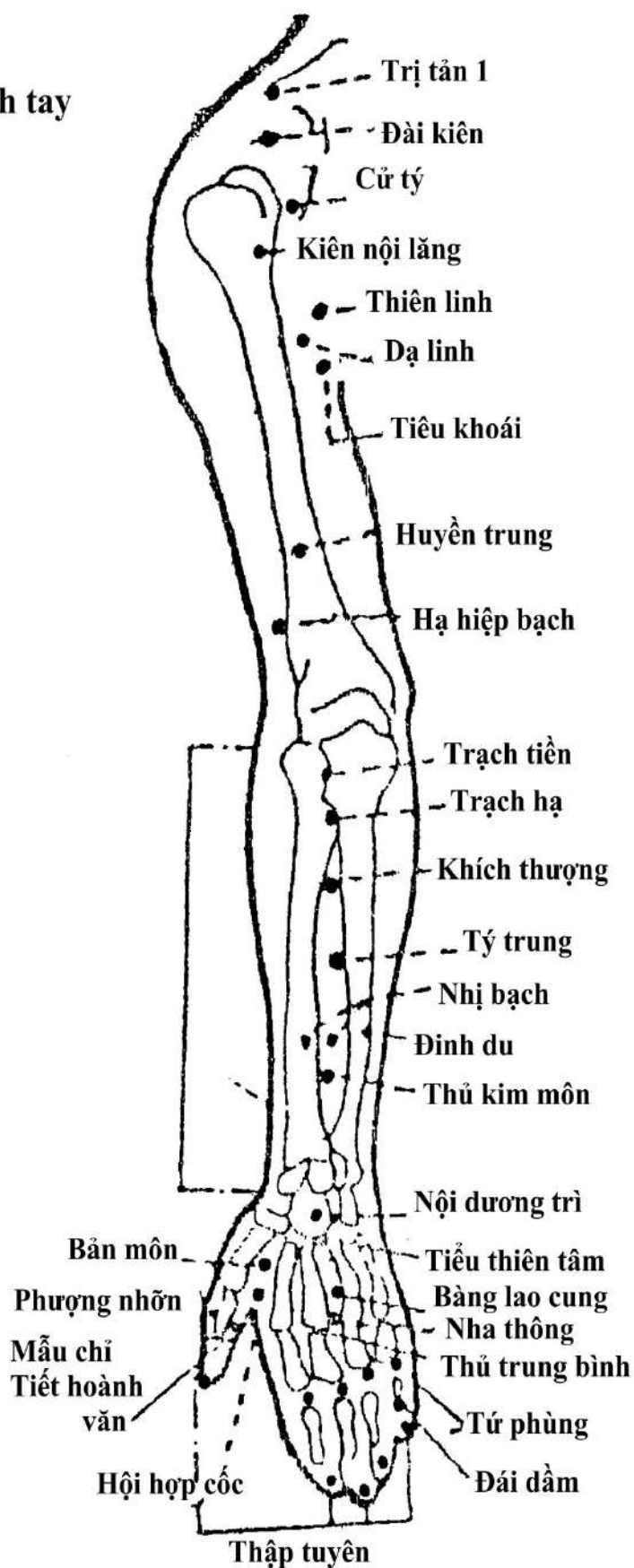
Tam thương:

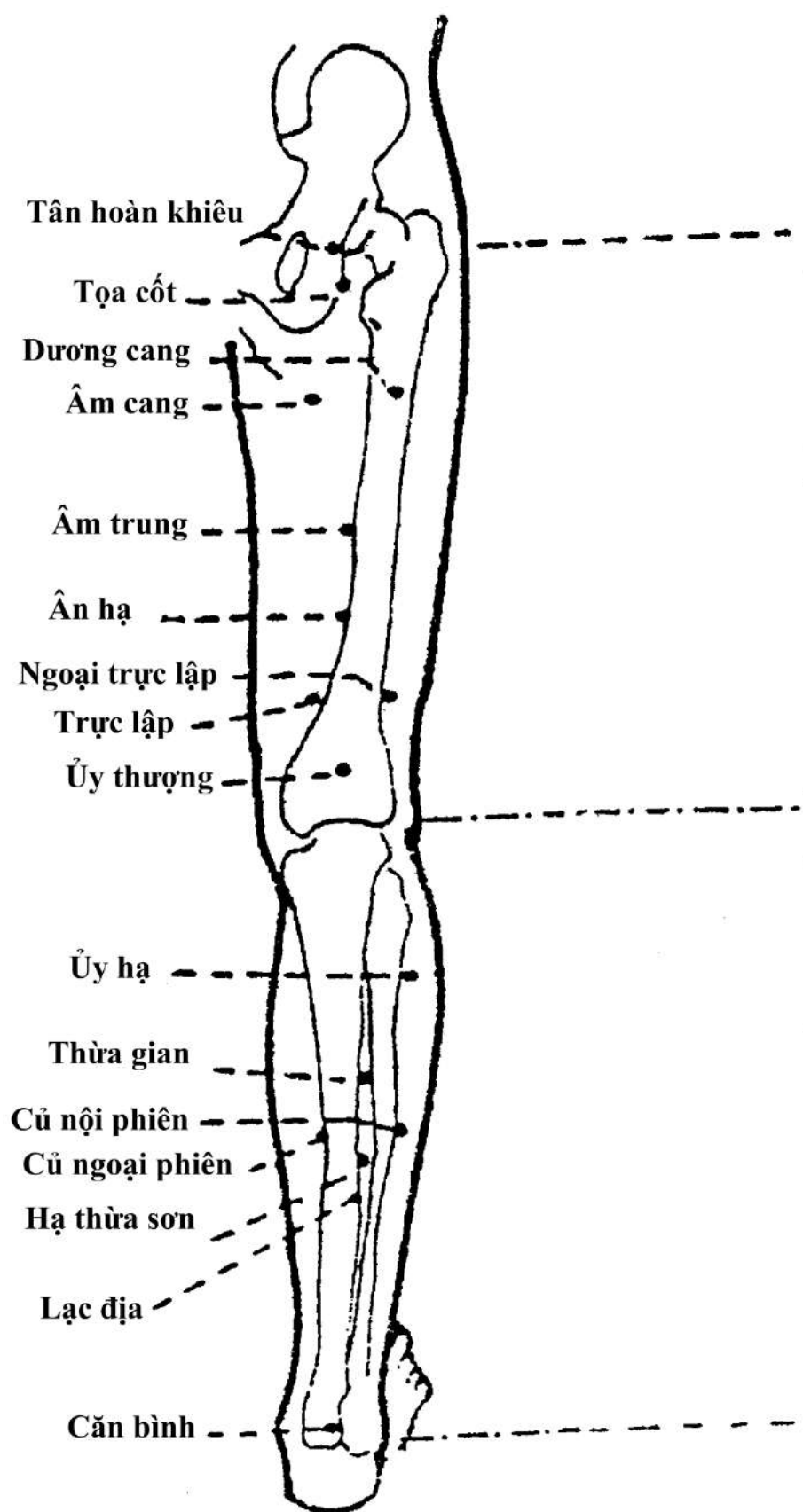
- Thiếu thương
- Trung thương
- Lão thương



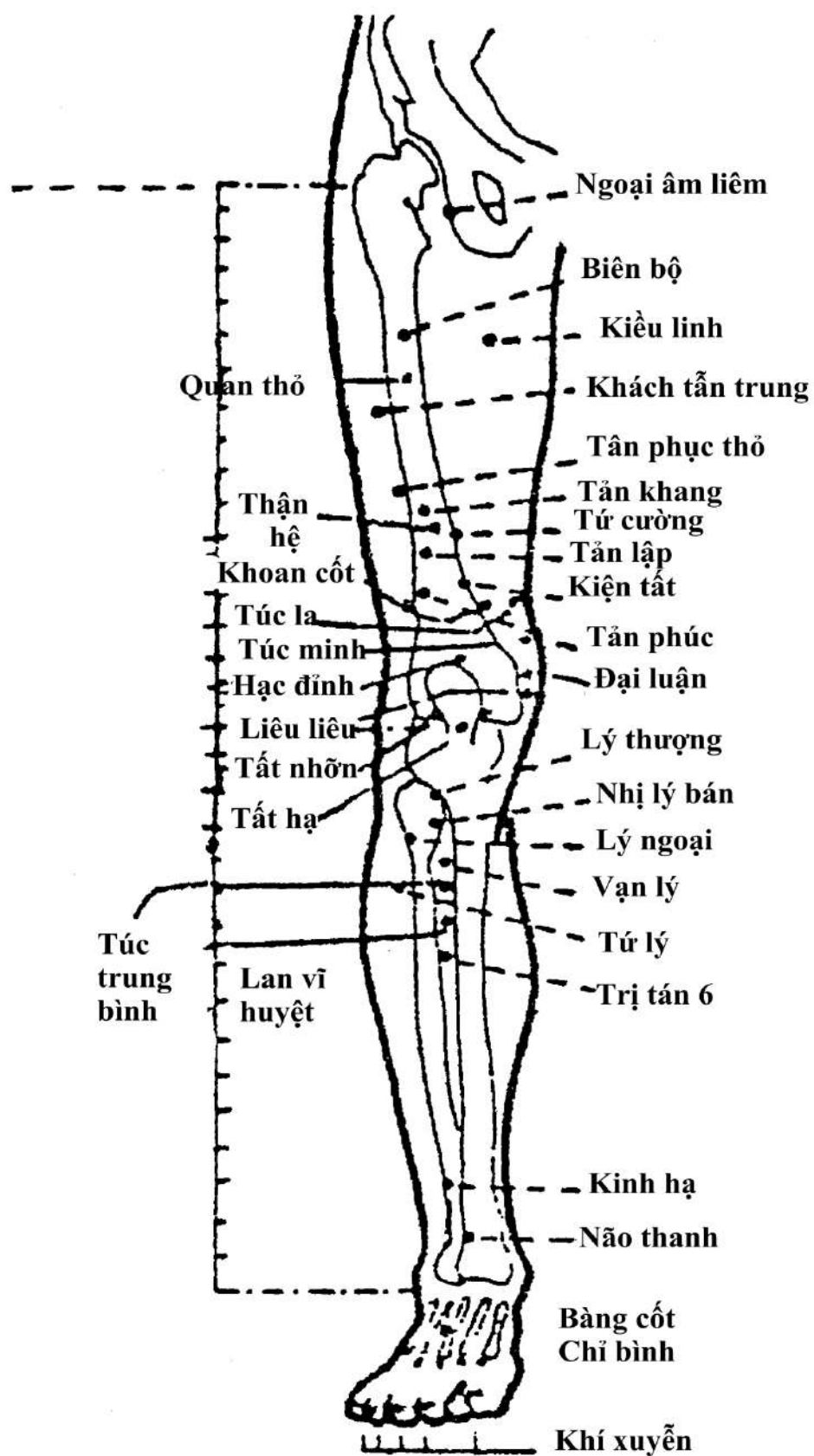


**Mặt trước cánh tay
bàn tay**

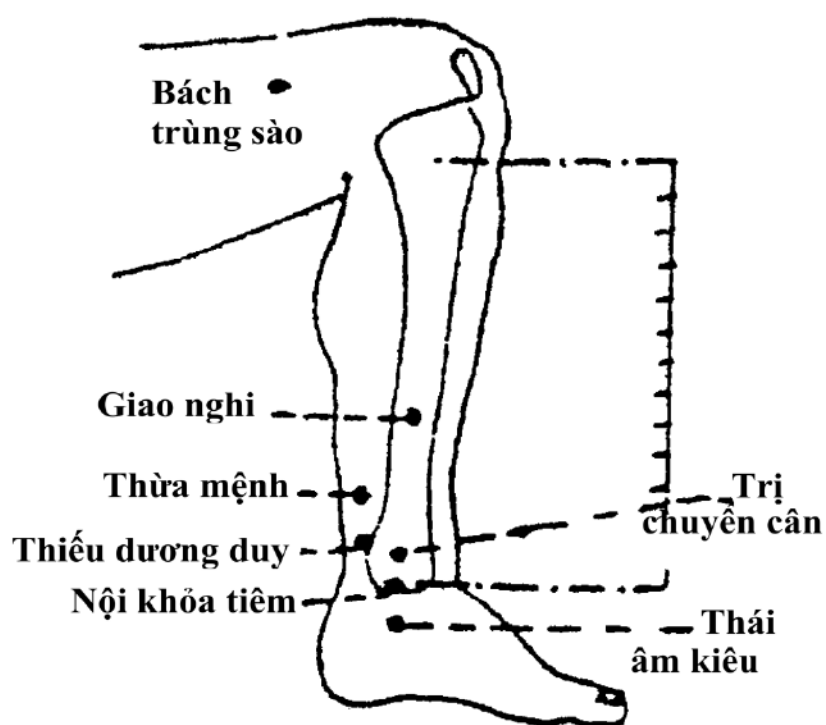
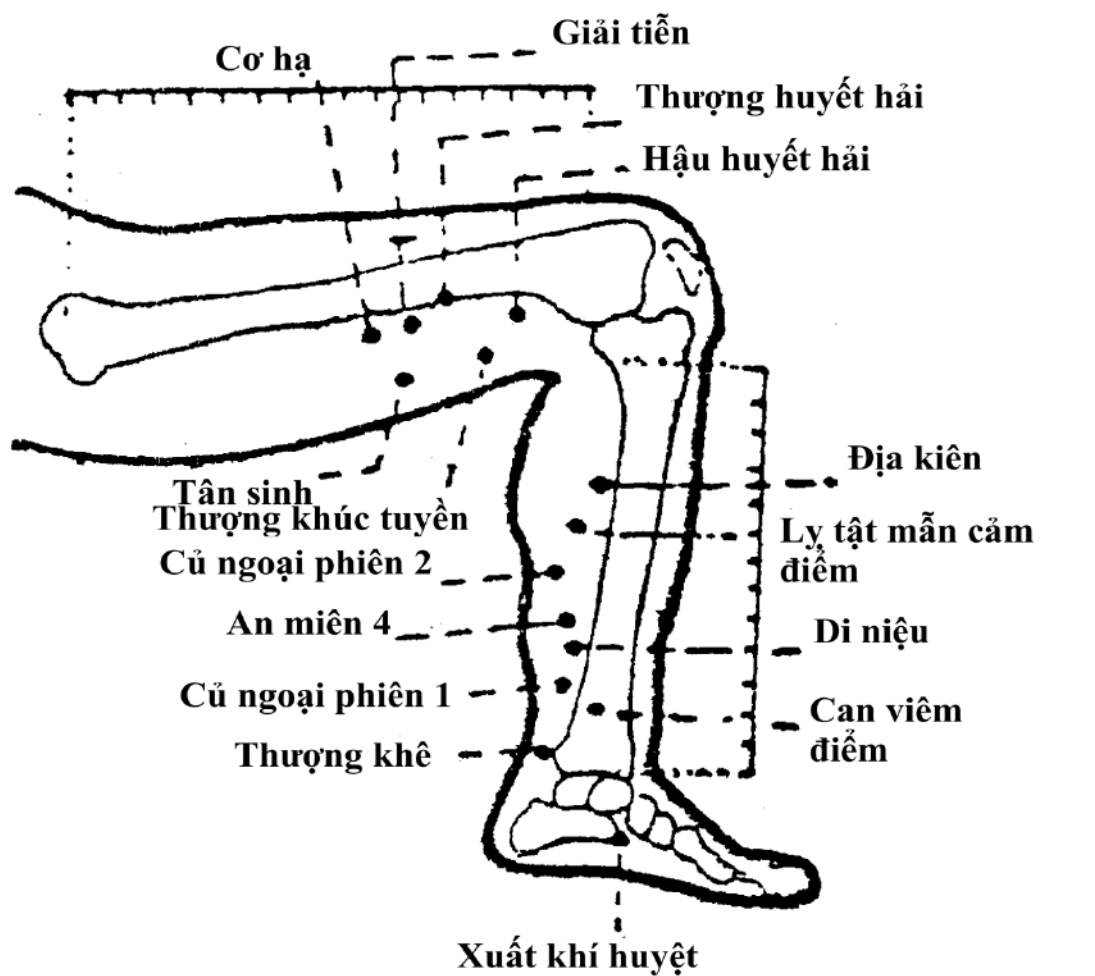




Mặt sau chân



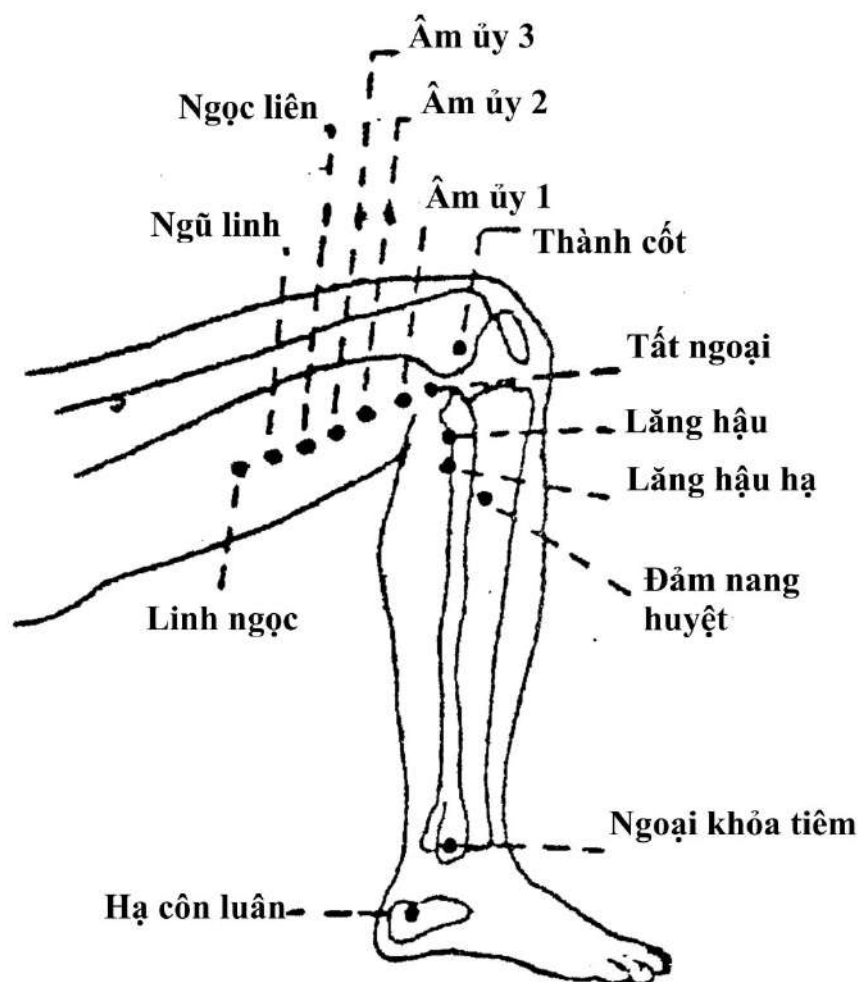
Mặt trước chân



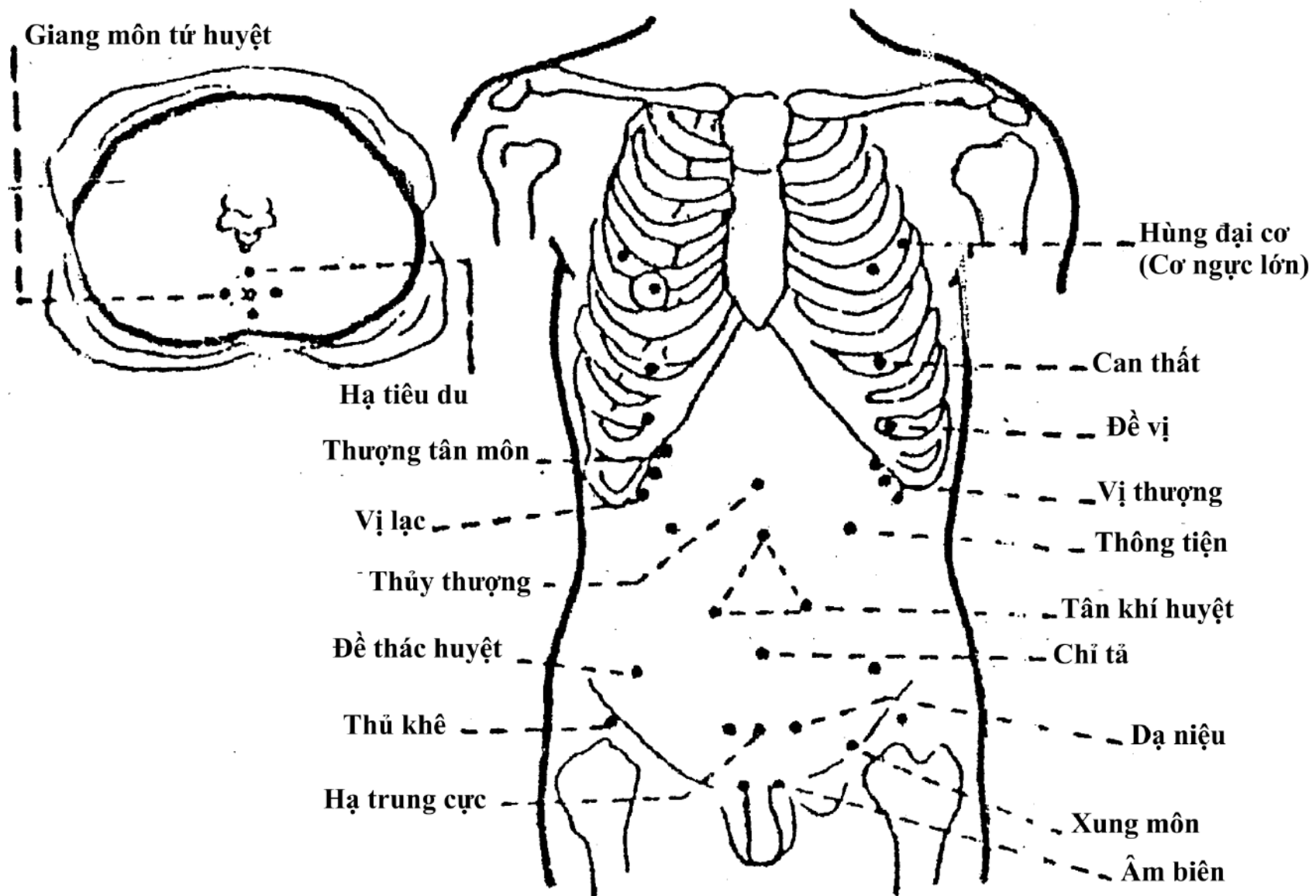
Mặt trong chân

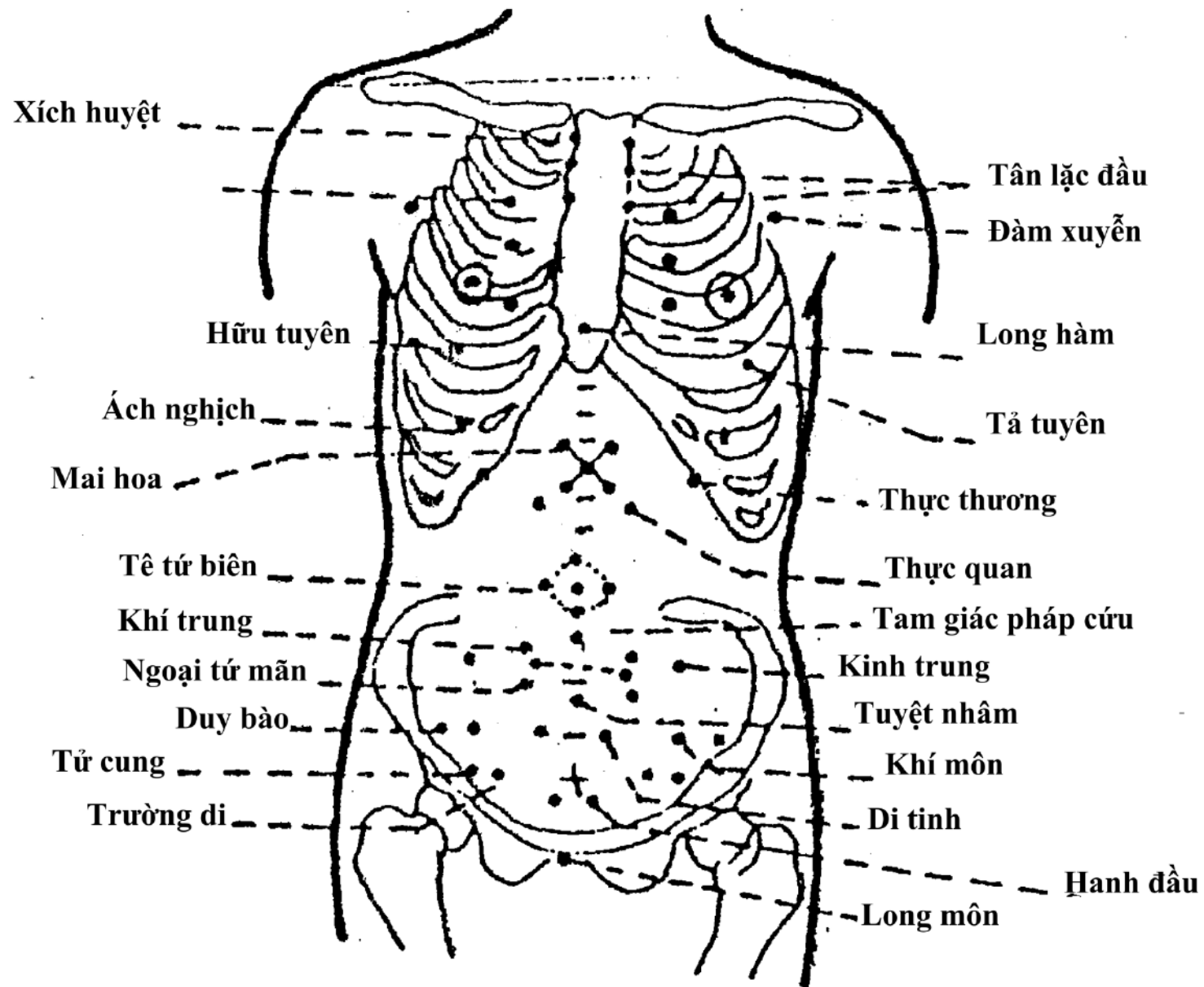


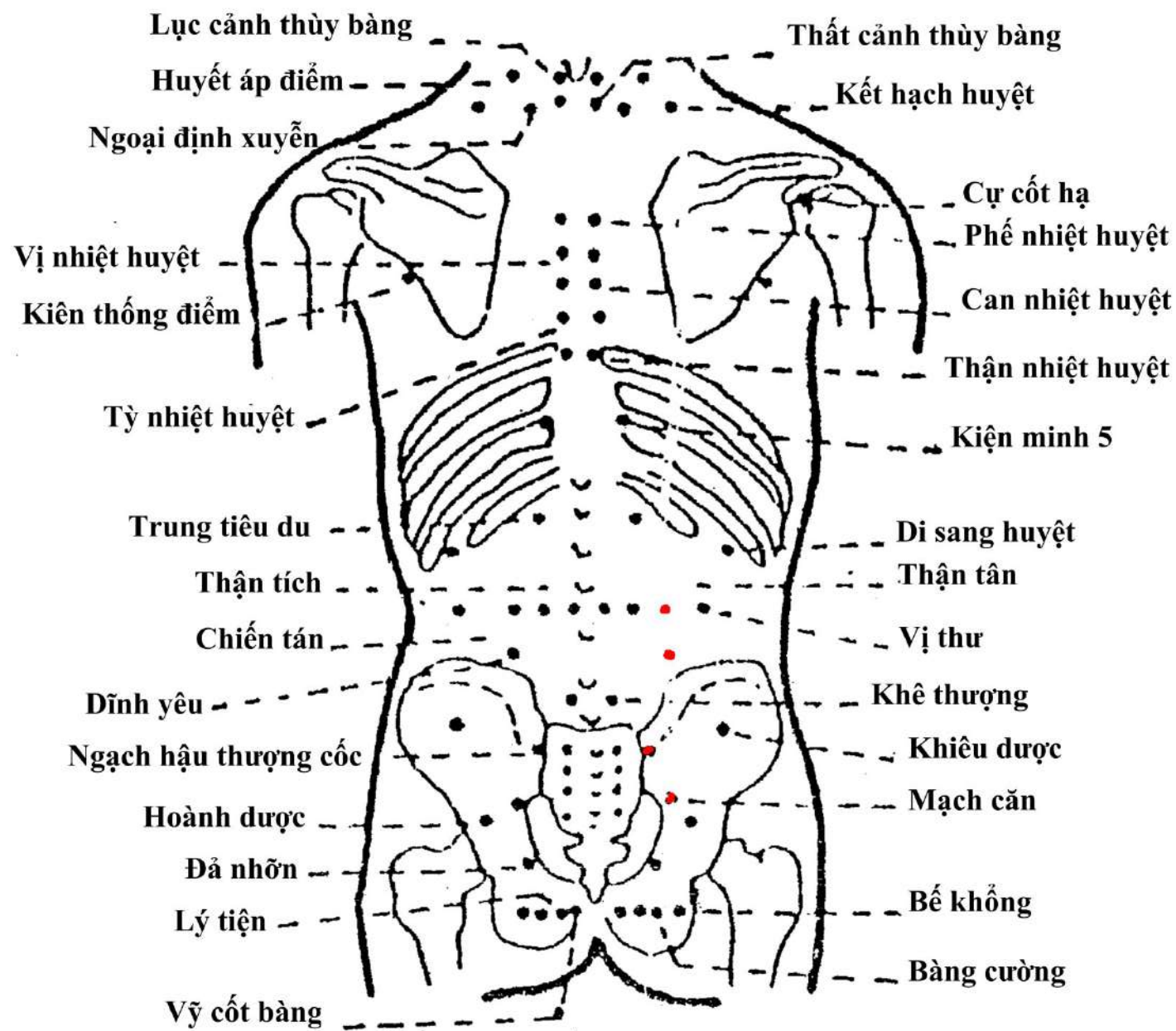
Gót chân

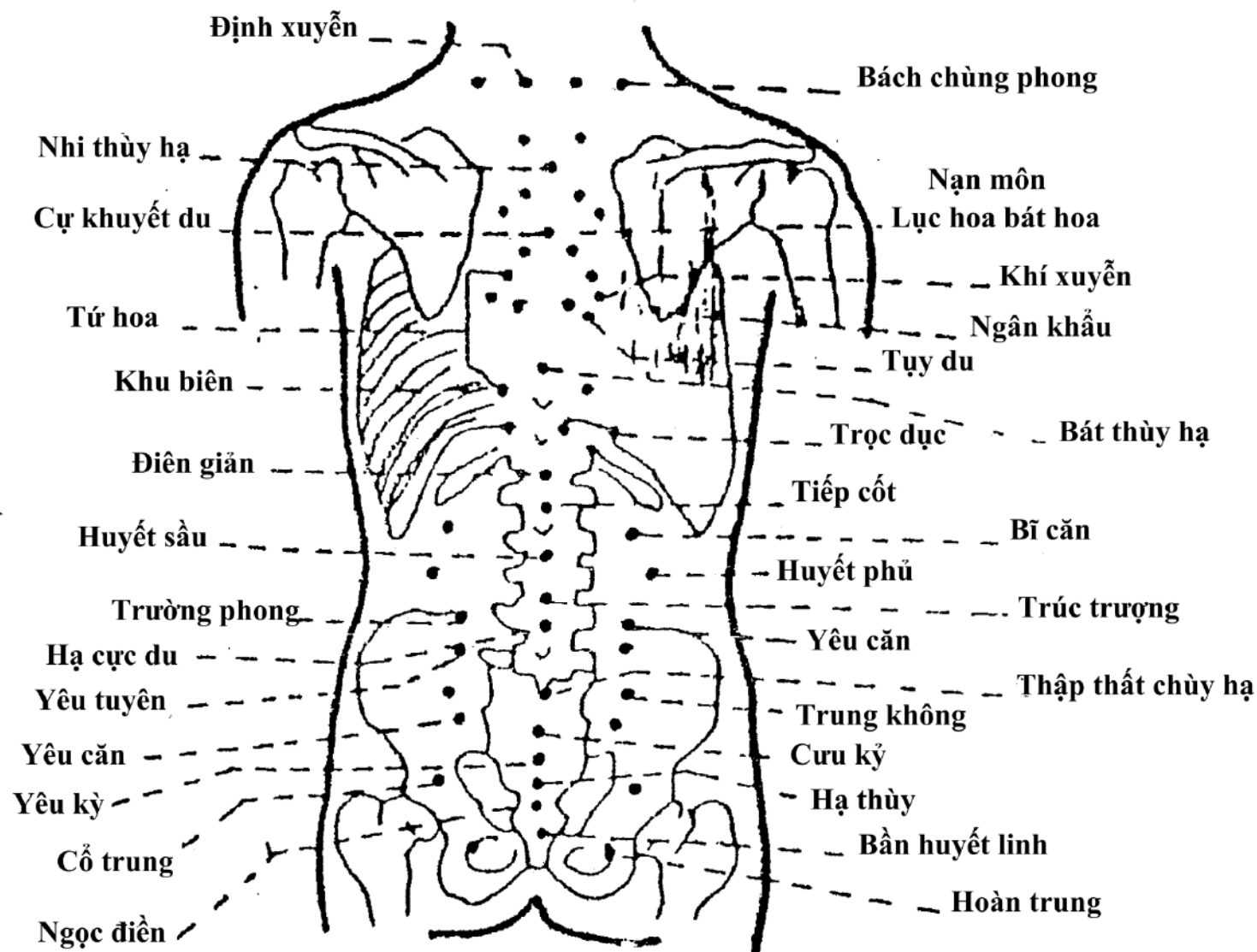


Mặt ngoài chân









II. BẢNG MỘT SỐ HUYỆT THƯỜNG DÙNG THEO VÙNG CƠ THỂ, ĐƯỜNG KINH VÀ TIẾT ĐOẠN THẦN KINH.

TT	Vùng	Khu	Tên huyết	Đường kinh mạch	Tiết đoạn thần kinh
1	Đầu	Đỉnh đầu	Bách hội	Độc	C2
		Trán	Đầu duy Dương bạch Ấn đường Tán trúc Ty trúc không	Vị Đởm Huyệt ngoài kinh Bàng quang Tam tiêu	Dây thần kinh sọ não chủ yếu Dây V cảm giác và VII vận động
		Hố mắt	Tinh minh Đồng tử liêu Thừa khắp	Bàng quang Đởm Vị	-
		Mặt	Nghinh hương Thừa tương Nhân trung Địa thương Giáp xa Quyền liêu	Đại trường Nhâm Độc Vị Vị Tiểu trường	-
		Xương thái dương	Thái dương	Huyệt ngoài kinh	-
		Gáy	Phong phủ Á môn Thiên trụ Phong trì	Độc Độc Bàng quang Đởm	C2 C2 C3 C3
		Xương chũm	Ế phong	Tam tiêu	C2
		Tai	Thính cung Nhĩ môn Thính hội	Tiểu trường Tam tiêu Đởm	C2 C2 C2
2	Cổ	Cổ trước	Liêm tuyền Thiên đột	Nhâm Nhâm	C3 C3-C4
3	Ngực	Xương ức	Đản trung	Nhâm	D4
		Nách	Cực tuyền	Tâm	D2
		Đường nách giữa	Đại bao	Tỳ	D6
		Liên sườn 1	Du phủ	Thận	D2
		Liên sườn 2	Trung phủ	Phế Can	D3
		Liên sườn 6	Kỳ môn		D9
4	Lưng	Vai	Kiên ngưng Kiên tĩnh	Đại trường Đởm	C5 C4
		Lưng	Đại chùy Đại trử Phong môn Phế du	Độc Bàng quang - -	C4-D2 D2 D3 D4

			Tâm du Can du Đổm du Tỳ du Vị du Cao hoang Suyễn tức Khí sựễn	- - - - - Huyết ngoài kinh -	D5 D6 D10 D11 D12 D5 D2 D7
5	Bụng	Thượng vị Ngang rốn - - Sườn 11 Vùng hạ vị - - - -	Trung quản Thiên khu Hoang du Đại hoành Chương môn Quy lai Quan nguyên Khí hải Trung cực Khúc cốt Tử cung	Nhâm Vị Thận Tỳ Can Vị Nhâm - - - Huyết ngoài kinh	D8 D10 D D10 D11-12 D12 D11 D10 L1 L1 L1
6	Thắt lưng cùng	Thắt lưng - - - Xương cùng	Thận du Chí thất Mệnh môn Dương quan Đại trường du Thượng liêu Trường cường	Bàng quang - Đốc - Bàng quang - Đốc	L2 L2 L2 L4 L4 S1 S4
7	Mông	Mông	Hoàn khiêu	Đổm	L4
8	Đùi	Khu đùi trước Khu đùi sau	Lương khâu Phong thị Huyết hải	Vị Đổm Tỳ	L4 L4 L4
9	Khuỷu Đầu gối	Nếp khoeo Đầu gối	Ủy trung Độc tỵ	Bàng quang Vị	S2 L5
10	Cẳng chân	Khu cẳng chân ngoài Khu cẳng chân sau Khu cẳng chân trong	Túc tam lý Dương lăng tuyền Âm lăng tuyền Thừa sơn Tam âm giao Phục lưu	Vị Đổm Tỳ Bàng quang Tỳ Thận	L5 L5 L4 S1 L4 L4
11	Cổ chân	Trước cổ chân Mắt cá ngoài	Giải khô Khâu khur Côn lân Thái khô	Vị Đổm Bàng quang Thận	L5 L5 S1 L4

		Mắt cá trong			
12	Bàn chân	Ngón cái Ngón 2 Ngón 4 Ngón 5	Ấn bạch Đại đôn Lệ đoài Túc khiêu âm Chí âm	Tỳ Can Vị Đờm Bàng quang	S1 S1 S1 S1 S1
13	Mu chân	Mu chân Gan chân	Thái bạch Công tôn Thái xung Túc lâm khắp Nội đình Dũng tuyền	Tỳ Can Đờm Vị Thận	S1 S1 L5 S1 S1 L4
14	Khuỷu tay	Rãnh nhị đầu ngoài Rãnh nhị đầu trong Lồi cầu Ròng rọc Rãnh trụ Mỏm khuỷu	Xích trạch Khúc trạch Khúc trì Thiếu hải Tiểu hải Thiên tỉnh	Phế Tâm bào Đại trường Tâm Tiểu trường Tam tiêu	C6 C8 C6 D1 D1 C7
15	Cẳng tay	Khu cẳng tay sau Khu cẳng tay trước	Liệt khuyết Chi chính Ngoại quan Chi câu Thủ tam lý Thông lý Giản sử Nội quan	Phế Tiểu trường Tam tiêu Đại trường Tâm Tâm bào	C6 D1 C7 C7 C6 D2 C7 C7
16	Cổ tay	Cổ tay trước Cổ tay sau	Thái uyên Đại lăng Thần môn Dương trì Uyển cốt	Phế Tâm bào lạc Tâm Tam tiêu Tiểu trường	C7 C7 D1 C7 D1
17	Bàn tay	Mu tay Gan tay	Hậu Khê Trung chữ Hợp cốc Tứ phùng	Tiểu trường Tam tiêu Đại trường Huyết ngoài kinh	D1 C8 C6 C6, C7, C8
		Ngón tay	Thiếu thương Thiếu dương Trung xung Quan xung Thiếu xung Thiếu trạch	Phế Đại trường Tâm bào Tam tiêu Tâm Tiểu trường	C6 C7 C7 C8 C8 C8